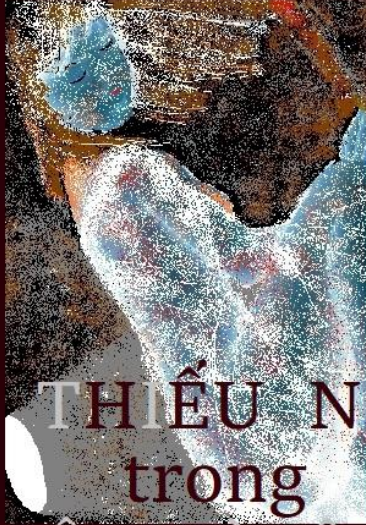


PHAN TẤN HẢI



THIẾU NỮ
trong
NGÔI NHÀ BỆNH
tập truyện

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
2022

THIỆU NỮ
TRONG
NGÔI NHÀ
BỆNH



tập truyện

PHAN TẤN HẢI



THIỆU NỮ TRONG NGÔI NHÀ
BỆNH

MỐI TÌNH ĐẦU CỦA TÔI

KHI DÌ TRANG NIỆM PHẬT

VẾT SON ƠI, QUÊN NHAU LÀ
CHUYỆN KHÓ

KHI EM ĐỨNG DẬY VÀ BƯỚC ĐI

MÀU NẮNG RỰC SÁNG

THIỆN DUYÊN TRONG ĐỜI

NHỮNG DÒNG SÔNG CUỘC ĐỜI

NGƯỜI TỚI NHƯ MỘNG

NGƯỜI BẠN BÊN KIA BỜ ĐẠI
DƯƠNG

CHẰNG, NÀNG VÀ BUỔI CHIỀU

NHỮNG HÀNH TINH QUÁ KHỨ

BÊN KIA DÒNG HUDSON

NGÔI BÊN BÓNG ĐÊM,

NGHE LỜI HẢI CẦU TRÊN CẦU ĐÁ

BÀN TAY TRÊN CAO

MỘT THỜI ĐỂ MÃI VỖ

ĐUỐI BẮT MỘT MÙI HƯƠNG

tv&bh

Phan Tấn Hải

Thiếu Nữ Trong Ngôi Nhà Bệnh
(tập truyện)

Trình Bày: T.Vấn

Tranh Bìa: *Cô Phụ* – Thanh Châu

Ấn Bản Điện Tử
do
T.Vấn & Bạn Hữu

Thực Hiện

©Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu 2022

©Phan Tấn Hải 2022

Phan Tấn Hải

Thiếu Nữ Trong Ngôi Nhà Bệnh
(tập truyện)



Mục Lục

THIỆU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH	001
MỐI TÌNH ĐẦU CỦA TÔI	019
KHI DÌ TRANG NIỆM PHẬT	030
VẾT SON ƠI, QUÊN NHAU LÀ CHUYỆN...	040
KHI EM ĐỨNG DẬY VÀ BƯỚC ĐI	058
MÀU NẮNG RỰC SÁNG	077
THIỆN DUYÊN TRONG ĐỜI	095
NHỮNG DÒNG SÔNG CUỘC ĐỜI	101
NGƯỜI BẠN BÊN KIA BỜ ĐẠI DƯƠNG	108

CHÀNG, NÀNG VÀ BUỔI CHIỀU 119
NHỮNG HÀNH TINH QUÁ KHỨ 126
BÊN KIA DÒNG HUDSON 138
NGỒI BÊN BÓNG ĐÊM,
NGHE LỜI HẢI CẬU TRÊN CẦU ĐÁ 149
BÀN TAY TRÊN CAO 158
MỘT THỜI ĐỂ MÃI VỠ 173
ĐUỔI BẮT MỘT MÙI HƯƠNG 182
NGƯỜI TỚI NHƯ MỘNG 203

THIỆU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH

Phải nhiều tháng sau, tôi mới biết cô nàng bị bệnh ung thư. Gần như là không ý thức, tôi từng nhìn những dãy chai thuốc đủ nhãn hiệu, thuốc viên, thuốc nước, thuốc bột trong ngăn tủ phòng nàng và hoàn toàn không thắc mắc hay có ý niệm gì về sự có mặt của chúng. Cũng thường thôi, có nhiều người vẫn thích để đủ thứ thuốc men thu thập nhiều năm ở một góc tủ như thói quen ở Việt Nam mà không bận tâm gì đến ngày tháng có thể hư hao chi cả, và nếu là trụ sinh thì càng dễ tính, cứ gom lại thật nhiều rồi sẽ gởi về nước cho thân nhân. Lại nữa, các loại thuốc mua từ toa bác sĩ thì chẳng ghi chú gì, chỉ có mấy dòng ghi tên thuốc và ngày uống mấy viên thôi, chẳng ai biết nổi là thuốc hay kẹo.

2 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

Nhưng càng lúc nàng càng xanh xao, nét mặt tái nhợt đi, buổi sáng, buổi chiều, buổi tối. Nói rõ các buổi như vậy vì thời gian đầu hai đứa gặp nhau, sắc mặt nàng thay đổi theo thời gian trong ngày. Buổi sáng tươi tỉnh, hồng hào, nàng rực rỡ, rạng ngời. Buổi chiều nàng ủ dột, buồn ra mặt. Và buổi tối nàng thường than mệt và đòi về nhà. Đôi khi tôi chỉ hỏi, tại sao vậy, và rồi thôi. Không bao giờ tôi nghĩ cần phải vặn hỏi ai điều gì. Điều gì người ta không nói, thì mình không cần phải thắc mắc. Chơi với nhau là phải tin nhau, tin cả lời nói và phải tin cả sự im lặng, tất cả đều có những ý nghĩa gì đó. Và lại nếu xét về vai vế thì tôi lớn hơn nàng nhiều chứ, cả về tuổi nữa, và người lớn thì phải có phong cách người lớn, nghĩa là biết tôn trọng cả những điều người thấp vai không nói. Tôi chỉ nói đùa là tôi không cần mua đồng hồ, vì chỉ cần nhìn mặt nàng đã có thể đoán được mấy giờ rồi. Thí dụ đôi mắt rực sáng như vậy, gò má hồng như vậy, nàng xông xáo như vậy, nhất định phải là trong khoảng bảy hay tám giờ sáng. Hay là khi đôi mắt bắt đầu trở nên xa vắng như đang hướng về một chân trời nào đó thì trời hẳn đã về chiều. "Tùy theo mức độ xa vắng của mắt em, anh sẽ gọi được giờ, thí dụ như bây giờ phải ước chừng là sáu giờ chiều," tôi đã nhiều lần nói với nàng như vậy khi ngồi ở quán Baron. Và khi nàng đứng lên đòi về, tôi gấp giấy tờ sách vở lại, thì mặt nàng hẳn đã nhạt ra, có khi những ngón tay còn run

run nữa. Bây giờ tôi lại đoán được là chín hoặc chín giờ rưỡi khuya.

Tôi nhớ, lần đầu tiên gặp lại nàng là ở trong quán Baron. Bây giờ là chiều lấm rồi, tôi đang ngồi trong quán, lúc đó thật vắng, đọc những xấp bài vở, báo chí đủ loại thì cô nàng đứng ngay trước mặt tôi, gọi tên tôi và hỏi tại sao tôi lại xuất hiện ở vùng thủ đô tị nạn này. Tôi ngẩng nhìn lên, chỉ nhớ mang máng đã gặp nàng đâu đó trên đảo. Nhưng tôi chẳng mấy khi nhớ được những chuyện gì xảy ra hôm qua, huống gì là của nhiều năm trước. Cô nàng tự giới thiệu là có quen tôi khi còn trên đảo, và anh không thể nào nhớ mặt được những kẻ đứng thật xa và nói thật nhỏ. Tôi đã tự trách mình vô tâm và trả lời rằng, ai cũng có thể nhớ được một tên nổi tiếng ở dơ, lười tẩm và làm đủ thứ chuyện lung tung cho đồng bào như vậy; tôi hơi ngạc nhiên nghe mình tự nói xấu cách hồn nhiên, và lại xin lỗi về trí nhớ của mình. Sau này tôi có hỏi lại anh Trung, người Đạo Trưởng của tôi, thì anh cũng chẳng thể nhớ nổi cô bé nào như vậy cả. Có hàng trăm cô bé thế chứ, cậu nói thế làm sao tôi nhớ nổi, anh trả lời nhất gừng. Tôi đã trả lời, chỉ có một thôi, một cô bé kỳ dị như vậy đây, với cả một pharmacy trong phòng. Có hề gì đâu, cũng như trong phòng cậu là đủ thứ sách thôi, anh Trung đáp. Chịu thua, tôi không bao giờ cãi được với ai.

4 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

Buổi chiều, khi chạng vạng tối, tôi thường đến Baron ngồi đọc, ghi chú và suy nghĩ về những điều phải viết. Cà phê ở đây thì đậm, uống vào có thể thức tới hai, ba giờ sáng, còn bánh mì thì có thể thay cơm được. Quán thường vắng vào chiều và tối. Điều hay nhất là không có nhạc vì quán thuộc loại bình dân. Tôi không ưa những quán nhạc ồn ào, đông đúc, mịt mù khói thuốc. Ngồi ở đây, nhìn qua những khung kính ra đường Brookhurst, nhìn buổi chiều, nhìn đêm, nhìn chiếc xe cà tàng của mình bên ngõ hẻm, rồi cúi xuống đọc trên những trang giấy, rồi có khi chạy tới nhà tên bạn hỏi han đôi chuyện hoặc vào bàn gỗ lóc cóc dăm bài thơ cho nó đỡ mệt. Tôi đã có thói quen sống hạnh phúc được trong mọi hoàn cảnh, ngay cả khi bị gây rối vì chuyện tiền bạc hoặc cộng đồng.

Những thời gian về sau, nàng thường ra ngồi với tôi. Có khi hỏi chuyện chán chê, rồi lại im lặng, rồi lại đọc những xấp bài tôi để trên bàn, đủ thứ nhảm nhí, và có khi về Thiên, về chính trị, hoặc thứ gì cũng đôi chút nghiêm trang, vân vân. Rồi lại hỏi những câu không đâu vào đâu. Chẳng hạn như, "Làm thế nào để khỏi bệnh?" Lần đó, tôi đáp, "Tại sao cần khỏi bệnh chứ. Bỏ tất bệnh vì chúng sanh bệnh cơ mà." Nàng đáp, "Hôm bữa anh khóc um xùm khi mới bị nhức răng sơ sơ, thì chúng ta đâu cần phải

bệnh để hiểu được Kinh Phật." Tới những chỗ lý luận cụ thể về cuộc đời thì tôi lại im lặng, bởi vì thực sự tôi chẳng hề hiểu chi về cuộc đời cả.

Phải nhiều tháng sau, nàng mới nói cho biết có lẽ nàng sắp chết. Bảy giờ tôi mới ngẩng mặt lên khỏi mớ giấy tờ, ngạc nhiên nhìn nàng. Chín giờ tối rồi, một tiếng nữa quán sẽ đóng cửa, không còn ai trong quán trừ chúng tôi. Mắt nàng yếu đi, người nàng trước giờ vẫn gầy bây giờ như gầy thêm hơn. Ung thư à, tôi thắc mắc, lạ nhỉ, cái này cũng giống như xổ số đấy. Mắt nàng xịu xuống, ra dáng bé con hẳn, im lặng hồi lâu. Tôi vẫn không thể hình dung được cô bé đang ngồi trước mặt tôi hôm nào có thể biến mất trên đời này. Ngay cả nếu bây giờ cô nàng ngã xuống, lên cơn sốt trăm độ, ngay giữa quán này, đương nhiên là tôi sẽ ẵm cô nàng đi cấp cứu, nhưng vẫn sẽ không thấy chuyện này có thật tí nào. Tôi đã nói với nàng như vậy, thấy nàng vẫn mở to mắt nhìn như không hiểu, tôi giải thích thêm, từ lâu rồi anh vẫn thấy mọi chuyện trên đời chỉ là những giấc mơ thôi. Tôi áp ứng, thí dụ chúng ta đang ngồi đây, giữa quán cà phê vắng thế này, thì cũng không có gì là thật cả, chỉ là những giấc mơ thôi, thấy được như vậy, đây chỉ là những giấc mơ chúng ta sờ được và bơi lội trong nó thì em sẽ không bao giờ đau khổ, thắc mắc hay bận tâm. Em có đùa bao giờ đâu, nàng gắng gượng nói. Ừ thì không đùa, nhưng em phải

6 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

tập Thiên và thể dục, anh sẽ dạy cho, dễ lắm, bệnh nào cũng chữa được. Lời tôi nói như tan vào không khí. Nàng không trả lời, nét mặt xanh nhợt nhạt.

Nàng ở trong một căn chung cư góc Brookhurst và Hazard. Buổi chiều nàng đi bộ ra quán ngồi chơi và nói chuyện với tôi, tới khuya rồi lại về. Làm thế nào cô bé sống được trên thế gian này nhỉ, tôi thắc mắc, lại ngay giữa cái thành phố đầy những xô xát, ồn ào, nhảm nhí này. Tôi thích nơi này biết mấy, cũng như mọi nơi trên trần gian này, chỉ vì tôi không thể ý thức được mình có thể ghét bỏ một nơi nào trong cuộc đời. Nhưng còn cô bé, cô nàng mỏng manh như một hơi thở, gầy như một que tăm, ngây thơ như một dòng chữ trong kinh Phật, và có vẻ như không bao giờ biết tới tuổi thành niên, làm sao có thể ngồi ngay giữa quán Baron này mà không hề sợ hãi. Cái món tiền tàn phế đâu có bao nhiêu. Tôi có thể sống được, và cả hạnh phúc nữa với không một xu dính túi, nhưng còn nàng, cô bé gầy gò dúm dỏ kia làm sao sống nổi giữa trần gian điên dại này.

"Em phải biết trần gian mình lắm bệnh, và đừng thắc mắc gì cả." Tôi giải thích một hôm như vậy và không biết có nên tò mò hỏi thêm về căn bệnh của nàng. Nhỡ như đó là một bệnh khó trả lời, thí dụ như ung thư vú hay tử cung chẳng hạn. "Em phải tập nói chuyện với hư vô hằng đêm, hằng ngày." Tôi băn khoăn không biết mình có đang nói những điều quá

xa lạ với nàng chẳng. "Cứ gọi tên nó ra mà hỏi chuyện, như một người bạn. Đừng giận dữ bao giờ cả. Thì thâm to nhỏ. Khi nào nó hành đẩu quá thì thôi, tìm cách ngủ."

Cô bé mở một tờ báo lá cải và chỉ vào một bài quan điểm. "Sao người ta cứ gọi nhau ra đánh phá lung tung ha. Em thấy cuộc đời mình kỳ dị lắm. Anh đọc bài này chưa. Anh làm báo nữa làm chi."

"Anh chỉ có một điều bận tâm hiện nay thôi. Đó là làm sao cho em và những người đi sau không bao giờ biết tới bệnh là gì." Tôi thò tay qua bàn, xếp tờ báo kia lại và ném qua bàn bên cạnh. "Cuộc đời lạ lắm. Chúng ta không bao giờ hiểu được. Để anh bỏ túc một ý kiến hôm trước, chúng ta không những chỉ đang sống trong mơ, mà thực sự tự thân cũng chỉ là những bóng thoáng qua, ẩn hiện trong đó."

Cô bé nhú trán. Thói quen này tôi không thích lắm. Một lần tôi có phê bình, em đừng tập kiêu nhú trán cau mày ra dáng đăm chiêu nữa, có vẻ người lớn một cách không tốt. Bởi vì cau mày nhú trán cũng không thể làm em trở nên nhà bác học được. Thế là suốt cả tuần lễ kế tiếp, cô nàng nhú trán cau mày liên tục. Cũng may những thói quen như vậy nàng quên cũng rất mau. Lúc đó tôi tự nhủ, phải chỉ chúng bệnh nàng cũng thế thì hay biết mấy, muốn

8 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

nhớ thì có, muốn quên thì đi, cuộc đời sẽ vui biết mấy.

"Em muốn anh tới đưa đón mỗi chiều ra quán Baron. Em không còn sống bao nhiêu ngày nữa." Cô bé một hôm nói nghiêm trang như một mệnh lệnh. Khuôn mặt nàng nhợt nhạt, xanh xao, hiện lên đôi mắt sáng nhìn thẳng vào tôi. "Em có thể đi bộ ra ngôi với anh được. Nhưng em muốn từ bây giờ anh phải đón em ra đây."

Tôi không thấy có gì để từ chối. Một hôm nào, cô bé rời khỏi cuộc đời này, rời những hệ lụy trần gian và sẽ vui vì những ngày hôm nay. "Chỉ vậy nhỉ," tôi vẫn cãi bướng, "em cần phải ngủ nhiều hơn là đi chơi. Nhất là ra đây lại khói thuốc, bụi bặm, có tốt đâu. Nhớ thẳng nào quăng lựu đạn vào đây thì lại hỏng. Cứ gói đầu vào pharmacy của em mà ngủ là tốt nhất."

Người cô bé như nhỏ lại, đôi mắt vẫn nhìn thẳng vào tôi.

"Mỗi ngày em phải hỏi anh khoảng ba câu hỏi về Thiên. Anh sẽ trả lời, em không cần hiểu, nhưng bắt buộc phải nghe và nhớ. Có như vậy anh mới đưa đi chơi, và mỗi ngày sẽ đón em ra đây. OK? Được ha." Tôi ra giọng thầy, "Vậy thì hôm nay câu hỏi nào đây?"

"Em đâu biết hỏi gì." Cô nàng giọng nhỏ lại, nhìn ra ngoài những khung kính. Tôi đoán nàng hơi mệt, bây giờ là trễ rồi, trời sụp tối ngoài kia. Tôi cũng không biết phải nói gì. Hình như có gì chặn nơi cổ họng tôi. Cô nàng nói, giọng thật nhẹ, rất nhiều khi em buồn ngủ, như bây giờ chẳng hạn, nhưng cứ sợ sẽ không bao giờ thức dậy. Cũng có khi đau, đau cả người chứ, nàng vẫn nhìn ra những ngọn đèn đường. Đau đốn lăm, như bây giờ chẳng hạn, nhưng em muốn anh thăm em mỗi ngày...

Bây giờ thì tôi biết nàng bị ung thư tử cung. Cũng lạ, vì chứng bệnh này thường xảy ra cho người lớn tuổi. Một lần nàng vào nhà thương Anaheim năm cả tuần lễ. Mỗi chiều tôi đều vào chơi bên giường bệnh với nàng. Tôi đọc đôi tin vớ vẩn về Việt Nam, giả vờ lướt qua vài bài thơ cho có lệ, thơ dở lắm, chẳng thấy bài nào hay cả, tôi cứ gạt qua như vậy. Em tập thở đi, cũng đỡ mệt hay đau đốn chẳng hạn. Nàng gầy hẳn đi, hai gò má nhô xương ra. Giọng nàng thì trầm, anh không nên nhìn em trong hoàn cảnh này. Nàng nói nàng chẳng ưa tí nào bộ đồng phục màu xanh của nhà thương. Tôi ngồi bên cạnh và đọc thầm bài Đại Bi Chú. Không ai biết chuyện gì sẽ xảy

10 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

ra ngày mai, tôi nhìn những ống thuốc bên giường nàng. Tôi siết chặt tay nàng dưới tấm ra giường. Tay em toàn là xương, làm thế nào có lại thịt da như ngày xưa nhỉ, tôi bùi ngùi suy nghĩ. Sau lần mổ này, sức cô bé sẽ yếu hẳn, bác sĩ nói với tôi như vậy. Người bác sĩ già tóc trắng người Mỹ giải thích với tôi về cách gìn giữ sức khỏe hằng ngày cho nàng. Ông ta có vẻ hiểu làm như chúng tôi là tình nhân, hoặc một kiểu như đang sống với nhau.

"Thuốc ấy à, cô ấy cần cả một pharmacy đấy. Nhưng rồi cũng sẽ chẳng đâu vào đâu." Gibson, người bác sĩ già lắc lắc đầu. Từng mảnh tóc trắng bay trên đầu, ông đứng giữa hành lang sạch bóng và thơm mùi nhà thương giải thích.

Nhà thương cách thư viện công cộng hai block. Suốt ngày tôi ngồi đọc và viết trong thư viện, chờ tới bốn giờ thì vào thăm nàng. Nhưng những ngày này trôi qua thật chậm, tôi không đọc được nhiều và cũng không viết nhiều. Máu lười cũng nổi lên rồi, tôi tự khiển trách như vậy. Nhưng cũng không phải, tôi nghiệm ra mình không tập trung tinh thần được. Tôi nhớ tới những ngày mẹ tôi sắp mất. Những ngày ấy tôi vẫn không bao giờ nghĩ rằng mình sắp xa mẹ. Chuyện gì với mình cũng là chuyện bất ngờ, tôi tự nghĩ. Nhưng còn chuyện này, cô bé hẳn là sắp rời thế giới này rồi, tim tôi thất lại khi nhớ tới lời bác sĩ.

Y Học không tiên đoán được gì thêm cho những trường hợp này, cách nói ông dè dặt.

"Mr. Gibson, ông nghĩ rằng bao giờ nàng đi," tôi ngập ngừng hỏi.

"Cứ giả thiết là vài năm nữa chẳng hạn, cũng có thể là vài tháng. Tốt hơn hết là cứ bình tĩnh chờ thôi. Nhưng còn phép lạ nữa chứ. Chúng ta phải tin vào những điều không hiểu được." Ông nói chậm rãi, gật gù, đôi mắt xanh nhìn tôi như chờ đợi một phản ứng.

Tôi đã trả lời rằng tôi tin vào phép lạ, bởi vì cuộc sống tự nó đã là phép lạ. Tôi ngạc nhiên nghe giọng mình rất mực bình tĩnh.

*Nếu chúng ta không thờ nữa
không thấy được bầu trời xanh trên kia
không nắm được tay nhau trong đời này
và cảm lạnh đời đời dán lên môi
hãy tin vào...*

12 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

Bài thơ tôi làm được mấy câu, cũng dở dang. Tôi đọc khi nàng ra viện. Căn phòng em tự nhiên thân thiết hơn, nàng nói khi tôi đưa nàng về. Về lại cái pharmacy này vui hơn, tôi kiếm chuyện để nói. Bình thường tôi thuộc loại ít lời. Vài ngày sau, nàng mới nhớ là tôi có đọc bài thơ nào đấy cho nàng. Bài thơ anh làm đó hả, cô nàng hỏi. Ừ, thơ dở lắm, đừng nhớ tới nó nữa, tôi lầu bầu. Anh có cả trăm bài như thế đấy, đừng bắt anh làm thơ, chẳng ai khen cả. Có em khen chứ, em thích những bài thơ như vậy, nàng biện hộ. Ừ thôi quên đi, anh năn nỉ mà.

Khi hơi khỏe khoản một chút, cô bé lại đòi ra quán Baron chơi mỗi chiều. Chi vậy, tôi tìm lời ngăn cản, ở nhà cho chóng khỏe. Ngoài kia đầy khói thuốc đấy. Em thích ngồi nhìn buổi chiều, vả lại em thật sự không bệnh, nhưng chính là cuộc đời bệnh, cuộc đời làm em bệnh. Tôi đùa, không phải em bệnh, đúng không, mà là ngôi nhà bệnh chứ gì. Cô bé gật đầu, đáng như hiểu mọi lời tôi nói. Chúng tôi bật ra cười. Tôi nói thêm, em không biết rằng buổi chiều làm em mệt sao, mặt mũi cứ nhợt nhạt ra, ai cũng biết là bệnh cả. Vả lại, bây giờ em cần phải mập ra một tí. Nàng xịu mặt xuống, em lúc nào cũng toàn xương cả, làm sao mập nổi. Tôi im lặng. Nàng hỏi sang chuyện khác, lúc này báo chí còn chống phá lung tung nữa không. Có trời biết họ đang làm gì, trần gian mình lăm chuyện lăm, tôi nói trong cách để

nàng khỏi suy nghĩ. Anh nhà báo, anh biết chứ, cô bé trở giọng bướng bỉnh. Câu hỏi thứ nhất về Thiên em chưa hỏi mà, tôi vặn lại, thôi ngủ đi nghe chưa. Tôi kéo mền phủ khắp người nàng.

Tôi ngồi trên sàn nhà sắp xếp những bề bộn sách vở, áo quần của nàng. Đôi con búp bê nhựa thò đầu giữa đồng lung tung ấy, tóc vàng, mắt xanh, biết nhắm mắt, mở mắt. Tôi nằm lãn ra giữa phòng ngủ vì mệt, tay còn ôm hai con búp bê vào ngực. Buổi sáng thức dậy, nàng đang pha cà phê. Tôi xin lỗi vì ngủ quên, đáng ra anh nên về nhà, những người chung quanh có thể nói những lời không tốt. Nàng bảo không sao, em cũng sắp theo ông Phật rồi, chẳng ai thắc mắc đâu, mắt nàng vẫn nhìn tôi thăm dò. Tôi bảo, cuộc đời nhảm lắm, họ bịa chuyện lung tung cho coi. Nàng bảo, anh cứ giải thích thì họ phải tin thôi. Tin cái gì nhỉ, tôi băn khoăn, nếu đêm qua em thôi không thở nữa, họ sẽ bảo gì đấy, chẳng hạn như anh rape em, hay là làm nhảm gì đấy. Cô bé đem ly cà phê đặt trước mặt tôi, ẵm lên hai búp bê nhựa, nói như với búp bê, chẳng sao cả các em nhỉ. Tôi không biết nói thêm gì cho rõ hơn, em nghe này, thí dụ đấy, họ bảo là chúng mình làm tình thì chẳng tốt cho em tí nào. Nàng mở to mắt nhìn, nhưng mình có đâu, mà họ nói thì có sao đâu. Tôi nhún vai và đứng dậy ôm nàng vào lòng. Nàng chỉ là một đứa bé

14 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

không bao giờ lớn. Nàng tựa đầu vào ngực tôi, em không còn bao nhiêu ngày sống nữa. Tôi nói, em chỉ là đứa bé sáu tuổi. Nàng bảo, còn anh là sáu tuổi rưỡi, mắt nàng vẫn ngẩng nhìn lên, tay bắt chặt vai tôi.

Từ đó, thỉnh thoảng tôi đến ngủ phòng nàng mỗi khi lười về nhà hoặc có khi để làm nàng vui. Tôi không nằm trên sàn nhà nữa, nàng dạy tôi mở chiếc ghế sofa ra làm giường. Cũng hơi phiền vì phải dùng một tí sức và sự khéo léo để mở được các lò so sắp ri sét bên trong ghế. Nhiều ngày lên được phòng nàng, tôi trải túi ngủ ngay trên sàn nhà và chui vào ngủ. Cách này tiện hơn dù nàng cứ lầu bầu hoài. Tôi ngủ ở đây tiện cho việc ăn uống của tôi. Và đôi phần cũng tiện cho sức khỏe của nàng. Nàng bảo, ngủ một mình em sợ lắm. Sao lại sợ nhỉ, tôi giải thích rằng tất cả những nỗi sợ đều không có thực. Em sợ đau đốn, và đôi khi sợ chết nữa. Nàng nói nàng cảm được nỗi đau len vào từng bắp thịt, thất các cơ lại và di chuyển qua lại dăm nơi trên cơ thể nàng. Còn sợ chết nữa, nàng nói thật nhanh, em sợ không thấy anh nữa. Nếu em tập được không suy nghĩ gì cả, tôi giải thích, thì sẽ không bao giờ thấy được gì là sợ hãi với lo lắng. Nàng có vẻ không tin bao nhiêu vào những điều như vậy.

Có đôi tên nhà báo bắt đầu thắc mắc về hành động của tôi. Họ xì xầm đôi điều và tôi nghe lại từ những nguồn khác. Khi tin này được diễn dịch qua mấy bà vợ của họ thì càng nghiêm trọng nữa. Tôi bảo với một tên bạn thân của tôi, làm sao dính chính bây giờ, tội nghiệp cho cô bé chứ. Tên này thuộc loại cũng chẳng bận tâm chuyện gì trên đời, hẳn chỉ gật gù bảo kê. Tao chỉ ngồi canh bệnh cho cô bé thôi, ai cũng có thể đoán như vậy, tôi nói. Thế mà cũng nghĩ rằng tao làm tình với cô nàng à, tôi có vẻ hơi quạu quọ khi phải nói như vậy. Biết làm sao được, hẳn bảo để hẳn giải thích cho những nguồn tin kia im đi. Tôi chỉ hy vọng cô bé không nghe gì cả. Nếu tôi biết có ai nói gì với nàng, tôi sẽ vạy cổ hẳn ngay.

"Phòng cô bé là một pharmacy, còn tao là người canh bệnh. Hiểu chưa?" Tôi đứng lên và nói gần với tên bạn như vậy trước khi về.

Thật sự thì như vậy. Tôi đã sống đơn giản như vậy. Tôi chỉ là kẻ săn sóc trần gian này, và trước tiên là cô bé. Thế thôi.

Bệnh nàng càng lúc càng nặng. Mùi thuốc lúc nào cũng bốc lên ngợp cả phòng. Ban đêm nàng thường trần trọc, bật đèn dậy đọc sách, hoặc pha thuốc uống. Nàng nói, nỗi sợ của nàng càng lúc càng tăng. Tôi nói biết sao bây giờ, cứ thờ đều đặn rồi sẽ ngủ quên thôi. Nàng nói có khi đau quá, cứ nhìn thấy

16 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

những hình ảnh dữ dội hiện ra trước mắt. Tôi hỏi hình ảnh gì. Nàng nói hình ảnh trong những cuốn sách về ma quỷ hay địa ngục gì đấy, đủ những thứ nàng từng đọc hồi nhỏ. Tôi nói, khi nào em sợ cứ bật đèn lên đọc sách, đừng lo anh mất ngủ, vì anh có thể ngủ được trong mọi điều kiện.

Suốt tuần như vậy, nàng than thở về sợ hãi, về sự chết. Tôi cứ nằm vật ra trên sofa, giữa sàn nhà bề bộn đủ thứ, bóp bóp hai con búp bê cho nó kêu những tiếng oa oa cho nàng vui, rồi lại nói lảm nhảm về mọi chuyện trên đời cho tới khi hoặc nàng ngủ quên hoặc tôi gục đầu vào đóng sách vở thiếp đi.

Thời gian sau này chúng tôi không ra quán Baron nữa. Lý do chính là không có tiền. Tiền tem thư và điện thoại của tôi còn nhiều hơn tiền chợ. Tôi còn phải tiết kiệm sức khỏe của nàng nữa chứ, đi đứng nhiều chỉ mệt thêm. Phòng làm việc và nơi ăn ngủ của tôi bây giờ là ghé sofa của nàng.

Một chiều, nàng bảo tôi đưa nàng đi chơi. Tôi chở nàng ra Laguna Beach, vào các shopping mall và trở về khi đêm xuống. Nàng nói muốn vào Baron uống

ly cà phê cuối cùng. Tôi ngạc nhiên hỏi sao lại cuối cùng. Mặt nàng tái xanh, gầy nhợt nhạt. Tôi cũng chiêu nàng và nói sẽ làm mọi chuyện trên đời này để làm nàng vui. Khi ngồi trong quán tự nhiên nàng chảy nước mắt. Tôi hỏi sao vậy. Nàng nói buồn ngủ. Em không còn đau đớn nữa, nhưng buồn ngủ lắm, tự nhiên buồn ngủ dễ sợ. Và nàng gục đầu lên bàn, nước mắt còn ngấn mi và nói để em ngủ. Tôi trả tiền và diu nàng vào xe đưa về. Tôi phải ẵm nàng lên cầu thang. Nàng nhẹ như bông. Đầu gục vào ngực tôi, mắt nhắm lại, nét mặt dịu dàng. Tôi nghe như tiếng thì thầm khi đặt nàng xuống giường, em không sợ nữa, không sợ gì nữa. Tay nàng vẫn níu chặt ngực áo tôi. Trên khuôn mặt nàng hiện ra một vẻ bình yên làm tôi vui. Nàng trở người và ôm chặt lấy tôi, đầu dúi vào ngực tôi. Tôi kéo chăn đắp và ôm nàng ngủ. Sáng hôm sau nàng không thức dậy nữa. Đôi mắt nàng không bao giờ mở ra nữa. Giọt nước mắt trên mí đã khô, nhưng nụ cười vẫn còn tươi.

Sau này, một người bạn bác sĩ cho biết những người bệnh ung thư chết thường rất là đau đớn, vật vờ. Tôi không nói gì về cái chết bình yên của nàng, tôi không thích nói những điều riêng tư. Tới bây giờ thường khi mỗi khi trở giấc, tôi vẫn cảm thấy nàng đang dúi đầu vào ngực tôi, gối đầu vào vai tôi, tóc nàng còn thơm mùi chanel vương vất trên mặt tôi, vòng tay nhỏ nhắn của nàng vẫn ôm chặt tôi. Mỗi

18 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

khi cảm thấy như vậy, tôi lại đọc thắm ba biển Đại Bi cho nàng. Chúng tôi chỉ là những đứa trẻ trên trần gian này. Và nàng, cô bé kia đã một thời sợ hãi cuộc đời và nay đã đi xa, thật xa. Còn gởi lại nụ cười. Thật tươi. Ngay cả khi đôi mắt đã khép vĩnh viễn.

Nhiều tuần sau, một chiều tôi trở lại Baron, ngồi đúng nơi bàn chúng tôi thường ngồi. Ngoài trời bắt đầu tối. Tôi nhìn qua những bàn trống và chợt nhớ lời nàng một hôm, chúng ta đang trong ngôi nhà bệnh. Nơi này có bệnh? Tôi không biết. Chỉ biết tôi đang nhớ nàng kinh khủng, nắm giẻ rách thơm mùi bệnh viện của tôi.

Khi đưa tay vào túi lục tiền, tôi thấy lại mảnh giấy hôm trước ghi bài thơ. Tờ giấy nhăn nheo, rách bèo nhèo. Tôi không dám mở ra đọc lại, chỉ nhét vội vào túi. Và khi đứng dậy ra về, tôi đi như chạy. ■

MỐI TÌNH ĐẦU CỦA TÔI

Tôi chỉ quen cô bé chỉ có hai năm. Những ngày thơ ấu đó vẫn còn phảng phất trong trí nhớ như sương khói bây giờ của tôi, nhiều thập niên sau.

Nhớ lại, tôi nghĩ rằng tôi và cô ta bằng tuổi nhau, hay chỉ có thể hơn kém nhau một tuổi thôi. Vào một ngày trong năm học lớp năm, ngày xưa gọi là lớp nhất, tôi quen cô ta. Lúc đó, biết rằng cô học khác trường nhưng cũng ở lớp năm. Nhà tôi ở một xóm gần nhà cô ta, cùng quanh quẩn ở Xóm Chuồng Bò trong các hẻm đường Nguyễn Thông nói dài. Bây giờ, có lẽ đường này đổi tên rồi, vì Sài Gòn đã đổi rất nhiều tên đường, sau khi phân chia lại các quận và phường.

Gọi “cô ta” chỉ là thói quen của chữ viết. Thực ra, lúc đó và bây giờ, cả trong suy nghĩ, vẫn gọi cô ta là “nhỏ Minh.” Đúng kiểu con nít Sài Gòn là thế, nghĩa là con nhỏ tên Minh. Nhưng hồi đó, khi nói chuyện, tôi vẫn không thể nói được ngôn ngữ bình thường như với những người bạn khác, nghĩa là không gọi đúng tên “Minh,” mà cứ phải đệm một chữ nữa, có vẻ như thế mới êm tai hơn, như “Minh này.” Tại sao phải nói thế, bây giờ tôi vẫn không hiểu nổi.

Thí dụ khi nói chuyện, tôi nói, “Minh này, hôm qua đi học thế nào...” Và không bao giờ tôi gọi đơn giản là, “Minh, hôm qua đi học thế nào.” Có vẻ như, đứng trước con nhỏ Bắc Kỳ gầy nhom đó, tự nhiên tôi trở thành một thằng nhóc khác lạ.

Ngược lại, cô bé không bao giờ gọi đúng tên tôi. Lần đầu tiên gặp, cô bé gọi tôi là “Oi... ơi,” và thế rồi, gọi tôi mãi với tên đó.

Khác trường là thế này, tuy nhà chỉ cách nhau một hẻm ngoằn ngoèo, vòng qua mấy bụi tre, nhưng trường tôi học là phải đi về hướng đường KỳĐông, còn trường cô bé phải đi về hướng ga xe lửa Hòa Hưng, tức là hướng đường Lê Văn Duyệt. Tôi chỉ biết đường Lê Văn Duyệt đã đổi tên là đường Cách Mạng Tháng Tám, còn các đường khác vẫn chưa rõ có giữ tên cũ hay không.

Con nít học lớp năm thời đó khù khờ lắm, chẳng biết gì. Tôi nghĩ, cô bé nhanh nhẹn hơn tôi nhiều, vì kiểu con gái Bắc Kỳ bao giờ cũng nhanh, cũng khéo và dĩ nhiên là lúc nào cũng xinh và như đường là ngoan hiền. Trong sân nhà cô bé có cây lê ki ma khổng lồ. Lần đó, đi ngang gần đó, tôi thấy cô bé đang đứng ở một góc mộ cổ đá tổ ong, nhón chân lên, rồi phóng người lên, mấy lần muốn chụp mấy trái lê ki ma lòng thòng... và đều trượt.

Tôi đứng nhìn, cười – mà không cười sao được, một con bé cỡ mười tuổi, gầy nhom, không dám trèo lên cây mà lại đứng trên mộ cỏ cứ phóng hoai, đều trật. Cô bé nhăn mặt, nhìn tôi lại, một chặp nói, “Ơi... ươi.” Tôi quay đầu ra sau nhìn, không thấy ai hết. Cô bé bảo, “Ơi... ươi. Trèo lên cây, hái giùm đi, chia nhé.”

Trời ạ, giọng nói cô bé nghe như âm nhạc. Thiệt sự, tôi không hiểu gì về nhạc, cũng chưa mê nghe nhạc như sau này, vì trường học lúc đó chỉ dạy mấy bài kiểu hát làm sao cho ồn, cho vui là được, như “Hè về... trời hồng hồng, sáng trong trong, ngàn phượng rung nắng ngoài song...” và hoàn toàn không thằng nhóc nào bị than phiền là hát sai, hát trật cả. Nhưng lúc đó, tôi nghe giọng cô bé như từ trời xuống, nghĩa là từ thế giới khác, không dính chút nào với thế giới của bọn con trai chúng tôi, hễ cứ hét lên cho hét bản nhạc là được thầy giáo khen.

Tôi trèo lên cây, hái một loạt trái lê ki ma chín, đem xuống đưa cho cô bé. Cô bé chia đôi, ròi vào nhà, một ngôi nhà có những song cửa cao, kiểu các cột cao gài liền nhau. Loại cửa này bây giờ không ai xài nữa, vì người ngoài có thể nhìn vào trong nhà, và bên trong thường phải tẩn thêm những tấm ván để giữ kín đáo và an toàn.

22 | THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH (tập truyện)

Thế là tôi quen cô bạn đầu tiên trong đời tôi, trong năm cuối bậc tiểu học, vì trường tôi chỉ toàn là con trai. Thời đó, hiếm có trường học chung trai gái, dĩ nhiên trừ bậc đại học.

Cô bé tên Minh. Và tôi cứ mãi được cô bé gọi là “Oi... ạoi.” Chẳng hiểu vì sao. Sau này tôi đoán, ba của cô bé thường hát bài gì đấy, thuộc loại dân ca Miền Bắc, cứ như là có nhóm chữ “Oi... ạoi,” và thế rồi tự nhiên cô bé gọi tôi như thế.

Ba cô bé cũng gầy nhom, thỉnh thoảng với tay lấy cây đàn nguyệt trên vách xuống, đàn cho tôi nghe những bản nhạc rất mực lạ lùng. Hình ảnh đó cực kỳ dị thường, in vào trí nhớ của tôi: một gian phòng trên vách có mấy tấm bảng chữ Nho, giữa là một tấm hình Đức Phật có vẽ treo cho nghệ thuật chứ không phải để thờ tự, mấy cây đàn nguyệt và mấy ống sáo treo trên vách.

Tôi biết đó là dân ca Miền Bắc, nhưng chẳng làm sao nghe rõ từng lời ca được. Tôi sinh ra ở Sài Gòn, nghe dân ca Miền Nam cũng không nhận rõ ra từng chữ, nói gì tới dân ca nơi khác. Nhưng tôi nhận ra một bí mật, rằng tên cô bé đặt cho tôi, “Oi... ạoi” thực ra là trong một số bài dân ca bố cô ta hát.

May mà tôi còn nghe rõ mấy chữ đó, chứ còn hát bội, cải lương, hát ví, hát dặm, hát đu thứ gì đó... thời đó là tôi chịu thua, không thương thức nổi. Tôi

mấy năm sau, khi mới vào đại học là mê liền nhạc Trịnh Công Sơn, Lê Uyên Phương... và không bao giờ thắc mắc tại sao thời đó mình không thích cổ nhạc với dân ca.

Mẹ cô ta kẹt lại ở Miền Bắc thời năm 1954. Tôi không biết nên gọi bà cụ thế nào, vì chưa bao giờ phải xưng hô trực tiếp, chỉ nói đơn giản là “bác gái” khi nói chuyện với Thầy Ký – tôi quen gọi theo kiểu trong xóm, rằng hễ người làm công việc văn phòng như bố cô bé, là đều được gọi là Thầy Ký hết. Cho tới bây giờ, tôi vẫn không hiểu tại sao gọi bác là Thầy Ký, mà không phải là Thầy Hai theo lệ thường. Tôi đoán, có lẽ tên Thầy Ký là do bác hót tóc đầu xóm đặt cho bác, thế rồi mọi người quen tên gọi như thế. Cũng không chắc là bác hót tóc, có thể là một bác nào ưa tới tiệm hót tóc đánh cờ tướng, rồi gọi thế chẳng...

Trí nhớ mù sương của tôi không bao giờ hiểu hết mọi chuyện thời này. Nhưng thỉnh thoảng, tôi vẫn tới nhà nhỏ Minh để ngồi đọc sách. Bố của Minh có tủ sách đặt khắp quanh nhà. Thực ra, lúc đó có thể thuê sách về nhà đọc cũng được. Ba tôi làm ở ngành Hỏa Xa, đi theo xe lửa thường xuyên, nhưng má tôi nghiêm lắm, bắt học liên tục, chỉ tới khi vào lớp mười (lúc đó gọi là lớp Đệ Tam) mới cho tôi đọc sách thoải mái vì trên trường buộc phải tìm đọc sách của Tự Lực Văn Đoàn và thơ, truyện thời tiền chiến.

Thích thú là những khi tôi ngồi trong nhà Thầy Ký đọc sách Tam Quốc Chí, tuy thời lượng không nhiều, chỉ khoảng nhiều là một giờ một ngày, vì còn phải ôm cặp chạy ù về nhà để vòng tay “thưa má, con đi học về.” Khi đọc sách, tôi ngồi trong chiếc ghế gỗ gụ màu nâu, bên kia bàn là Thầy Ký có khi ngồi im lặng khảy vài nốt đàn, có khi Thầy Ký cũng đọc những cuốn sách của Thầy – chữ Hán văn (hay chữ Nôm, có Trời mà biết), chữ quốc ngữ, hay Pháp ngữ. Chúng tôi chìm đắm vào thế giới riêng của mình. Buổi chiều, nắng chiếu nghiêng qua cửa sổ, hắt lên những bàn ghế sách vở trong nhà làm mọi thứ trông y hệt như tranh cổ.

Những lúc đó, cô bé Minh đứng nấu cơm dưới bếp. Chỉ nhìn thoáng dưới bếp hình ảnh cô bé làm bếp, tự nhiên tôi thấy mình, tuy còn là nhóc tì lớp năm, nhưng cũng vào được một giai cấp thầy đồ. Nói giai cấp là không đúng, không chính xác, vì hai đứa là cùng năm học, nhiều phần là cùng tuổi... nhưng cái kiểu như thế là thế, con trai là phải cầm sách đọc.

Thỉnh thoảng, Thầy Ký lấy các bưu thiếp ra xem. Những con tem, những con dấu, trên các tấm bưu thiếp, với chùng chục dòng chữ viết... Tôi quen thuộc lắm. Tôi nói với Thầy Ký, rằng ba cháu cũng có mấy tấm bưu thiếp thế này. Như thế, hoàn cảnh tôi cũng một phần tương tự với nhỏ Minh. Ba tôi người Hà Tĩnh, vào Sài Gòn từ lâu rồi, cho nên tôi

sinh ở Sài Gòn. Còn cô bé Minh sinh ở Miền Bắc, do bố dẫn vào Nam hồi năm 1954.

Thầy Ký không nói chuyện nhiều, những khi tôi hỏi gì, có khi nhấp tách trà xong, một chập sau mới nói. Có lẽ, kiểu người Miền Bắc là thế, dĩ nhiên trừ cô bé Minh, mới nói nhiều thôi.. Tôi đoán là Thầy Ký ưa thích tôi hơn những đứa trẻ trong xóm, vì không đứa nào được đặc quyền ngồi trong nhà Thầy Ký, để được cầm sách đọc say sưa như tôi.

Nói đọc say sưa là chưa nói đầy đủ. Vì tôi cầm những cuốn sách đó rất trang trọng, lật từng trang rất là khẽ khàng; ngay cả khi đặt sách xuống bàn, cũng đặt từ từ, chậm rãi như sợ những đoàn chiến binh cỡi ngựa của Quan Vân Trường rút ra ngoài trang giấy. Không ai dạy tôi cách cầm sách như thế, nhưng chỉ là bắt chước Thầy Ký thôi.

Mấy ngày sau lần đầu gặp cô bé, tôi tự động leo cây và hái trái lê ki ma xuống, đưa cả rổ vào cho Thầy Ký. Cô bé đứng nhìn và cười. Tôi thấy hạnh phúc chiếu ngời trong mắt cô bé, dưới làn tóc cắt ngắn, một kiểu tóc được bọn nữ sinh thời đó ưa thích. Thầy Ký bảo rằng, đừng nên trèo cây, nhờ té là nguy. Hôm sau, Thầy Ký làm một cây tre dài, nơi đầu có móc sắt và giỏ nhỏ, để ở góc nhà. Từ đó, tôi tự thấy có nhiệm vụ, hễ trái chín là ra hái cho Thầy Ký -- và dĩ nhiên, cũng là hái cho cô bé.

Đôi khi, Thầy Ký làm những bữa ăn đặc biệt. Nghĩa là, thịnh soạn hơn bình thường. Hễ thấy trên bàn có chai rượu để sẵn, tôi biết hôm đó Thầy Ký có giỗ, hay mới nhận được bưu thiếp mới từ Miền Bắc, hay có chuyện gì đây trong lòng, nghĩa là khác với ngày thường. Tôi đọc sách chậm lắm, đúng ra, tôi không bao giờ muốn đọc nhanh, vì vẫn lo sợ khi mình đọc nhanh quá, đọc hết sách cần đọc trên các tủ sách của Thầy Ký, rồi còn có gì mà tới thăm nữa.

Sau này, tôi thấy niềm lo sợ đó có gì rất là tức cười, vì làm sao có thể đọc hết sách trong nhà Thầy Ký được. Sau khi cô bé dọn cơm ra bàn, Thầy Ký bảo con bé, “Con mời anh Hải ăn cơm.” Tôi bây giờ cũng vẫn ngạc nhiên, tại sao Thầy Ký không đơn giản gọi tôi, mà lại bảo cô bé mời tôi ăn cơm.

Nhưng lúc đó, cô bé bước tới gần chỗ tôi ngồi đọc sách, đứng nhìn và cười, nói, “Ơi... ơoi.”

Trời ạ, làm thế nào cứ mãi gọi tên tôi như thế. Khi tôi ngẩng đầu khỏi trang sách (có rất nhiều lúc, tôi giả vờ cúi mặt xuống trang sách, vì không lẽ nhìn vào mặt cô bé trước mặt Thầy Ký), và gật gù.

Nhỏ Minh nói, tới bàn ăn cơm nhé.

Tôi đứng lên và nói, ừ, Minh này, phải ăn cơm chứ.

Sau này, tôi vẫn tiếc, những khi đó, mình không nói được gì văn chương hơn, lịch sự hơn, đáng nhớ hơn.

Cái chữ “ừa” nghe nhà quê thấy rõ. Cách biệt một trời một vực với cái tên cô bé gọi tôi là “Oi... ợi.”

Trong bữa cơm, cũng như hầu hết mọi khi, tôi rất kiệm lời. Chỉ nghe thôi, thế là đủ. Và bây giờ, cũng không thể nhớ đầy đủ là Thầy Ký nói những gì. Có khi ngâm hai câu thơ, có khi hát vài câu, trong khi cầm chiếc đũa cả gỗ vào bàn. Có khi Thầy Ký đem cả ba chiếc đàn nguyệt xuống, để dưới ảnh Đức Phật và ngồi gật gù uống rượu; lớn lên, tôi biết đó không phải là nghi thức tôn giáo gì hết. Khi Thầy Ký uống rượu xong, là đem treo đàn lên vách trở lại. Phải chăng đây là nghi thức của nghệ sĩ dân gian Miền Bắc, tôi không hiểu.

Tôi cũng lạ, tại sao mình trở thành người duy nhất có vẻ như được Thầy Ký biệt đãi. Đâu có phải vì nhỏ Minh thích gì tôi. Chúng tôi chỉ là những đứa con nít, sắp rời bậc tiểu học thôi. Hay phải chăng, hình ảnh tôi lúng túng bên cô bé làm Thầy Ký gọi nhớ những ngày mới gặp bác gái. Có Trời mà hiểu.

Một lần, tôi thấy Thầy Ký miệt mài đọc một cuốn sách. Tôi không rõ đó là sách chữ Hán hay chữ Nôm, chỉ biết là cổ tự. Lúc đó, tôi thấy mắt Thầy Ký không rời trang giấy, nhưng đưa tay lên cầm như muốn tìm lấy tách trà để nhấp. Gần như cùng lúc với cô bé, tôi bước tới, hai tay cầm tách trà trên bàn trao tận tay Thầy Ký.

Cô bé cười hạnh phúc, cầm bình trà xuống bếp pha thêm. Khi bước lên, nói với tôi, “Ồi... ơì, nhớ tiếp trà cho thầy nhé.”

Người tôi bay bổng khi nghe như thế. Hôm đó, cô bé cũng cầm một cuốn sách lên ngồi đọc. Tôi ngửi thấy mùi giấy xưa cũ, pha lẫn mùi trà thơm trên bàn, và thoang thoảng lẫn với mùi hương con gái. Nói thế nào cho dễ hiểu nhỉ... Nghĩa là, không khí lạ lắm. Một ông cụ ngồi đọc sách cũ, trong khi tôi đọc tiếp cuốn Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa – và tôi nhận ra rằng, tuy trang nào cũng gay cán ly kỳ, nhưng ly kỳ gay cán nhất là khi cô bé cầm sách lên và ngồi đối diện với tôi. Tôi có cảm giác như hình ảnh này không có thực, mọi thứ đều như mơ, từ nụ cười cô bé, cho tới ánh mắt, cho tới dáng ngồi đọc sách.

Khi ánh nắng chiều gần tắt, tôi đứng lên, xin phép về. Thầy Ký chỉ gật gù, mắt vẫn không rời cuốn sách đó.

Cô bé đứng lên, tiễn tôi ra cửa. Bước tới sân, cô bé nói với tôi, “Ồi... ơì. Phải chi mình cứ ngồi đọc sách mãi như thế, thích nhỉ.”

Năm sau, nhà tôi dọn vào Chợ Lớn, để cho gần trường Trung Học Chu Văn An. Truyền thống lúc đó là, con trai vào trung học, phải ráng thi vào một trong hai trường lớn -- hoặc Chu Văn An, hoặc Petrus Ký.

Cô bé thi được vào Trung Học Gia Long, kể như tiện đường, vì đi xe đạp trên đường Nguyễn Thông, vượt qua Kỳ Đồng, qua Yên Đổ là tới ngã tư trường này rồi.

Tới hè, tôi đạp xe về thăm xóm cũ, mới biết Thầy Ký dọn nhà rồi. Lúc đó, cây lê ki ma trước sân đang mùa xanh trái. Tôi đứng dưới tàng cây lê ki ma và thấy gió trong sân lạnh dị thường. Tôi ra tiệm hớt tóc đầu ngõ, hỏi xem có ai biết Thầy Ký dọn nhà nơi đâu, không ai biết cả. Từ đó, lâu lâu, tôi vẫn đạp xe quanh trường Gia Long để hy vọng có lúc nào tình cờ gặp lại cô bé; nhưng rồi vô vọng.

Tới bốn mươi năm sau, tôi chợt nhớ lại, và mới nghĩ rằng tôi có thể hiểu được câu nói của cô bé hôm đó, “Ồi... ạoi. Phải chi mình cứ ngồi đọc sách mãi như thế, thích nhỉ.”

Than ôi, hiểu được thì đâu tôi bạc rồi, và người đã xa rồi. Hình ảnh trong trí nhớ chỉ là một cụ đồ giỏi nhiều ngôn ngữ, bên những chiếc đàn nguyệt, một bức ảnh Đức Phật, các tử sách, và một cô bé Bắc Kỳ tuyệt vời.

Cô bé là mối tình đầu của tôi, và tôi là người có tên “Ồi... ạoi.” ■

KHI DÌ TRANG NIỆM PHẬT

Dì Trang là em của má tôi. Nếu không kể bên phía má, tôi có thể gọi dì bằng vai thấp hơn. Đơn giản, ba tôi là chú của chồng dì Trang. Khi ba tôi rời Hà Tĩnh để vào Nam, vào một thời xưa lắm, nghĩa là nói kiểu dân gian là năm một ngàn chín trăm gì đó, có dẫn theo một người cháu. Thế rồi, khi ghé Nha Trang, hai chú cháu kết hôn với hai chị em.

Vậy mà tôi sinh ở Sài Gòn, vì ba tôi làm cho ngành hóa xa, bây giờ gọi là ngành đường sắt. Trí nhớ về thời xa xưa không nhiều. Nếu nói về địa dư, tôi còn nhớ mang máng hồi nhỏ có đi vài nơi, dĩ nhiên là được người lớn dắt đi.

Nãy giờ quên. Lẽ ra đâu truyện (nếu đây là truyện, vâng, hẳn là cũng có chút hư cấu, vì tôi không thể nhớ chính xác mọi chuyện trên đời này), cần nói rõ rằng dì Trang được nhiều người ở Quận Cam biết tới. Nói tới cao tột cùng trong cộng đồng, dì Trang có quen biết từ nhiều thập niên với cụ Lê Khắc Lý,

người từng là Chủ tịch Cộng Đồng, từ thời trước 1975 ở Sài Gòn; lúc đó, dì làm thư ký ở Sở Tổng Quản Trị, nơi bác Lý giữ chức Giám đốc hay tương tự trong Sở. Nếu nói về cội người già, Dì Trang cũng từng hoạt động trong Hội Cao Niên Á Mỹ của bác Từ Dung, làm nhiều việc linh tinh...

Nhưng nơi đây, chúng ta chủ yếu là nói chuyện nhà Phật. Bây giờ, Dì Trang đã rời Quận Cam để sang Florida. Tôi không có cơ hội nói chuyện Phật pháp với dì nữa, dù là trước giờ vốn đã nói chuyện đạo là không nhiều, nhưng trong lòng vẫn băng khuâng.

Dì Trang tin vào Đức Phật một cách tự nhiên. Đúng ra, cả dòng họ tôi là như thế. Chồng của dì khuất núi thời đầu thập niên 1960s. Tôi không có nhiều kỷ niệm với chồng của dì, nhưng đã quen gọi chồng của dì là “anh Thọ,” nghĩa là, gọi theo bên nội. Gọi “anh,” vì anh là cháu của ba tôi. Ký ức của tôi về anh chỉ mang máng là, khoảng năm tôi 4 hay 5 tuổi, được đưa ra biển Nha Trang tắm, tự nhiên sụp té, ngộp nước, sặc nước bi đát, rồi khóc lớn tiếng, thế rồi anh Thọ ôm tôi vào bờ. Bây giờ, mỗi lần nhớ tới hình ảnh bé thơ lúc đó, tôi vẫn nghe văng vẳng tiếng sóng biển vỗ vào bờ, và cảm nhận làn gió lạnh buốt, thổi phát phơ chớm tóc nhi đồng... Kỷ niệm khác nữa, là tỉnh Long An, nơi anh Thọ về đơn vị nơi đó và rồi tử trận ở tỉnh này; nơi đó, tôi còn nhớ món ăn

đế com nhét đậu phụng chiên giòn là tuyệt vời. Ký ức thời thơ ấu của tôi chỉ mang máng như thế.

Nếu nói về cõi nhà Phật, Di Trang cũng là người có nhiều công quả với nhà chùa. Có vài năm, tuần nào đi cũng vào bếp Chùa Hoa Nghiêm ở Santa Ana, phụ việc lật rau, gọt khoai... Đó là thời, tuy đã cao niên, nhưng sức khỏe đi bình thường. Có lần, đi kể rằng Thầy Pháp Tánh hôm đó xuống bếp, rầy mấy bà gắt quá, bắt tất cả lên chính điện niệm Phật, vì cứ ngồi dưới bếp thì biết tới bao giờ hiểu đạo... Tôi không biết đi thích lựa chọn nào hơn -- muốn ngồi dưới bếp chùa, hay muốn lên chính điện tụng kinh, niệm Phật. Nhưng dĩ nhiên, đi lúc nào cũng kính trọng quý thầy.

Tôi còn nhớ đi đặc biệt ưa hỏi thăm về đứa em thứ ba của tôi ở Sài Gòn, tên là Danh, nhưng tên ở nhà là Chút. Cô này bị bệnh chậm trí, tội nghiệp, không hiểu tại bẩm sinh, hay bị té, hay vì bệnh gì gây ra. Có một lần, đi Trang nói với tôi rằng, đi tin rằng kiếp trước của con nhỏ Chút là đi Dậu. Tôi hỏi sao tin vậy. Lúc đó là mới mấy năm trước, tôi chở đi Trang đi đâu đó, có lẽ đi chợ, hay đưa đi về khu người già. Nghĩa là, đi Trang để chuyện này cả mấy thập niên, rồi bắt chợt mới nói.

Có vẻ như bí mật lắm. Đi kể rằng đi Dậu chết năm 17 tuổi. Nên ghi thêm rằng, má tôi là chị cả, rồi tới

đi Đậu, rồi tới dì Trang, rồi tới dì Điềm. Lý do bệnh sao đó, có lẽ thương hàn. Thời đó, y khoa chưa tiến bộ, chết trẻ là thường. Nhà ở Dĩ An, gần khu nhà ga. Dì Trang nói, trông mặt con Chút là dì Trang thấy y hệt dì Đậu; mà trước khi dì Đậu mất, có nói với má tôi, và dì Trang nghe được: “Em mang ơn chị, kiếp sau sẽ trả.”

Tôi nghe, chỉ ghi nhận thôi, không dám phê phán. Trong lòng nghĩ rằng, gene của dòng họ đôi khi có người trông giống người của thế hệ trước, cũng là thường. Nhưng, ai mà biết hết chuyện cõi này.

Dì Trang mê coi phim bộ. Khoảng chừng hơn chục năm trước, thời đó chưa có truyền hình nhiều như bây giờ, dì phải thuê băng video về nhà xem. Có khi tôi chở dì ra một tiệm ở Bolsa để dì thuê video, mỗi lần khoảng 20 cuốn, hay 30 cuốn băng. Nghĩa là, phải mang theo giỏ xách, và, dĩ nhiên, mang thẻ của tiệm băng đó. Có khi nhờ Vân, em tôi chở dì đi đổi băng.

Lòng tôi lo sợ, nghĩ rằng trong khi dì xem phim bộ Đại Hàn, rủi đứng tim chết, là kiếp sau hẳn là thác sanh ở xứ kim chi. Tôi nói, sao dì Trang không để toàn bộ thì giờ để tu học. Dì nói, dì mỗi ngày 2 thời kinh nhật tụng là đủ. Tôi nói, tu như thế không đủ đâu, vì một ngày 24 giờ, chỉ tu có 2 giờ là hồng. Mà dì Trang nè, dì ngồi tụng kinh cũng đâu có toàn tâm,

toàn lực, vì dì cứ nhớ mấy đứa con, mấy đứa cháu ở Sài Gòn, có khi chợt nhớ là phim bộ tới chỗ ly kỳ gay gân... đúng không.

Dì nói, đúng vậy đó, nhưng phim bộ hay quá mà.

Tôi nói, phim nào cũng y như nhau thôi, cứ có một chàng và một nàng, rồi thầy vô người thứ ba, thế là thành chuyện ly kỳ gay gân, hay là kiểu chàng công tử mê cô ôsin, rồi vân vân... Có gì khác đâu?

Dì nói, có khác chớ, tài tử đẹp, áo quần đẹp, cảnh tuyệt trên sông nước Hàn quốc đẹp, ngoài đời không thấy...

Tôi nói, nếu dì cứ mê cõi này như thế, làm sao vắng sanh lên cõi Phật chớ...

Hễ nghe nhắc tới Đức Phật, dì không cãi nữa.

Trong mấy đứa con dì Trang, dì lo nhất là thằng Tuấn. Tên ở nhà gọi là Cu, nhưng rồi khi lớn, mọi người quên cái tên ấy đi, vì tên xấu chỉ đặt khi còn nhỏ, để theo thói quen, tên xấu sẽ không xảy ra chuyện quý tha, ma bắt gì đó. Nói chuyện tên xấu, cũng cần ghi rằng, thỉnh thoảng, khi dì nói chuyện với tôi, hay dì nói với nhỏ Vân, vẫn gọi tôi là Chít, khi ở ngoài công chúng mới gọi tên là Hải.

Di lo cho Tuấn vì, anh này sức khỏe kém, người ốm nhom, dễ mệt, tay chân lại vụng về. Có một lúc,

Tuấn về Cần Thơ, theo bạn học nghề mộc. Đó là điện thoại cho biết, tôi chỉ nghe kể lại thôi. Tuấn nói sẽ tạc một chiếc mõ bằng gỗ mít, rồi sẽ gửi sang cho dì Trang dùng khi tụng kinh. Sau vì lý do gì đó, tôi lại nghe Tuấn về lại Sài Gòn, nhưng không làm nghề mộc, mà đi làm hãng. Nghĩa là, tay nghề của chàng cũng vụng lắm. Vậy rồi, Tuấn cũng có vợ. Mỗi tháng dì đều gửi tiền về cho Tuấn, nghĩa là bên này, dì sống tiết kiệm lắm, vì tiền già đâu có bao nhiêu.

Rồi Tuấn gửi sang cho dì Trang chiếc mõ. Tôi nhìn thấy cũng bình thường như mọi chiếc mõ khác, nhưng đúng là có nét thô sơ hơn. Tôi không hỏi dì, xem có phải mõ này đúng là Tuấn điêu khắc ra, hay là nhóm bạn thợ của Tuấn. Nhìn thì thấy có nét thô sơ, nhưng nghe vẫn không thấy khác các mõ khác. Vì hỏi nhiều, dì lại đâm ra nghi vấn.

Tôi nói, dì Trang tụng kinh với mõ này là hay lắm, xem như thằng Tuấn cũng có công đức.

Dì nói, tiếng mõ có khác đó, hay hơn các mõ khác, rồi tôi dì nằm ngủ là nghe âm vang tiếng mõ trong giấc ngủ, cả trong giấc mơ.

Tôi nói, giấc ngủ không mơ, mới tốt cho sức khỏe. Nhưng dì nè, thà là dì tụng kinh niệm Phật cả ngày, còn hơn là coi phim bộ Đại Hàn.

Dì nói, hết thuê video rồi, bây giờ nhiều đài truyền hình, coi phim trên đài thôi.

Tôi nói, mỗi phim, mỗi đài là mỗi cõi chúng sanh tham sân si, đâu có bao nhiêu chương trình nói pháp đâu.

Dì nói, bây giờ cũng có phim bộ về Đức Phật rồi.

Tôi không nói thêm, không bàn luận... vì thâm tâm, vẫn ưa đọc hơn là xem phim, vì Đức Phật mà có hình tượng, dù đẹp cỡ nào đi nữa, cũng kỳ kỳ thế nào ấy. Nhưng, thà để dì xem phim Đức Phật, còn hơn là xem phim lãng mạn.

Con của dì Trang bên Mỹ chỉ có hai đứa con gái: Hà ở Nebraska, Nhật ở Florida. Đứa nào cũng có chồng con, nên bận rộn vô chừng. Thỉnh thoảng, dì vẫn bày tỏ quan tâm về hai đứa ở Mỹ, và mấy đứa còn ở Sài Gòn. Còn ở Quận Cam, dì chỉ có cháu, đó là tôi và nhỏ Vân; hai đứa cháu này cũng bận kinh khủng. Tôi làm nghề báo, lại ưa bỏ ăn, bỏ ngủ để đọc kinh... thì giờ đâu mà gần dì. Còn nhỏ Vân làm ở tiệm ăn Tàu, ngày nào cũng đi bộ như lực sĩ đường trường. Thế nên, dì ở Quận Cam cũng quanh quẩn vậy.

Bây giờ dì đã sang Florida ở với Nhật. Thực ra, khi viết chữ, ghi là Nhật, nhưng cả nhà khi nói chuyện

chỉ gọi là “con Nhựt.” Gọi thế là thói quen, chớ Nhựt cũng già rồi, vào ngũ thập rồi.

Nhân duyên dì rời Quận Cam cũng dài dòng.

Mới năm ngoái, Tuấn chết. Dì đâu có về VN kịp. Thôi thì về trễ. Tội nghiệp, rồi ai cũng ra đi, chỉ sớm hay muộn thôi. Nhưng hình ảnh tóc trắng tiễn đưa tóc xanh lúc nào cũng xúc động nhiều lần hơn bình thường. Nói nhỏ chỗ này, tôi không ưa cảnh tang lễ trong phim bộ, dù của Đại Hàn hay Đài Loan. Lúc nào cũng cảnh tuyết rơi, hay lá rơi, các phụ nữ đều đẹp tuyệt trần bày tỏ ưu sầu. Tuy khăn tang trong phim là không thật, nhưng họ đều khóc mùi mẫn trong tiếng nhạc đệm của đàn dương cầm...

Đời thực đâu có như thế. Làm gì có nhạc đệm như phim, chủ yếu chỉ có tiếng tụng kinh của ban hộ niệm, hay từ máy thổi. Phần hay nhất trong tang lễ là phần thuyết linh của quý tăng ni, rồi tới màn điều văn từ biệt từ các bạn thân, và vân vân.

Cần để nói thêm... Dì kể, buổi chiều hôm đó dì tụng kinh, tự nhiên tay cầm dùi mõ nặng kinh khùng. Dì lo là dì trở bệnh. Hễ dì nhắc tay mõ lên, là như có sức nặng ghì xuống.

Dì kể rằng lúc đó, khi dì quay nghiêng sang một bên, vì đổi thế cho đỡ đau chân, vì già rồi, xương cốt đụng đầu cũng đau đó, tự nhiên dùi mõ lặn xuống

sản, tới đầu bàn chân của dì. Dì thối mác, không nhớ hồi nấy dì để dùi mõ ở đâu mà sao lại lẫn như thế. Tụng kinh lại, tay cũng ghì nặng, không gõ mõ được. Nhưng lòng của dì vẫn nhẹ nhàng, không có gì u sầu, theo dì nhớ lại, chỉ tự nhiên muốn ngủ.

Khi dì vào giấc ngủ đêm đó, dì mơ thấy chiếc mõ hiện ra lơ lửng như chiếc hoa sen bay giữa trời. Tự nhiên trong giấc mơ, khi thấy như thế, dì tụng chú Đại Bi, hết một biến, rồi niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Tới sáng, có điện thoại từ Việt Nam gọi sang, nói Tuấn từ trần rồi.

Sau, dì kể lại, tôi nói thôi, có lẽ đó là điềm lành, nhưng không ai biết được.

Dì nói, thời kinh buổi sáng, dì dùng mõ lại thấy nhẹ nhàng, nhưng chủ yếu tụng gấp, vì phải lo chuyện tang gia mà. Nghĩa là, không có gì trở ngại hay nặng nề với tay mõ nữa.

Tôi an ủi, dì ơi, ngày nào dì cũng tụng Bát Nhã Tâm Kinh là biết rồi, thân nào cũng là sắc thọ tưởng hành thức, rồi cũng vốn thực là không rồi, nhưng thế là điềm lành đó, vì hễ hoa sen bay, là điềm lành mà.

Mới mấy tuần trước, dì Trang đi cấp cứu. Sau đó, Nhật từ Florida bay sang, đón dì sang để ở chung nhà, chăm sóc cho dễ. Lòng tôi bù ngùi, khi đưa tiễn dì ở phi trường Orange County (hay có lẽ, phi

trường Los Angeles, tôi không nhớ chính xác, vì tuổi tôi cũng lục thập nhi nhĩ thuận rồi, khi nhớ, khi quên; tới khi ngó lại hình, mới nhớ chính xác là phi trường Quận Cam).

Lúc đó, dì Trang ngồi xe lăn. May mắn, anh Phát, người do Quận Cam trao nhiệm vụ chăm sóc dì mỗi tuần mấy giờ, có chiếc xe van không lò, chở được chiếc xe lăn, mà tôi thấy là chiếc xe cà tàng của tôi không thể nào có chỗ.

Hình ảnh một bà cụ tóc trắng, ngồi xe lăn, được tiễn ra phi trường, có gì như không thực.

Tôi nói, cố ý giỡn, cho bớt cảm động, Vân nè, Nhật nè, anh Phát nè, chụp hình nhen, cười nhen...

Khi Nhật bước tới cổng có gắn máy dò vũ khí, vì xe lăn của dì sẽ có nhân viên phi trường đẩy sau, tôi dặn với theo Nhật, nhớ đừng làm lạc mắt cái mũ của anh Tuấn nghe chưa. Rồi nói với dì, dì Trang ơi, đi nhớ vui nhen, nhớ tụng kinh niệm Phật hàng ngày nhen...

Khi tôi lái xe về nhà, tự nhiên nước mắt ứa ra, trong khi bài chú Đại Bi thời thơ ấu tự nhiên nghe lại âm vang trong đầu...■

VẾT SON ƠI, QUÊN NHAU LÀ CHUYỆN KHÓ

LỜI DẪN. Xin có vài dòng tâm tư nơi đây. Truyện này có một tựa đề rất là phim bộ Hàn Quốc. Tác giả đã nghĩ tới các tựa đề khác cho nhẹ nghiệp tình -- thí dụ như “Tay Ai Chưa Năm Một Lần” hay “Dây Chuông Ai Núi Bên Trời” – thì lại rất là cải lương, và chẳng hấp dẫn tí nào. Truyện này có thể có vài dị bản khác nhau. Nguyên khởi là viết cho Báo Xuân Việt Báo theo nhu cầu phải có chất lãng mạn thể gian. Cùng lúc, gửi cho nhà thơ Kinh Bắc để đăng trên ấn bản xuân tạp chí Suối Nguồn (của Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang), với lời dặn dò rằng xin nhà chùa tùy nghi sửa đổi, cắt bớt, hay thêm vào sao cho phù hợp với chánh pháp. Truyện này khi vừa viết xong, đã được hỏi là có bao nhiêu phần là sự thực. Tác giả đã trả lời rằng 95% là hư

cầu. Tuy nhiên, bây giờ nghĩ lại, dưới mắt nhìn của Đức Phật, hẳn là 100% hư cầu, bởi vì ngài đã bảo rằng tất cả sắc thọ tướng hành thức đều cần quăng bỏ, thì có gì để nói là thực đâu. Và cũng vì thế, tác giả xin cung thỉnh rằng, bất kỳ hành giả nào trong tứ chúng nhà Phật cũng đều có quyền tự do sửa đổi, cắt bớt, hay thêm vào sao cho phù hợp với chánh pháp. Sau đây là truyện.

*

Lần đó gặp lại cũng lạ. Có vẻ như những gì gặp gỡ và chia tay đều là tiền định. Lúc đó là khoảng năm 1999, hay 2000; nhiều người lên cơn sốt thiên niên kỷ gì đó, kiểu như sắp tận thế hay trời long đất lở gì đó. Tôi dự buổi thuyết pháp của Đức Đạt Lai Lạt Ma ở thành phố Pasadena, thuộc quận Los Angeles, và gặp lại cô nàng.

Nói cho đúng, chính cô nàng gặp lại tôi, vì trong đám đông nhiều ngàn người lúc rời hội trường, Mai đã gọi tên tôi và đưa tay lên thật cao để vẫy, ra dấu. Cũng lạ, làm thế nào sau nhiều thập niên xa nhau, trông như biệt tăm và cách mấy bờ đại dương, người ta lại có thể nhận ra nhau trong một đám đông nhiều ngàn người.

Tôi không nghĩ ra nổi; sau đó, tôi thú thật với cô nàng rằng tôi không thể nhận ra nàng trong đám đông như thế, tuy rằng nàng rất là độc đáo. Lúc đó, tôi nói với Mai, độc đáo nghĩa là em đẹp tuyệt vời, chỉ nhìn em thế này, anh quên hết những lời dạy của Đức Đạt Lai Lạt Ma mới nói hai tiếng đồng hồ vừa qua.

Từ pháp hội Pasadena tới khi tôi viết những dòng này cũng đã mười mấy năm rồi, nhưng hình ảnh nàng vẫn đôi khi thoáng thoáng hiện trong mơ, trong trí nhớ tôi mơ hồ như khói, phả lên một cặp môi son không đầy đặn, và đôi mắt nàng đầy các nổi xao xuyên về cuộc đời. Cặp môi son và đôi mắt. Vâng, đúng vậy. Sau này tôi nghĩ, trong phim cũng không thể đẹp như hình ảnh tôi nhìn nàng sau pháp hội đó.

Tôi lúc đó nói, có lẽ vì hôm đó tôi mặc một chiếc áo cũ kỹ, như dường sòn vai và khủy tay, nên dễ được nhận ra giữa những người chung quanh hầu hết mặc thứ trang phục để chụp hình – cần nói rằng, thời điểm đó, không có nhiều buổi thuyết pháp của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Những năm đó, Internet còn thô sơ, chậm rì, không nhiều trang mạng, cho nên tới dự thuyết pháp của ngài cũng là cơ hội để viết những bản tin riêng.

Mai nhìn vào mắt tôi. Lúc đó, hai đứa rủ nhau vào một tiệm kem nơi lối ra phố chính Pasadena. Tôi

nhận ra những nếp nhăn bên viền mắt nàng. Mai nói, trời ạ, anh phải biết rằng Mai ngó anh là nhận ra liền chứ, cho dù có đứng thật xa, có đứng nhìn anh xuyên qua trăm sông nghìn núi. Sau này, tôi chôm bốn chữ này của nàng, đưa vào thơ, chỉ làm cho khác một chút. Nhưng tôi biết, không thể đưa đôi mắt và cặp môi son này vào thơ nổi; có lần tôi nói, nếu đưa hình ảnh của em vào thơ được, chữ tới một lúc nào đó sẽ ngùn lửa và thiêu rụi các tiệm sách. Xong rồi, tôi nói, giỡn mà.

Tôi thích kiểu nói “trăm sông nghìn núi” của nàng, kiểu chữ “nghìn” thay vì chữ “ngàn,” cho dù hai đứa đều sinh ra ở Sài Gòn. Giọng Bắc của cô nàng không đổi, nhưng tôi biết, giọng Sài Gòn của tôi là pha đủ thứ rồi.

Từ lâu rồi, tôi không thể nhìn xa, đúng ra là đã tập thói quen là không bao giờ bận tâm tới những chuyện chung quanh ở ngoài sự chú tâm của mình. Gọi đó là thiên cũng được; hay chỉ nên gọi đơn giản là thấy nghe hay biết cái quanh mình, và chỉ để ý trong một tầm nhìn rất ngắn thôi, và chỉ nghe cái gì cần nghe thôi. Ngoài ra là chẳng bận tâm làm chi, vì cuộc đời có đủ thứ chuyện, hơi đâu mà nghĩ ngợi, dòm ngó, nghe ngóng chuyện khác cho mệt.

*

Đó cũng là lần đầu tiên tôi lên Pasadena, cách nơi tôi ở khoảng một giờ đồng hồ lái xe. Nhưng chuyện phải đi thì đi; thêm nữa, có tấm vé tham dự đặc biệt từ một người đàn chị trong nghề báo tặng, bảo phải tham dự rồi về viết bài tường thuật buổi thuyết pháp của vị lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng. Có vẻ như ai cũng mong đợi rằng tôi phải viết cái gì cho tử tế.

Tôi kể cho Mai nghe chuyện tôi có tấm vé mời đặc biệt, từ người đàn chị cũng là một học trò siêng năng của ngôi chùa Phật giáo Tây Tạng ở Long Beach. Thế là có cơ duyên gặp lại Mai. Cô nàng mặc váy xanh, phủ dài tới qua đầu gối. Tôi nghĩ thầm, thế là già hết rồi; hình ảnh của tôi về Mai trước đó là áo dài trắng học trò, đi xe đạp.

Tôi nói trong khi chồm người qua nửa cái bàn mặt kính của tiệm Dairy Queen, trên đó có sơn đủ thứ hình gì đó để hấp dẫn bọn con nít, như dường nói thầm với nàng rằng người ta mong đợi anh phải viết cái gì cho tử tế đấy, hay là anh làm thơ tặng Mai nhé.

Cô nàng cười, lộ một chút răng khểnh ra, nói lái xe từ San Diego lên Pasadena, nghe anh nói một câu như thế là bay biến hết mệt nhọc rồi.

Tôi nói, Mai đã phạm một điều không nên trong pháp hội này của ngài Đạt Lai Lạt Ma.

Cô nàng chau môi lại, như dường suy nghĩ, và nói là dự pháp hội với tâm mình thành kính là tốt rồi, mà có gì là không nên đâu.

Tôi nói, có chớ. Đi dự pháp hội, mà tô môi son là không nên nhé. Nói xong, tôi nghiêng người ra khỏi bàn, ngó cặp chân của nàng rồi nói thêm, để xem Mai mang giày cao gót cỡ nào, xin nhớ rằng ngày xưa Đức Phật cấm ngồi, cấm nằm giường cao, nghĩa bây giờ là cấm mang giày cao gót nhé. Thực ra, hễ nghĩ tới Mai, tôi vẫn tự nhiên nhớ mơ hồ rằng hồi nhỏ, từ khi còn rất nhỏ, nàng đã ưa đi chân trần. Ngó bàn chân trần của cô bé nhẩy cò cò ngoài sân cát là hay chớ. Sau này, tôi cứ lo mãi, hình ảnh đẹp của đời này tràn ngập trong trí nhớ của mình, làm sao tu giải thoát nổi.

Nàng cười. Như dường chưa có ai nói chuyện Đức Phật cấm các cô mang giày cao gót.

Tôi nói thêm, bước ra pháp hội, không chịu suy nghĩ về lời dạy của ngài, lại cứ ngó chung quanh để thấy là có một người bạn xưa này. Cũng hỏng nhé.

Nàng nói, Mai biết chắc là anh sẽ tới đây.

Lòng tôi vui kể gì. Thực ra, lúc mới đầu tới là thấy trở ngại rồi. Khi xếp hàng tới lúc vào cổng vào hội trường, nhân viên nơi đây bắt phải gửi máy ảnh, vì không cho ai mang máy ảnh vào hội trường. Hẳn là

cảnh sát Mỹ sợ máy ảnh gián điệp Hoa Lục ám sát ngài Đạt Lai Lạt Ma, tôi đoán thế. Tôi gửi máy ảnh vào một phòng đặc biệt ngoài hội trường. Sau pháp hội, mới được lấy máy ảnh ra.

Thời đó, cũng cần nói rằng, chưa hề có smartphone gì cả, cho nên mọi thứ bấy giờ đều đơn giản như cỗ tích. Đúng vậy, chuyện y hết như cỗ tích: hình ảnh cô nàng ngồi với tôi trong một tiệm kem ở Pasadena, vào buổi chiều vừa nghe pháp từ ngài Đạt Lai Lạt Ma. Tôi nghĩ, chỉ thiếu lá vàng rơi thôi, là thành một cuốn phim lãng mạn.

Tôi hỏi chuyện đời riêng. Mai nói rằng nàng bây giờ độc thân, vì cuộc hôn nhân đầu tiên đã tan vỡ, khi chưa kịp có con, vì tính tình dị biệt quá.

Tôi nói, tôi là một nhà báo độc thân, vì tính cũng dị thường, chẳng gần ai được. Tuy nói thế, nhưng trong đầu tôi mơ hồ nghĩ là, phải chi nàng về với tôi cho tới ngày cùng nhau rời cõi trần gian này. Nhưng rồi tôi tự cười mình, sao nghĩ mãi linh tinh.

Tôi chợt thấy một sợi tóc bạc bên viền tai bên trái của nàng. Tóc nàng cắt ngắn, nên đâu có giấu nổi. Hóa ra, hai đứa đều vào tuổi ngũ thập cả rồi. Tôi thảng thốt muốn nói lên, rằng ngũ thập tri thiên mệnh rồi đấy, nhưng lại thôi.

*

Vâng, phải kể cho câu chuyện có đầu đuôi một chút.

Mai kém tôi một tuổi. Hai đứa ở cùng xóm, nơi đầu công đê-pô đường Nguyễn Thông. Ba tôi và ba của nàng cùng làm cho Sở Hỏa Xa. Ba tôi là trưởng tàu, nên đi theo xe lửa gần như hàng ngày. Còn ba của Mai làm gì đó ở ngay nơi ga Hòa Hưng, nơi có nhiều đầu máy xe lửa đậu lại, có lẽ để sửa chữa hay nghỉ ngơi, nhiều bãi đất trống với cỏ tranh mọc lưa thưa.

Trong trí nhớ ngồn ngang của tôi, vẫn là hình ảnh những cột gỗ dài và những đà sắt nằm nhiều nơi trong khu đất rộng thênh thang, từ công đê-pô Nguyễn Thông chạy suốt tới ga Hòa Hưng, rồi tới khu để đầu máy xe lửa bên kia lối ra đường Lê Văn Duyệt, đường này bây giờ đổi tên rồi.

Bình thường đi học về, bọn nhóc cả xóm chúng tôi đi bộ từ ga Hòa Hưng băng đi xuyên qua các ngõ hẻm trong xóm để tới rạp hát Thanh Vân, rồi từ đây băng qua đường là tới trường tiểu học Chí Hòa. Bọn con gái ưa đi riêng với nhau, con trai cũng thế. Đó là một thời đi bộ mệt nghỉ, mang cặp, chứ chưa có kiểu ba-lô như bọn trẻ bây giờ.

Nhà tôi ké bên nhà Mai. Ba của Mai lần đó vắng mặt nhiều ngày, và trông Mai và mẹ rất là lo lắng. Ba tôi nói nhỏ với má tôi, tình cờ tôi nghe được, rằng cảnh sát bắt ông Côn, ba của Mai, vì nghi ngờ là ông rời

bỏ Việt Minh nhưng vẫn bí mật hoạt động cho Miền Bắc, nên giữ để điều tra. Đó là thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Vài tháng sau, ba của Mai được cho về đời thường, nhưng không làm việc ở ngành xe lửa nữa.

Mỗi buổi trưa đi học về, tôi đi ngang nhà Mai, lại thấy bác Côn ngồi nơi chiếc ghế, loại ghế lác lư, chờ Mai. Lần nào cũng thế, tôi khoanh tay chào bác Côn, rồi mới băng qua để về nhà. Bác chỉ gật đầu trầm ngâm, tay lúc nào cũng không rời điếu thuốc lá Jade, phà khói liên tục; nhả khói ra cả mũi và miệng. Tóc bác hớt ngắn, hoa râm ròi. Tay bác gân guốc, trong khi điếu thuốc cầm ngắn ngắn làm lộ hẳn bàn tay quá khô.

Phải nói rằng tôi lúc nào từ trường về nhà cũng đi nhanh, không có chuyện đi về tà tà như Mai và bọn con gái, cũng không kiêu la cà qua các xóm như bọn con trai khác. Bởi vì, tôi mê đọc kinh khủng, và má tôi tôi một tủ sách đủ thứ, từ Phong Thần, Tam Quốc Chí... cho tới Tự Lực Văn Đoàn. Lại nữa, vì ba tôi thường đi theo xe lửa, nên má tôi không muốn tôi đi học về trễ, cứ cho tôi đọc sách thoải mái; thường là má nói, có bài gì ở trường thì làm trước đi, rồi sau đó là bỏ mặc cho tôi ngồi với những cuốn sách trên gác. Do vậy, ngay từ thời lớp ba, lớp tư... tôi đã mang tiếng là khù khờ, vì không ưa la cà, hề rời trường là thẳng một mạch về nhà.

*

Tôi cũng có một bí mật, nhưng không kể cho Mai biết làm chi. Những ngày cuối tuần, cô bé phải ra sân xi-măng phía sau nhà để giặt đồ, nấu cơm... Thời đó, con gái đã phải làm chuyện nhà đủ thứ, từ tuổi rất nhỏ. Tôi ngồi đọc sách từ trên căn gác, thỉnh thoảng ngó nghiêng xuống sân sau nhà nàng. Chẳng để làm gì cả, tôi cũng chẳng hiểu sao. Thực ra, lúc đó, tôi chỉ là tên nhóc tỳ, ưa ngồi đọc sách, ngó sang sau nhà một nhỏ bạn chỉ là vì cảm lòng chẳng đặng, nên phải ngó thôi.

Cũng trên căn gác gỗ này, một lần tôi tôi bắt gặp ba tôi khóc. Đúng ra, chỉ là ứa nước mắt thôi. Trong những ngày nghỉ, không theo xe lửa, ba ưa ngồi trên căn gác này, vặn tới vặn lui chiếc radio hiệu Philips để nghe các đài BBC, VOA. Giờ phát thanh của các đài này thường là rạng sáng hay chập tối. Nhưng lúc đó, ba ngồi nghiêng tai nghe chiếc radio đặt trên bàn, vặn âm thanh nhỏ nhỏ thôi. Lúc đó tôi nghĩ, có lẽ chính phủ không cấm nghe đài nước ngoài, nhưng hẳn là ba không muốn bị hiểu nhầm như bác Côn hàng xóm. Đất nước chia đôi, nhiều chuyện cho người lớn bận tâm.

Ba tôi gốc người Hà Tĩnh, làm việc trên xe lửa, tới Nha Trang, gặp má tôi, cưới xong là đưa vào Sài Gòn ở. Đó là nhân duyên tôi sinh ra ở Sài Gòn. Thời

đỏ, thỉnh thoảng tôi lại thấy ba nhận các tấm bưu thiếp. Đôi khi ba ứa nước mắt khi đọc bưu thiếp, và đôi khi ngồi nghe radio lại cảm động, nói tôi làm giùm ba ly nước trà; rồi ba chỉnh lại đôi mắt kính, ngó vào mặt số máy radio, dò tìm các làn sóng quốc tế. Có khi thời tiết khí hậu làm khó bắt sóng sao đó, ba lại đẩy chiếc radio hiệu Philips vào góc bàn, rồi lấy chiếc radio hiệu Sony ra dò làn sóng. Tôi chỉ cần nghe giọng ba bùi ngùi là biết đất nước đang có chuyển động gì đó.

Nhiều thập niên sau, sang Hoa Kỳ, tôi mới thấy mình cũng lây tính ưa cảm động đó. Tuy nhiên, chẳng có ai bắt gặp tôi trong các giây phút cảm động tương tự cả, phần vì tôi có mặt ngoài tỉnh táo trong mọi hoàn cảnh – nhà báo là phải thế; có lẽ, chỉ trừ khi đọc tin về Biển Đông mới lộ ra bực mình thôi.

Suýt nữa là quên nói bí mật này: tôi thích nhất là nhìn thấy hình ảnh “con bé Mai” khi làm xong các thứ, là đứng dậy nơi sàn xi-măng, nghiêng người, một tay túm nơi đầu gối hai ống quần, và tay kia cầm chiếc thau nhỏ múc nước tưới vào hai bàn chân rồi chà hai bàn chân vào nhau cho sạch cát đất.

Tôi không hiểu tại sao tôi ưa thích nhìn hình ảnh này. Không phải chuyện hư hỏng tâm bậy gì đâu. Tôi chỉ mơ hồ thấy rằng hình ảnh đó rất đẹp, mà không hiểu tại sao. Không phải vì hai bàn chân

xương xẩu của nhỏ Mai; đứng từ gác cao nhìn xuống, làm gì thấy bàn chân xương xẩu được nhỉ. Cũng không phải vì nhỏ Mai nghiêng người để lộ ra cái gì đâu; trời ạ, đã nói là không có chuyên hư hỏng gì mà.

Về sau, nhìn tranh các danh họa thế giới, tôi nhận ra nhiều họa sĩ thích vẽ người phụ nữ đứng nghiêng người. Dĩ nhiên, một vài họa sĩ vẽ người phụ nữ khỏa thân nghiêng người, nhưng đó là chuyện khác. Tôi nghĩ, phải chăng mình cũng có khiếu về hội họa và ưa thích cái bố cục như thế. Chẳng biết.

Sau này đọc Kinh Phật, tôi nghĩ ra rằng chuyện mình ưa góc hình ảnh nhỏ Mai nghiêng người rửa chân được sách gọi là “tùy phiền não” – nghĩa là, niệm cứ khởi đi, khởi lại về một thứ gì đó. Những khi nhớ ra như thế, tôi lại như mỉm cười, khi nghĩ rằng, có thể, và có lẽ, nếu một hôm nào đó, tôi đưa tay nắm lấy bàn chân của nàng, và khi tay nhận ra bàn chân nàng đầy xương xẩu gầy gò, hẳn là sẽ không bao giờ khởi lên các thứ hình ảnh như thế nữa. Cũng chẳng biết nữa.

Thế rồi bác Côn chết. Lúc đó, Mai học lớp tư, tôi học lớp năm, nghĩa là đều còn nhỏ, chẳng hiểu gì về tử vong ly biệt.

Ba tôi nói là bác Côn chết vì lao phổi, hút thuốc nhiều quá mà. Má tôi nói với ba, không phải đâu,

bác Côn hồi ở tù bị đánh dữ quá, chắc mang bệnh hậu. Má của Mai thỉnh một vị sư từ ngôi chùa trong xóm tới làm tang lễ. Ai hỏi, bác gái cũng chỉ bùi ngùi nói là bệnh rồi chết. Câu nói này hẳn là đúng muôn đời cho hầu hết các trường hợp, bệnh thì chết chớ.

Điều tôi nhớ nhất những ngày đó là hình ảnh nhỏ Mai mang khăn tang, tự nhiên đẹp ra hẳn, tự nhiên như thành người lớn, trang nghiêm. Mai không khóc nhiều, nhưng khi nói gì, tự nhiên giọng nghẹn ngào. Cũng lạ, có lúc trên đường đi học, tôi hỏi sao Mai không khóc sứt sùi khi đưa tang ba nhỉ? Mai nói, chỉ vì thấy mọi chuyện như không có thật, giống như mọi chuyện chỉ là giả bộ thôi, giống như trong phim, hay như trong truyện.

Mai cũng kể, tự nhiên rồi thuộc câu thần chú vãng sanh để cầu nguyện cho ba Mai. Cái gì như “Nam mô a ri đa bà dạ...”

Tôi nói như an ủi cô bé, nhìn Mai mặc áo tang, mang khăn tang thấy tức cười quá. Tôi ngu dễ sợ, sao lại nói chuyện gì như thế. Đúng ra, tôi không dám nói rằng, cô bé trong bộ tang phục trông đẹp tuyệt vời. Nhưng xin nhớ, chúng tôi lúc đó chỉ là nhóc tỳ, mà thời đó trai gái còn xa nhau kinh khủng: tôi và Mai hết như các nhân vật trong cuốn truyện cổ tích nằm ở các trang cách biệt, khi trang sách này

mở ra, là trang sách kia khép lại. Vậy đó, chúng tôi là hàng xóm, là bạn cùng trường, là bạn ngõ xuống từ gác gỗ vườn sau... nhưng vẫn là “bạn trăm sông nghìn núi” – đúng chữ cô nàng ưa nói.

Trời Pasadena sẫm tối. Hai đứa chúng tôi rủ nhau đi bộ, lấy có ngồi nghe pháp xong, lại ngồi ăn kem, nên cần đi bộ. Tôi không nhớ là ai rủ ai đi bộ, nhưng dặn nhau là chớ đi xa, chỉ đi vài phút thôi, vì quay lại tìm xe sẽ mệt. Chúng tôi đi dọc trên đường E. Colorado Blvd. về hướng đường Wilson Ave. Cũng chẳng hiểu tại sao lại phải đi trên hướng này. Tôi vẫn nhớ tên đường, vì lúc đó chỉ sợ khi quay lại để lấy xe, mà quên tên đường là hỏng.

Tôi đi bên nàng, bóng ngả dài trên các vuông gạch hè phố. Gió hơi lạnh lạnh. Bất giác, tôi nghĩ, tại sao mình không ôm nàng nhỉ. Có lúc vai tôi chạm vào vai nàng. Tôi nghĩ, phải chi đứng dưới đèn đường, ôm hôn nàng là tuyệt vời nhỉ. Nhiều kiếp sau cũng không quên nổi. Tôi nghĩ, có lẽ vị hộ pháp hộ giới ngăn trở, vì lý do gì đó. Tôi nắm tay nàng, kéo vào nhà sách Barnes & Noble, nói để mua tặng Mai một cuốn sách nhé.

Giữa những hàng kệ sách, Mai nhìn lên các bìa sách. Có khi cầm ra một cuốn, lật vài trang nhìn.

Tôi nói với Mai, tôi muốn tìm tập thơ “Twenty Poems of Love and a Song of Despair” của Pablo

Neruda để tặng nàng. Thơ Neruda hay, và bản Anh dịch W.S. Merwin đẹp tuyệt vời.

Tôi nhìn vào mắt nàng, nói như thì thầm rằng đây là thơ Neruda nhé, “Tình yêu thì quá ngắn, quên nhau lại quá dài... Love is so short, forgetting is so long.”

Mai nói, anh nhìn thẳng vào mắt Mai nhé, chúng mình chưa từng yêu nhau thì phải.

Tôi lại thấy vài sợi tóc bạc trên đầu Mai. Tôi tự thắc mắc, không lẽ chỉ trong vài phút, tóc bạc mọc nhanh như thế; hay hồi nãy, mình nhìn nàng không kỹ...

*

Mai bước tới khu để thiệp của nhà sách, nhắc lên một tấm thiệp từ ngăn kệ.

Tấm thiệp chỉ có hình một dòng sông, và chiếc ghe không người đang neo nơi bờ.

Tôi nói, thiệp này không có chữ, sao Mai không tìm thiệp có chữ để đỡ mất công viết, mà tặng ai đấy.

Mai nói, thiệp này để tặng anh đấy.

Tôi nhìn dòng sông mở ra trên tay nàng.

Mai đưa tấm thiệp lên môi nàng, in làn son trên môi vào trang trắng trong thiệp, rồi đưa cho tôi.

Tôi cầm thiệp, chưa kịp nhìn kỹ, đã thấy nàng quay lưng, bước vội ra ngoài cửa tiệm sách. Tôi nói với theo, để anh tìm tập thơ cho Mai đã... nhưng nàng đã mất hút ngoài cửa.

Tôi cầm tấm thiệp có vết môi son, tới xếp hàng nơi quầy, chờ trả tiền. Khi bước ra, nàng đã như biến vào hư vô.

Tôi lái xe từ Pasadena về nhà. Căn phòng đã vắng, như dường vắng thêm. Sách để đầy các góc nhà, đầu tủ, đầu giường, xếp cả bên giường tựa vào vách, nhưng như dường tất cả các cuốn sách đang thì thầm chế giễu tôi, một tên khù khờ, không nắm tay được cô nào trong đời quá một phút đồng hồ. Vào nhà xong, tôi mới nhớ ra là quên máy ảnh nơi tiệm Dairy Queen rồi.

Tôi đặt tấm thiệp môi son, dựng đứng trên bàn, nhìn thấy vết môi son mở ra. Gió từ phố Bolsa tạt từ cửa sổ vào. Người tôi run rẩy, cái lạnh này còn hơn là cái lạnh trăm sông nghìn núi, tôi nghĩ.

Bệnh rồi, tôi nằm trùm mền, ngủ vùi, ngập trong hình ảnh của nàng, mái tóc ngắn với vài sợi bạc, tay xương xẩu, bờ vai nhỏ, tà áo xanh, và vết môi son

trên tấm thiệp. Tôi tự nhủ, trước khi thiệp vào giấc ngủ, hóa ra đời mình chưa từng ôm hôn một ai.

*

Hai hôm sau, một bình hoa giao tới tòa soạn, đề tên tôi. Người gửi là Mai, từ San Diego.

Kẹp giữa mấy cành hoa hồng vàng là tấm thiệp nhỏ, với dòng chữ viết tay:

“Cảm ơn anh. Ngày mai em về Việt Nam, xuất gia. Mai.”

Không có địa chỉ nào để tôi trả lời hay tìm tới. Tự nhiên, hình ảnh cô bé năm xưa mang khăn trang hiện ra trong trí nhớ tôi, rồi âm vang tiếng mõ, tiếng kinh tụng, rồi âm đọc giọng Miền Trung của vị sư già, “Nam mô a di đà bà dạ...”

Hình ảnh cô bé chân trần nhảy cò cò ngoài sân cũng hiện lên trong đầu tôi. Tôi tự nhủ, có lẽ, người ta không cần tới thuyền để qua dòng sông sinh tử đâu, cứ mãi nhảy cò cò trong chiếc sân cát tuổi thơ cũng sẽ qua bờ. Tôi nghĩ thế, nhưng không chắc là Phật pháp có ý nào như thế. Chỉ có điều khó hiểu, vì sao những bước nhảy cò cò cứ mãi in sâu trong hồn mình như thế.

Tôi hiểu điều này, và có lẽ kinh cũng nói nơi nào đó: khi đi bộ với nàng trên phố Pasadena, tôi không ôm nàng, không hôn nàng vì ngờ ngờ như có ai ngăn cản, hẳn đó là vị hộ pháp hộ giới. Vì với người phát tâm xuất gia như nàng, có khi chỉ một nụ hôn cũng có thể kéo nàng đi chệch thêm nhiều kiếp sau. Tôi chỉ đoán thôi, về giáo lý thì tôi mù mờ. Ánh đèn trên phố Pasadena vẫn hắt mãi trên trí nhớ của tôi, sau pháp hội của ngài Đạt Lai Lạt Ma.

Nhiều năm sau, khi làm một bài thơ Thiên Ca cho anh bạn Trần Chí Phúc phổ nhạc, tôi có viết câu:

... chờ em, chờ em son nhạt môi, ta lạnh buốt bên sông...

Hình ảnh nàng hiện lên trong dòng chữ đó. Hiện lên trên vết son môi nàng để lại trên tấm thiệp, trên đó chiếc thuyền không người lững lờ bên sông. Và để lại trong hồn tôi. Ngày và đêm.

Tôi không nhận được tin gì về nàng nữa, từ đó. Tôi vẫn cầu nguyện cho nàng khi bắt đầu các buổi thiền tập hàng ngày. Và biết rằng, sẽ rất lâu, sẽ còn rất lâu, hình ảnh nàng mới nhạt đi trong tâm mình. Kể cả vết son.■

KHI EM ĐỨNG DẬY VÀ BƯỚC ĐI

Tôi vẫn nhớ rõ hình ảnh buổi sáng hôm đó, tuy đã nhiều năm trôi qua. Hoài đứng dậy, bước tới trước gương, sửa cổ áo một chập, nghiêng người qua lại. Tôi thoáng thấy, hình như trước gương, có lúc nàng nheo mắt bên này, rồi nheo mắt bên kia. Có lúc nàng quay nhìn về hướng tôi đang ngồi xếp bằng, trên chiếc chiếu trải dưới đất, nơi một góc phòng, vì tôi nhường chiếc giường duy nhất trong phòng cho nàng nằm, trong những ngày nàng tới thăm Quận Cam.

Nàng nói, có vẻ như giọng ghìm lại cho khỏi bật lên tiếng khóc (trời ạ, tôi lại tưởng tượng, làm gì có chuyện như thế). Lúc đó, nàng nói, anh Hải ơi, em đi nhé. Hành lý nàng đã để sẵn nơi cửa phòng, chỉ là một va-li nhỏ thôi.

Tôi đứng dậy, nói rằng tôi muốn đưa nàng ra nơi một người bạn sẽ đón nàng đi.

Nàng nói không, vì người bạn kia sẽ tới tận nhà tôi đón nàng đi.

Khi tôi đứng gần nàng, trước gương, chợt thấy có một nếp nhăn nơi khóe mắt nàng. Hóa ra, không ai bước ra khỏi dòng thời gian được. Tự nhiên, lúc đó, tôi chợt khởi lên ước muốn hôn lên mắt nàng. Nhận ra ý nghĩ đó, tôi là tự cười mình, trời ạ, đã hôn thì phải hôn môi, chớ ai lại hôn mắt. Thực sự, tôi vẫn luôn luôn có một khoảng cách thân thể với nàng (theo những gì tôi nhớ là thế, nếu nhớ sai, có thể là chuyện kiếp trước).

Nàng ngẩng nhìn vào mắt tôi, nói bây giờ hai đứa mình nhìn vào mắt nhau nhé, xem ai chớp mắt trước.

Sao lại có trò chơi này nữa, tôi nghĩ, nhưng vẫn nhìn thẳng vào mắt nàng. Dĩ nhiên, tôi chớp mắt trước. Vì mình phải cố ý thua phụ nữ, trong bất kỳ trò chơi nào, tôi luôn luôn nghĩ như thế. Thêm nữa, tôi sợ, nhìn vào mắt nhau một chặp, có thể nàng sẽ khóc. Và tôi chỉ sợ, lúc đó tôi sẽ ôm nàng và sẽ nói, rằng anh sẽ giữ em ở đây luôn, sẽ bảo lãnh em sang đây ở luôn nhé. May quá. Mọi chuyện vẫn dừng kịp.

Khi nàng bước ra, tôi xách chiếc va-li theo, và đưa lên xe giúp nàng. Tôi thấy tay nàng cầm sẵn chiếc khăn mu-soa. Tôi đoán, có lẽ nàng sắp khóc. Khăn mu-soa vẫn là thói quen quê nhà, tôi nghĩ thế, bên này có đủ thứ khăn giấy rồi.

Đêm đó, tôi pha ly cà phê thật đậm, ngồi nhìn ra cửa sổ, nơi những vạt ánh đèn đường màu vàng hắt xuống, ngả nghiêng trên mấy cành lá lung linh.

Tôi viết xuống giấy mấy dòng thơ, rồi đẩy tờ giấy vào góc bàn. Buồn tới không muốn viết thêm.

môi son còn in ly rượu

em đi rơi lại tiếng cười

làm sao tôi tìm được chữ

gỡ em tóc rơi chân trời

Thực sự, trong phòng tôi không có chai rượu nào cả. Trước giờ, hễ có ai cho rượu, tôi đều cầm sang tặng tên Hòa. Cũng không có vết son nào in trên ly cả, vì nàng rửa ly tách rất sạch sẽ. Có lúc, nhìn nàng rửa ly, tôi nói đùa, những chiếc ly đó sẽ mãi mòn, nhớ tới bàn tay của em. Đêm hôm đó, trên tờ giấy trắng, đôi mắt nàng hiện ra trong trí nhớ, tóc nàng bay và thoang thoang như có hơi rượu. Tôi nghĩ, chắc mình sẽ bệnh mắt vài ngày. Đêm đó, tôi thức tới gần sáng mới ngủ được.

oOo

Lần đầu gặp nàng là xa thật xưa. Lúc đó, cô bé gầy gò, cỡ 9 hay 10 tuổi, Bắc Kỳ thấy rõ từ kiểu tóc, áo bà ba trắng, quần trông giống như ông bố. Cô bé theo ba vào Sài Gòn, khi ông cụ vào thăm ba tôi. Hai ông cụ, sau 1975 mới gặp nhau. Thời xa xưa, theo lời ba tôi thỉnh thoảng kể lại với tôi (hể mỗi lần kể, là có gì như là cảm động). Rằng ba tôi và ba của nàng là hai bạn thân hồi nhỏ, cùng quê Đức Dũng, Đức Thọ, Hà Tĩnh. Những nơi đó, tôi chưa bao giờ bước tới.

Thời Xô Viết Nghệ Tĩnh, dân quân nổi dậy, rồi quân Pháp vào đàn áp dữ dội. Ba tôi chạy vào Nam, xin được việc làm trong ngành xe lửa. Ba của cô bé Hoài chạy ra Hải Phòng, rồi chạy sang Tàu. Thế là hai bạn thân mất dấu.

Ba tôi kể, trong làng Đức Dũng chỉ có hai họ lớn, hầu hết hoặc mang họ Phan, hoặc mang họ Võ. Tôi vẫn thắc mắc, nhưng chưa bao giờ dám hỏi, vì những khi ba tôi kể, lúc nào cũng có cái gì rất cảm động của một người xa xứ nhiều thập niên – rằng, lẽ ra là họ Vũ, sao Hà Tĩnh lại có họ Võ.

Lần đầu tôi gặp cô bé, là khi ba của nàng vào Sài Gòn, tìm thăm ba tôi. Nhưng vẫn có cái gì rất là ngăn cách. Ông cụ họ Võ nói với ba tôi rằng ông cụ có một đứa con trai, tức là anh của cô bé gầy gò ngồi một góc đối diện với tôi, khi hai ông cụ gặp tại nhà tôi khoảng đầu năm 1976 hay 1977, vào Nam và tử trận ở Tây Nguyên. Tôi nghe thế, và cả ba tôi cũng nghe thế, như dường nghẹt thở vì tôi có mấy tháng được Sở Tài Chánh Hành Chánh đưa về Sư Đoàn 23 BB ở Ban Mê Thuột. Hẳn là không cùng chiến trường với con cháu nhà họ Võ kia, sau này tôi giải thích cho ba tôi rõ, vì tôi chỉ làm trong Phòng Tài Chánh. Thêm nữa, chức vụ của tôi chỉ là chuẩn úy, nghĩa là hạ sĩ quan... chẳng là cái gì lớn lao. Tôi nói, họ Phan nhà mình có lẽ nhiều đời không nặng nghiệp sát. Nhưng nói là thế, chẳng ai hiểu rõ chuyện gì đâu.

Trong khi hai ông cụ -- ba của nàng, và ba của tôi -- ngồi kể về những tháng ngày xa nhau, hỏi về dòng sông, về gốc đa, về bạn bè quê cũ. Tôi nhìn cô bé, nghĩ rằng nhỏ này xương xẩu, Bắc kỳ rất, không thấy chút gì Hà Tĩnh, không biết giọng nói cô bé sẽ là nặng giọng Trung hay Bắc. Cô bé, ngồi lặng lẽ cả buổi, trừ những lúc đứng lên vòng tay chào. Và hai bố con nàng từ biệt ba tôi và tôi, để về lại Bắc. Ba của cô bé còn nói rằng, sau này khi dọn vào Sài Gòn, sẽ nhờ tới ba tôi giúp đỡ.

Kỷ niệm tôi nhớ lúc đó, cũng là khi thấy ba tôi gỡ chiếc đồng hồ Bulova đang đeo trên cổ tay ra, tặng ba của cô bé. Thực ra, đồng hồ Bulova tuy đắt giá hơn nhiều kiểu đồng hồ Nhật, Nga, Trung Quốc... nhưng không thể nào gọi là sang trọng, cũng chẳng phải khó tìm. Nhưng Miền Bắc thời đó là thế, không có gì, thực tế là không có gì, cho nên một đồng hồ Bulova vẫn là một món quà lớn.

Vâng, còn nhớ thêm nữa: hình ảnh một con bé Bắc kỳ tóc ngắn, mặc trang phục học trò Bắc kỳ thời đó, áo trắng và quần kaki đen với chỗ hai đầu gối hơi mòn. Cô nàng, sau này là một nhà báo và thỉnh thoảng làm thơ – hình như trong một tờ báo Hải Phòng nào đó, và nàng không nói gì mình bạch.

Vâng, tôi còn nhớ thêm hình ảnh nữa: đêm hôm đó, ba tôi ngồi tụng kinh như lệ thường, và âm vang bài Bát Nhã Tâm Kinh như dường cảm động hơn, với giọng như nghẹn lại. Tôi nghĩ, có thể ba tôi đã khóc trong khi tụng kinh, khi đọc rằng sắc tức là không, và rằng không cũng là sắc, và rằng không hề có mất tai mũi lưỡi thân ý...

oOo

Nhiều năm sau khi vào Hoa Kỳ, tôi nhận được một email. Nàng tự giới thiệu là Võ Thị Đức Hoài, từng

gặp tôi khi cùng ba vào Nam, tìm thăm ba tôi. À, tôi nhớ chứ. Tên thì không nhớ, nhưng hình ảnh vẫn nhớ mãi thời mới sau 1975: một ông cụ họ Võ vào tìm ông bạn xa xưa họ Phan, tôi nhớ hình ảnh ba tôi tháo chiếc đồng hồ Bulova dúi vào tay ông cụ kia, bảo cầm về Bắc. Và tôi cũng nhớ hình ảnh một cô bé lặng lẽ, ốm nhom, nhìn chung quanh nhà tôi, dĩ nhiên cũng lâu lâu liếc về phía ba tôi và tôi. Lúc đó, tôi còn nhớ, có một lúc, cô bé lắc lư đầu, cho tóc sóng sánh hai bên rồi tự cười một mình, nhưng rồi nghiêm mặt khi thấy tôi vẫn chăm chú quan sát. Lúc đó, tôi còn nhớ, tôi đã suy nghĩ kiểu rất là con trai Sài Gòn, rằng Trời ạ, nhỏ này toàn xương xẩu, mặt dễ thương nhưng còn búng ra sữa, nhí quá.

Khi nhận email của nàng, tôi chợt nghĩ không biết cô nàng còn giữ thói quen lâu lâu lúc lắc đầu cho tóc sóng sánh hay không. Còn trang phục nàng dĩ nhiên khác rồi. Trong email, nàng nói rằng ba của nàng đã qua đời. Dĩ nhiên, tôi nghĩ, ba tôi cũng khuất núi lâu rồi, họ cùng thế hệ và không biết là khi sắp qua đời có bao giờ nhớ lại những dòng sông tuổi nhỏ.

Nàng cho biết đang học khóa viết văn gì đấy ở một đại học ở Ohio hay Iowa. Khóa gì đấy, chỉ có mấy tháng. Chương trình như dường trao đổi văn hóa, hay hỗ trợ văn hóa gì đấy giữa hai chính phủ Mỹ, Việt Nam. Tôi suy nghĩ, thế là nhà văn Việt cộng rồi nhé. Thêm nữa, tôi cũng ngạc nhiên về chương trình

viết văn gì đấy, vì mình ở Mỹ hai thập niên tiếng Anh cũng chẳng tới đâu, huông gì là nhà văn VN đưa sang Mỹ học có mấy tháng.

Cô bé – không, không còn là cô bé nữa, bây giờ đã trở thành một nhà văn nữ -- hỏi tôi về các chữ dark và darkness trong hai câu thơ của Joseph Brodsky:

*I sit in the dark. And it would be hard to figure out
which is worse; the dark inside, or the darkness out.*

Tôi nói rằng tôi cũng lờ mờ tiếng Anh thôi. Trả lời nhưng không bảo đảm. Rằng chữ “the dark” là tính từ dùng như số nhiều, ám chỉ những gì không thể biết được, có thể hiểu là những “góc tối trong hồn.” Còn chữ darkness là nói bóng tối vật lý. Nhưng gọi là đồng nghĩa cũng được, vì là thiếu ánh sáng. Do vậy, tôi đề nghị tạm dịch là:

Tôi ngồi trong bóng tối. Và sẽ khó để nhận ra những gì

tệ hại hơn; những góc tối bên trong, hay bóng tối bên ngoài.

Tôi trả lời, rằng cũng chỉ đoán thôi. Lẽ ra, cô ta phải hỏi trực tiếp người thầy Anh văn.

Nàng không trả lời.

oOo

Thế rồi tới một email thứ nhì, vài tuần sau đó. Nàng viết rằng, khi này hoàn tất khóa viết văn ngắn hạn đó, nàng sẽ bay xuống Quận Cam, để thăm tôi, để hỏi thăm, và xin ở tạm nhà tôi trong một đêm trong khi thăm nơi này. Nàng viết rằng sẽ không ở lâu, vì sẽ có bạn của nàng từ trên Los Angeles sẽ tới chở đi dọc California. Nàng nói, thực sự là muốn gặp tôi, vì từ nhiều năm nàng đã đọc nhiều thơ và truyện tôi viết.

Tôi hơi thắc mắc, gặp mình thì có gì hay ho đâu. Đọc là vào thế giới của chữ nghĩa. Còn gặp là chuyện khác rồi, gặp đâu có phải là chuyện chữ nghĩa.

Trong khi tôi chưa trả lời email, nàng đã điện thoại trực tiếp. Đúng là giọng Bắc, giọng Hải Phòng. Có pha giọng Miền Trung.

Nàng nhắc rằng, nàng vẫn nhớ hình ảnh ba tôi và ba của nàng ngồi thì thầm sau khi gặp lại, sau nhiều thập niên xa cách. Nàng cũng nói rằng, nàng còn nhớ câu nói của ba nàng, là sau này có gì thì nhờ anh Hải giúp.

Bất chợt, tôi nói, bây giờ già hết rồi. Thiệt sự không nhớ rõ, không nhớ chính xác là có câu nói nào thời

xa xưa như thế, dù là của ai nói. Tôi nghĩ, trời ạ, tự nhiên nú áo của mình.

Nàng hỏi qua điện thoại, về một nhân vật nhà sư ở Long Thành trong một truyện ngắn tôi viết thời mới vào nước Mỹ.

Tôi nói, nhà sư đó viên tịch rồi.

Tôi nghĩ, hóa ra nàng đọc mình nhiều và nhớ chi tiết cũng nhiều. Tự nhiên, tôi nhớ tới chiếc đồng hồ Bulova ba tôi gỡ ra tặng ba của nàng. Cũng không dám hỏi, chỉ hỏi về hoàn cảnh gia đình.

Nàng nói, nàng có một đứa con, hiện đơn thân ở Hải Phòng với con, vì chồng mất vì bệnh. Sống phải tiết kiệm, tính toán.

Tôi nói, ừ thôi cứ ghé nhà anh ở một đêm, rồi chờ bạn tới chở đi.

Nói xong, tôi không hiểu tại sao lại nói như thế. Nói xong, tôi chợt nghĩ tới mấy chuyện kiểu phim ảnh, rui nàng là gián điệp bông hồng đỏ gì đấy.

Tôi đang ở trong một khu mobile home, chủ nhà là thằng Hòa, cũng là bạn từ thời đi học. Căn phòng tôi ở biệt lập, có lối đi riêng, bước qua 2 khu phố là tới thương xá Phước Lộc Thọ, trung tâm Little Saigon. Tôi nghĩ, khi đưa cô bạn kia về ở vài ngày là lộ liền, giải thích làm sao. Vì nói gì với Hòa cũng được,

nhưng biết nói gì với bác hàng xóm, người mỗi sáng vẫn quen đưa tay chào tôi, bỗng nhìn thấy một cô ở một đêm trong căn phòng của tôi.

Rồi, mình sẽ áp a, áp úng, tôi tự nhủ, sẽ nói với bác rằng đây là một cô em từ xa tới -- hiển nhiên, ngó là biết liền, từ xa chứ; và cũng hiển nhiên, thấy ngay là một cô em rất xinh, nếu khuôn mặt của nàng không đổi bao nhiêu. Sau này, tôi tự nhủ, sẽ giải thích cho mọi người rằng có một cô em tới ở tạm. Tôi sẽ nói là một ngày, như thế dễ nghe hơn là nói rằng nàng sẽ ở nhà tôi một đêm.

oOo

Tôi dặn Hoài rằng ai nói gì cũng chỉ gạt đầu, hay đưa tay chào tôi. Tôi không nỡ nói lý do vì hễ cô mở miệng ra nói gì, là bẻ liền. Vì sẽ lộ ra cô là Bắc kỳ 75. Xóm tôi ở toàn là cư dân VNCH, nghe giọng nói là biết liền.

Thực sự, nàng không nổi tiếng. Cô làm thơ và viết báo với tên thật là Võ Thị Đức Hoài. Tôi không nói mình bạch về cô này làm chi với Hòa, tên chủ nhà. Hòa là một nhà văn đang viết một bộ trường thiên tiểu thuyết, nên y cũng có bận tâm riêng. Hễ đi làm về, là Hòa cắm cúi ngồi viết. Hòa nói rằng Hòa sẽ

ghi lại những chặng đường mà những tên như hắn, như tôi trải qua, từ một thời sinh trưởng trong khói lửa nội chiến, vào sân trường đại học cũng gặp quốc-cộng chia phe, rồi mùa hè đỏ lửa tổng động viên, rồi Miền Nam sụp đổ, rồi đi tù cải tạo, rồi vượt biên, và vân vân.

Lý do không nói mọi chuyện minh bạch vì trong nhóm bạn học thời xưa, còn có thằng Tường, bây giờ là chủ tịch hội nhân quyền gì nơi đây. Chung quanh tên này là đủ thứ nhân vật chống cộng. Hễ lộ ra, tôi tự nhủ, là mình bị chụp mũ đưa một con nhỏ Việt cộng về nhà “giao lưu, hòa hợp hòa giải” – cho dù ở một ngày, cũng là chuyện để suy nghĩ. Biết bao nhiêu hàng rào nhi...

Ngay lần gặp đầu tiên là thấy nàng khác với “dân Sài Gòn mình” rồi. Đón cô ở phi trường John Wayne, thấy trang phục cô cũng bình thường thôi, cũng váy dài quá đầu gối, nhưng son môi đỏ và kiểu tóc bông bênh là hiển nhiên bên kia sông Bến Hải rồi. Cái cảm nhận ban đầu là như thế, tôi chẳng hiểu sao. Có lẽ, phụ nữ Việt Nam ở California bình thường không dùng son môi, có thể chỉ là khi đi dạ tiệc. Và vân vân. À, còn cái mùi hương... Khi đi cùng nàng bước ra cổng, xuống sân đậu xe... tôi ngửi thấy thoang thoang mùi hương. Những người phụ nữ bình thường tôi gặp hàng ngày nơi tờ báo,

hàng tuần nơi các siêu thị đều không dùng nước hoa. Nhưng thôi, chẳng thắc mắc chuyện này làm gì.

Tôi vẫn thắc mắc, nhưng không hỏi, rằng tiếng Anh nàng chỉ trung bình, làm sao học khóa viết văn gì đó của chính phủ Mỹ, mà khóa học sao chỉ có vài tháng.

oOo

Tôi chỉ chiếc giường cho nàng, nói rằng tôi sẽ nằm dưới đất, và giải thích rằng ngủ trên sàn với tôi là bình thường, “trong những ngày nhập thất, anh không nằm giường cao.”

Nàng hỏi, nhập thất là gì anh nhỉ.

Tôi nghĩ, hóa ra, cô này từ xứ sở vô thần tới đây, chưa nghe những chữ đơn giản đó ở Sài Gòn. Tôi nói, cũng giống như một ông sư đóng cửa, ngồi thiền hay tụng kinh một vài ngày... đó là nhập thất.

Tôi nhớ lại, khi mới lái xe chở nàng về, bác hàng xóm đứng gần đó có nhìn tôi gật gù đầu, đôi mắt bác tươi cười thấy rõ. Bác cũng đã từng bảo tôi nhiều lần, cậu phải lo kiếm vợ đi chứ. Những lúc đó, tôi trả lời bác rằng, từ từ bác ạ.

Tôi đã hình dung ra những bất tiện. Thực ra, bất tiện đã thấy ngay. Buổi chiều, tôi chở nàng ra tiệm phở. Cô nàng vẫn lặng lẽ như những ngày thơ trẻ. Có lúc, cô ta lắc đầu, cũng thấy tóc bay, nhưng không phải kiểu nghịch ngợm thời nhỏ. Trong bữa ăn, nàng cũng nhắc về ba tôi và ba của nàng. Có phải đó là lý do để nàng phải tìm tôi, tôi vẫn ngạc nhiên.

Về nhà, tôi lấy cố sẽ phải ngủ sớm, nằm lãn ra chiếu ngủ, hy vọng mình sẽ ngáy lớn tiếng, để khỏi nói chuyện. Bởi vì, ai biết được, hễ thức khuya, ngồi nhìn nhau trong bóng tối, ai biết được bóng tối lòng mình sẽ dẫn tới đâu – tôi bất chợt, nhớ hai câu thơ nàng đã hỏi.

Tôi pha trà, nói rằng uống xong tách trà, anh sẽ sớm nằm ngủ, vì mệt quá.

Đôi ẩm trên chiếc bàn duy nhất trong phòng. Đôi khi tôi và nàng nhìn nhau. Và lúc nào cũng thế, tôi quay mặt sớm. Đôi khi tiếng cười khẽ của nàng làm tôi chợt nghĩ, phải chi mình cứ ngồi thế này suốt đêm.

Nàng bất chợt, rút cây bút ra, viết trên giấy một câu, nói rằng mới gặp mấy chữ, nhưng lơ mờ không biết chấm câu ra sao. Khi nàng cúi xuống viết trên giấy, tôi phải quay mặt đi vì chợt thấy một khoảng thịt da giữa ngực nàng.

Tôi nói, cú pháp tiếng Anh phức tạp, không ai dám nói là hiểu hết. Mà tiếng Việt cũng đâu có dễ.

Nàng nói, nhờ anh chấm câu giùm, vì em lúng túng, rồi viết ra giấy: “a woman without her man is nothing”... rồi ngẩng lên, nhìn vào mắt tôi.

Nàng tự nhiên nói thêm, nàng có đọc mấy bài thơ của Inrasara tôi đã dịch sang tiếng Anh.

Tôi nói, thơ Inrasara hay lắm chứ. Còn câu thiếu chấm câu kia thì để suy nghĩ kỹ, rồi sẽ trả lời qua email.

Nàng cúi đầu gằn sát trang giấy, rồi một lần nữa, ngẩng đầu nhìn vào mắt tôi, nói tiếng Anh thực sự khó.

Tự nhiên tôi sợ... tôi sợ rằng nàng sẽ tỏ tình, rằng nàng đã thích tôi từ khi ba của nàng tìm tới thăm ba của tôi. Tôi nghĩ, sao mình lo sợ chuyện gì lạ thế, vì hồi đó, cô nàng “còn con nít trần mà”...

Bất chợt, tiếng nhạc trên truyền hình từ nhà hàng xóm vọng qua. Trời tối rồi. Tôi tới khép các màn cửa để không ai nhìn vào.

Tôi cầm bút, nói rằng câu trên có thể có vài cách chấm câu, và sẽ có nghĩa có thể khác nhau.

Tôi viết rồi nói, tự nhiên nghe giọng của mình khàn đi thấy rõ, câu đầu có thể là, “A woman, without her

man, is nothing"... nghĩa là, "một phụ nữ, không có người đàn ông của nàng, nàng sẽ không là gì hết."

Tôi lại viết thêm, rồi giải thích, có thể viết là "A woman: without her, man is nothing"... nghĩa là, "Một phụ nữ: không có nàng, đàn ông chẳng là gì cả."

Nàng cười lặng lẽ, lúc lắc đầu... hình ảnh y hệt như cô bé mấy chục năm về trước. Tôi thấy nhói trong tim, như dường thời gian đứng lại, như có gì tiền định.

Tôi nói, thôi em đi tắm đi, bây giờ anh ngủ trước. Bất chợt, tôi thấy cách xưng hô của mình lạ hơn.

oOo

Tôi trùm mền, nằm cuộn tròn như dường cần ngủ kinh khủng lắm. Thực ra, lòng tôi hoang mang. Làm sao ngủ được.

Nàng trong phòng tắm. Tôi nghe tiếng nước phun từ vòi hoa sen, rào rào... tự nhiên nghĩ về thân thể nàng, đâu có còn là cô bé xương xẩu như ngày xưa nữa, trời ạ, thân thể và hình dáng nàng đẹp như người mẫu chớ.

Tôi tự nghĩ, khi nàng đi rồi, nếu mình thật thà kể chuyện này với tên Hòa, tên Tường... thế nào cũng bị chê là thẳng khùng, làm gì có chuyện đó, rằng chuyện nàng đang tắm, đang ngủ một đêm chung phòng với tôi.

Một nhà văn nữ, tên Tường sẽ nói, nữ điệp viên 009 đó. Hay mà chỉ tưởng tượng, rồi y sẽ cười.

Tôi nói, nếu có điệp viên bông hồng đỏ ra hải ngoại, sẽ đi kiếm mấy tên hoạt động nhân quyền để chiêu dụ, chứ ai tìm tới một nhà báo bình thường làm chi.

Tôi nghe tiếng nước ào rào trong phòng tắm, và không thể nghĩ khác được, tự nhiên hình dung nước chảy khắp người nàng, từ tóc xuống vai, xuống ngực, xuống hông, xuống mông, xuống đùi, xuống chân. Nước chảy rào rào.

Tôi bất chợt nhớ bài kinh ba tôi ưa tụng thời sinh tiền, và nhớ ba tôi đã cảm động tụng kinh trong đêm sau khi gặp lại người bạn thời thơ ấu, rằng sắc tức là không, rằng sắc chẳng khác không... Nhưng làm sao được, căn phòng nhỏ quá, rồi nàng thay đồ ra sao. Tôi nghe âm vang lớn thêm trong tâm mình, rằng không hề có mắt tai mũi lưỡi thân ý...

Thế đó, tôi chìm vào giấc ngủ say, giữa tiếng tụng kinh tự nhiên âm vang trong đầu, và tiếng nước trong phòng tắm như đã biến thành mưa cả bầu trời.

Trong giấc ngủ, tôi chợt nghĩ ra mấy câu thơ, nhưng sẽ tự dặn mình là sẽ chẳng nói ra làm chi, để chớ nàng đi xa mới gửi email.

Làm thơ, tuyệt vời. Tụng kinh, tuyệt vời. Tất cả đều bất ngờ thanh tịnh hóa. Như dường trong giấc ngủ, tôi tự cười với mình.

oOo

Tôi bệnh mất mấy ngày. Nằm như con cuốn chiếu. Co người lại, trùm mền. Đôi khi mở điện thoại để xem email, tin tức...

Tôi tự nghĩ, có phải có gì đáng tiếc lắm đã bay mất. Lúc đó, tôi lại nhớ tiếng nước rào rào trong phòng tắm, hình ảnh nước chảy trên khắp thân thể đẹp như người mẫu của nàng, và rồi hình ảnh nàng buổi sáng hôm sau nằm trên giường, trùm mền, trong khi tôi thức dậy rất sớm, và ngồi nhìn ra cửa sổ.

Hình như nàng giận, tôi nghĩ thế. Cả tuần sau, nàng mới email cảm ơn, nàng còn táo bạo viết, “phải chi, đêm hôm đó, chúng ta rời được cõi này để cùng bước vào một cuốn phim theo đúng quy trình Hollywood.”

Tôi trước giờ ghét chữ “quy trình” kinh khủng, vì hai chữ này là guồng máy nặng nề của nhà nước Ba Đình. Chỉ duy nhất lần này, tôi nghĩ chữ “quy trình” là đúng.

Trời ạ, tôi tự nhủ, phải chi đêm hôm đó, tôi làm theo đúng quy trình phim ảnh Hollywood, nghĩa là yêu nhau rừng tàn núi lở... May quá, tôi cũng tự nhủ, có một bài kinh thời thơ ấu đẩy mình vào một giấc ngủ rất sâu.

Tôi viết trong email gửi nàng, rằng lẽ ra, theo đúng kinh điển phim ảnh Hollywood, sẽ phải có thêm mấy câu thơ:

em đi bóng còn ở lại

một thời em đứng kiễng chân

thở vào hôn tôi nắng quái

nụ hôn lạc mấy đường trần.

Tôi ghi thêm rằng không ai hiểu được lịch sử, dù là lịch sử của một dân tộc, hay của một đời người. Khi bấm nút gửi email xong, tôi mới chợt thấy, hình như mình viết những gì chính mình cũng không hiểu nổi.

Bất chợt, tôi bước vào phòng tắm, và nhìn vào gương, không có bóng nàng trong đó – dĩ nhiên, nhưng như dường còn một mùi hương...■

MÀU NẮNG RỰC SÁNG

Tôi đã ưa thích màu nắng ở quê nhà từ những ngày thơ ấu. Nó không thực sự là màu gì nhất định. Có thể gọi màu nắng là màu trắng ngà. Không, không hẳn thế. Bạn không thể nói cho đúng, rằng màu nắng là màu gì. Vì bạn chỉ nhận ra màu nắng khi nó chiếu rọi vào một cái gì, và nó không còn là cái mà chúng ta muốn nói nữa.

Tôi đã từng thử nhìn thẳng vào mặt trời. Lúc đó, tôi học xong lớp 9, tức là lớp đệ tứ, đang chờ lên lớp đệ tam ở Chu Văn An. Trong một buổi chiều chủ nhật, đạp xe tới xóm tên bạn ở gần nhà, nhìn thấy màu nắng chói trên các bức tường trên những căn phố người Hoa gần chợ Bình Tây, màu nắng rực rỡ hiện lên màu vàng của tường, dưới những mái ngói đỏ ngả màu cũ kỹ. Tôi ngây ngất nhìn màu nắng, và rồi nhìn thẳng vào mặt trời – chói kinh khủng, chẳng thấy gì. Phải đứng một chỗ, nhắm mắt cả mười phút,

mới thấy đường trở lại. Lúc đó mới biết, tôi chỉ có thể nhìn được màu nắng trên mọi thứ khác. Lúc đó, tôi đã thấy rằng có một cái không thấy được, nhưng nó là cái làm cho mọi thứ hiện lên. Thế nhưng, tại sao lại nói chuyện này nhỉ? Tôi chỉ đang muốn kể cho bạn nghe một chuyện tình thôi -- nếu gọi được, thì đó là chuyện tình, nhưng nói cho nghiêm túc, cũng chỉ gần gần là một chuyện tình.

*

Màu nắng Sài Gòn đó vẫn còn rực rỡ mãi trong tôi, nhiều thập niên sau. Tôi vẫn nhớ màu nắng như đường nghiêm trang hơn trong sân trường, như đường ngã nghiêng đùa cợt trên các lối đi xe đạp chen nhau khi tan trường, như đường loang vữa tường rêu ở các hẻm Phố Tàu gần nhà tôi, và cũng như đường nhảy múa dịu dàng trên mái tóc mấy cô nữ sinh trường Bác Ái đi xe đạp trên đường Nguyễn Trãi.

Nhà tôi trong một khu chung cư gần Chùa Ông Bồn. Quanh chung cư đầy những hẻm phố, và rồi các hẻm biến thành chợ, có nơi biến thành chợ vải, nơi thành chợ giày, nơi là những ván cờ tướng với các cao thủ thi đấu ăn tiền, nơi là chỗ tụ họp của

mấy anh thợ làm con dấu và sửa đồng hồ. Những âm thanh quanh các phố thị luôn luôn là khúc nhạc gì bí hiểm, và thường là, khi tôi ngẩng người nghe, hay nhìn, lại thấy một mùi dễ chịu của xe hủ tiếu từ dưới phố thoảng tới. Hay là khi đi ngang Tang Nghi Quán, tiếng kèn đám ma thê thiết, tiếng tụng kinh vang không ngừng, và mùi nhang khói bay ra tận hè phố trong những ngày nơi đây bận rộn.

Trở lại, nói chuyện Chùa Ông Bồn, nơi ai ở Chợ Lớn cũng đều biết ngôi chùa này ở phố Hải Thượng Lãn Ông. Chùa này gọi đúng là miếu, vì thờ Ông Bồn, một vị thần trong tín ngưỡng người Hoa, được tin tưởng là rất mực linh thiêng. Trong những lễ hội hàng năm, chùa này tưng bừng đủ thứ -- không kể chuyện cúng lễ, mà tôi chẳng hiểu gì, chỉ ưa chạy theo xem múa lân, xem múa võ, xem rước kiệu... dần dà, lớn một chút mới thôi, khi tới tuổi học thi Tú Tài 1, mới thấy thực ra mình không ưa lễ hội tí nào.

Ngẫm ra, lúc nhỏ ham vui, chỉ là chạy theo mấy đứa trong xóm thôi, trong đó nhiều đứa gốc Hoa, phải tập luyện gian nan và rồi trình diễn trong lễ hội Chùa Ông Bồn -- bọn con trai gốc Hoa phải luyện võ, tập múa lân, bọn con gái mặc trang phục thướt tha để múa, hay xếp hàng cúng lễ gì đó. Có những buổi chiều, tôi đứng ở hành lang lầu hai chung cư, nơi bây giờ là đường Trần Hưng Đạo B, nhìn xuống dưới phố, bọn thiếu niên bước đi tung tăng trên phố

để sang Chùa Ông Bồn tập luyện, con trai mặc võ phục, có đũa cầm côn, có đũa cầm kiếm... con gái mặc kiêu áo cổ truyền như trong phim Tàu xưa. Có lúc đi nhanh, có lúc như chạy vội, màu nắng lấp lánh trên lưỡi kiếm của mấy cậu con trai, trên các tua kim tuyến trên trang phục mấy cô con gái. Lúc đó, tôi thấy nắng chói thật đẹp trên các tường vôi ngả vàng của tường phố, và thấy lòng mình như chết trong màu nắng. Không hiểu sao lại thấy thế.

*

Kỳ lạ, tôi muốn kể một chuyện tình, nhưng sao cứ mãi nói chuyện nắng, rồi lại kể chuyện lễ hội với chuyện chuẩn bị lễ hội. Nói cho đúng ra, thời thơ ấu của tôi chẳng hề có cái gì gọi là mối tình. Kể cả khi làm thơ cho báo xuân trường Chu Văn An, cũng chưa từng nắm tay một cô nào, chớ đừng nói gì tới -
- thế mới lạ.

Một lần, tôi có làm một bài thơ, kể về những âm vang tiếng guốc của một cô bé theo tôi vào giấc ngủ, những âm vang này ru tôi ngủ, y hệt như lời ca dao mẹ ru con. Bây giờ không nhớ được bài thơ này. Mấy tên bạn trong nhóm làm báo xuân cho trường gọi đó là tình chay, vì chẳng có con nhỏ nào thật

đâu. Mà, ai lại làm thơ, viết là như mẹ ru con -- bộ con nhỏ tưởng tượng của mày là má của mày hay sao. Lúc mấy tên kia giễu như thế, tôi chợt nhớ mấy đứa con gái gốc Hoa trong khu Phố Tàu tôi đang ở. Thực ra, mấy tên bạn tôi nói đúng, vì tôi làm thơ tình là vì đặc san nhà trường cần mấy bài thơ. Lúc đó, tôi chỉ say mê đọc sách, và dĩ nhiên, học thi.

Tôi không nhớ tên nào giễu tôi như thế. Chỉ nhớ mấy tên trong ban biên tập đang ngồi uống cà phê ở quán, nơi lối vào Ký túc xá Minh Mạng, gần trường Chu Văn An. Nơi đó, tôi cũng thích ngồi nhìn nắng trên mái ngói nhà thờ đối diện, giữa một công viên thơ mộng. Nơi đó, gió thổi cây lá xao động, và nắng lung linh trong lá.

*

Cũng nên kể thêm chuyện này. Một thời tôi say mê ngồi thiền. Hồi đó học thi căng thẳng lắm. Tên nào cũng sợ thi rớt, vì tin chiến sự hàng ngày lúc nào cũng sôi động. Lúc đó, tôi say mê đọc sách Krishnamurti. Dĩ nhiên là đọc bản dịch Việt ngữ. Thấy khó hiểu kinh khủng, chỉ lờ mờ thấy rằng ngôn ngữ Krishnamurti đầy sức mạnh như Kinh Phật, nghe âm vang như Thiền Tông khi nói rằng chân lý

là mảnh đất không có lối đi. Không hiểu cách nào để tập thiền như thế, lúc đó cũng không rõ rằng ông Krishnamurti có thực sự dạy thiền hay không.

Thế rồi gặp một cuốn sách mỏng dạy Thiền Chỉ Quán, tôi mua từ một tiệm sách cũ. Thời đó, tiệm sách cũ đầy khắp Sài Gòn, và dĩ nhiên, cả Chợ Lớn, nơi tôi ưa thích lang thang đi bộ, và có khi lang thang đi xe đạp quanh phố phường, để nghe đủ thứ âm vang ngôn ngữ và tiếng xe, tiếng hô phủ ky, tiếng gõ hủ tiếu, ngấm vào da thịt tôi.

Không phải tôi nghe bằng tai đâu. Tôi nghe bằng cả da thịt, nghe bằng mắt, nghe bằng mũi, nghe bằng trọn cả gân xương tóc tai da thịt. Có những khi học thi với mấy tên bạn ở sân Chùa Xá Lợi xong, là đi xe đạp về Chợ Lớn, và cứ mãi mê thấy cuộc đời ngấm lạnh vào da mình, mà lòng như say hương đời. Tôi yêu thích cuộc đời này biết là bao nhiêu.

Tôi ngồi quay mặt vào vách tường để tập thiền mỗi đêm, và phê biết là bao nhiêu. Những lúc thấy lòng mình lặng như tờ, hạnh phúc vô cùng tận. Thế rồi có một lúc, trong khi chạy nhảy, bị té vấp chân, móng chân cái bên phải văng luôn, đau kinh khủng. Hề đụng tới là đau. Lúc đó đang học thi, đau chân thế là phiền lắm, vì di động hạn chế. Nhưng tối về, tôi ngồi trên ghé, tập thiền. Và khám phá ra rằng ngồi,

đứng, hay đi cũng thế, nhiều khi tâm lạng như tờ. Cái đầu đỡ căng thẳng, đỡ lo âu.

Nghĩa là, một tuổi thơ của tôi ngập nắng, lòng cực kỳ hồn nhiên, và các phố Tàu Sài Gòn – nơi vẫn quen gọi là Chợ Lớn – là một phần đời của tôi, một mảng da thịt tim óc của tôi. Đó cũng là lý do sau này, khi từ Virginia về thăm Quận Cam, nhìn thấy màu nắng trên các hè phố Bolsa, màu nắng chói rực rỡ trên thương xá Phước Lộc Thọ, nơi có tên tiếng Mỹ là Asian Garden Mall, tôi biết ngay là bằng mọi giá là phải dọn về Quận Cam định cư. Không hoàn toàn vì sợ tuyết lạnh tiểu bang Virginia, nhưng khi tôi nhìn thấy màu nắng nơi này, tia nắng hắt trên những pho tượng nghiêm và buồn kiêu Chợ Lớn như thế, chân tôi đã đứng khựng lại nhiều phút sững sờ.

Tôi biết rằng, tôi yêu màu nắng này. Tôi thấy ngay lúc đó, rằng tôi sẵn sàng ngồi trên ghế đá ở phố Bolsa, chỉ để suốt đời ngồi nhìn nắng thôi. Định phận của tôi là ở đây, gần như là một Chợ Lớn thời niên thiếu của tôi. Chỉ thiếu có Chùa Ông Bồn với những thiếu niên võ phục và áo thướt tha phim bộ, chỉ thiếu có sân Tinh Võ với những bích chương dán đầy hình ảnh về các trận võ đài, chỉ thiếu một Tang Nghi Quán thê thiết tiếng kèn đám ma... và thiếu nhiều nữa. Nhưng làm sao bây giờ, cũng đâu có cần

hiều: tôi chỉ muốn nhìn màu nắng trên phố Bolsa này.

*

Suýt nữa là tôi quên kể câu chuyện tình. Đúng ra, chỉ là mặc định thôi, vì trong truyện ngắn, hẳn có nhân vật nam và nhân vật nữ, thế nào cũng có chuyện tình xảy ra. Tôi cũng đoán chuyện của tôi như thế.

Đầu tiên là chuyện ngồi thiền. Nơi đây, tôi ở một phòng nhỏ, trên lầu hai, ở một khu chung cư cho người cao niên -- định nghĩa cao niên của Quận Cam ở trường hợp này là trên 55 tuổi. Căn phố này nằm ẩn sau lối đi ngang nhà hàng Song Long. Tôi ưa thích những buổi sáng ở đây, cả buổi trưa, buổi chiều, buổi tối. Ngày và đêm là một phần cơ thể tôi.

Nhiều đêm ngồi thiền, trong căn phòng tắt đèn tối mịt. Thỉnh thoảng có tiếng xe chạy dưới phố vọng lên, có khi có hàng xóm nào mở truyền hình vọng tiếng nhạc sang. Tôi không bực dọc với những âm thanh đó từ lâu rồi, một thời tôi xem tiếng động là những gì quấy rối mình, và rồi bây giờ xem âm thanh đó, xem mọi thứ hiện tới đều là một phần thân thể mình. Có lẽ, đó là lý do tôi không bực dọc với

những tiếng động lạ đó nữa -- kể cả, đôi khi, vài người say lướt khướt đi trên phố la om xòm, giọng nhừa nhựa.

Năm ngoái, tức là năm 2013. Liên tục nhiều đêm, hễ ngồi thiền một chặp, tôi lại thấy trước mắt hình ảnh một nhóm thiếu niên đi trong nắng về hướng Chùa Ông Bồn, nghĩa là những hình ảnh nhiều thập niên trước tái hiện trước mắt tôi. Tôi nghĩ, thế là bệnh rồi. Lúc đó, tôi mở mắt ra, nhìn thẳng vào vách tường. Chặp sau, bức tường trong phòng tối có lúc như bật sáng. Tôi nghĩ, đây là màu nắng quê nhà. Nắng hiện rục rịch trong tâm tôi. Những lúc đó, tôi bật đèn sáng, lấy sách ra đọc, có khi lấy giấy mực ra vẽ. Lúc đó, niệm gì cũng biết là hồng, niệm thân thọ tâm pháp... niệm gì cũng thấy màu nắng hiện ra trước mắt. Đức Phật đã dạy rồi, khi thấy màu nắng, chỉ là màu nắng thôi. Khi nghe tiếng xe chạy, hay khi nghe bất kỳ tiếng ai dưới phố say rượu om xòm... thì chỉ là tiếng xe chạy thôi, và chỉ là tiếng say rượu om xòm thôi. Thế nhưng, bây giờ tôi biết mình bị vương. Tôi lấy tạ ra, tập thể dục nặng... tới khi mệt thì nằm ngủ.

*

Mấy hôm sau, tôi tới xem Lễ Hội Vu Lan ở chùa Nhật Bản. Chùa này ở trên đường Dale, thành phố Anaheim. Lễ Hội Vu Lan là nói theo tiếng Việt, chùa Nhật gọi là Obon. Chùa này năm nào cũng làm Lễ Vu Lan thật lớn, có đủ thứ triển lãm cắm hoa, triển lãm cây bonsai, triển lãm kiếm cổ, văn nghệ, vân vân. Năm nào tôi cũng tới chùa này xem lễ hội, và xem kinh sách trưng bày, thường bán với giá rất rẻ.

Một phụ nữ trong trang phục kimono bước ra từ chiếc bàn trưng bày hoa, đưa tay chào trước mắt tôi. Tôi không thể nhớ được rằng đó là ai, chỉ nói một chữ “Hi” để chào.

Tôi thấy ngay hình ảnh như từ thơ cổ Đường thi, một phụ nữ tuyệt sắc từ những chiếc bàn trưng bày cắm hoa bước ra chào bằng nụ cười tươi tắn. Và trong bộ trang phục kimono trắng, điểm hoa đào thêu trên vải.

“Chào anh Hải.”

Trời ạ, cô Nhật Bản này nói tiếng Việt, giọng y hệt dân Sài Gòn.

Trong khi tôi còn đứng khựng người, cô giải thích thêm. Rằng cô là hàng xóm của tôi. Không phải là cùng khu chung cư đâu, nhưng là ở trong ngõ hẻm

tôi thường gọi là chợ vải Soái Kinh Lâm vì gần đối diện nhà hàng này.

Tôi gật gù, chưa biết nói gì, nghĩ được rằng đây là một cô Tàu hàng xóm. Tôi đoán, với giọng nói này, hẳn là cô chào đời ở Sài Gòn, dĩ nhiên tiếng Việt phải giỏi.

Ồ, lâu quá hen, mấy chục năm rồi, làm sao cô nhớ mặt tôi được. Tôi nói một cách vụng về, hẳn là mặt tôi ghê ra, kiêu mà mấy tên bạn thời trung học đã từng giễu cợt rằng các nàng thơ của tôi chỉ là “một con nhỏ tưởng tượng” khi cả đám ngồi duyệt lại bài cho báo đặc san.

Không, không hề tưởng tượng đâu, Đứng trước mắt tôi, cô cười tươi như hoa, lại có mùi hương từ bộ áo kimono cô mặc như áo mới ngoài tiệm.

Tôi hỏi, vậy là cô thường đi tập văn nghệ ở Chùa Ông Bồn, chắc tôi nhớ mang máng như thế.

Cô nói, em đọc bài anh viết hàng ngày, đọc anh đủ thứ bài chính trị, văn nghệ, Phật học...

Tôi ngạc nhiên, tự nghĩ, sao lại có ai mê đọc mình như thế.

Tôi đáp, như thế cũng là cái nghiệp.

Cô hỏi, sao là nghiệp hả anh.

Tôi đáp, không nên như thế, vì mê văn, đọc văn, quyển luyện văn là sẽ ở mãi cõi này; chỉ nên đọc cái gì làm mình không dính vào chữ nào nữa.

Cô nói, anh nói khó hiểu quá.

Tôi hỏi, cô tên gì, sao lại làm việc ở Lễ Hội Obon của Nhật Bản, sao không kiếm Chùa Ông Bổn sinh hoạt như thời nhỏ.

Cô nói, anh biết rồi, thời đó, người Hoa chạy tan tác, mà người Việt mấy anh cũng chạy nữa. Em đi ghe vượt biên, gió thổi sang Nhật, lấy chồng Nhật, bây giờ sang Mỹ, mà... hai vợ chồng em trạc trạc rồi.

Tôi ái ngại, không biết nói gì. Nhìn quanh, chỉ ngại chồng cô ta thấy, rồi ngộ nhận.

Người xưa nói, tình cũ không rủ cũng tới. Tôi nghĩ thầm, tôi đã nhận ra cô này rồi, cô là một phần tuổi thơ của tôi, cô là màu nắng, là vạt áo gái Tàu trên đường Đồng Khánh năm xưa. Cô không hề là “tình cũ,” nhưng tôi vẫn sợ.

Đúng vậy, tôi sợ. Cô là màu nắng hiện ra trên vách tường, khi tôi ngồi thiền mấy hôm trước.

Tôi hỏi, cô tên gì.

Cô nói, em tên Michelle Chen.

Tôi nói, vậy là trùng tên với một ca sĩ Đài Loan.

Cô nói, vâng, trùng tên, mà em cũng thích nghe cô ta hát.

Tôi nói, tôi không hiểu nhạc Đài Loan, chỉ ngồi dịch tin tức mới biết cô đó... thôi tạm biệt nhen, cô Michelle Chen. Rồi tôi bước đi.

Cô nhìn tôi, cười (trời ạ, tươi như hoa đá) và vẫy tay chào từ biệt.

*

Hôm sau, cô tới gặp tôi ở tòa soạn. Cô nói, cô muốn xin mấy cuốn sách về Thiên tôi dịch mấy năm trước. Tôi mời cô ngồi, trong khi lục tìm sách để ký tặng. Hôm nay, cô mặc trang phục áo đầm chấm đầu gối, màu xanh trang nhã.

Tôi nói, sách này viết để cúng Phật, nên chủ yếu để tặng, đừng bận tâm gì, hễ anh còn là sẽ tặng tự nhiên.

Tôi bất ngờ nhận ra, ngôn ngữ của mình đôi khác, xưng anh và gọi cô là em. Thực sự, tôi vẫn ngại, không dám nhìn thẳng vào mắt cô ta, vì nhan sắc này hy hữu quá.

Tôi tự nhiên vẫn sợ, không dám hỏi thêm về gia cảnh của cô. Có vẻ như, tôi sợ câu trả lời có thể làm hỏng câu chuyện.

Cô nói, em đọc anh trên mạng rồi, nhưng muốn có cuốn sách có chữ ký, để cầm đọc.

Tôi nói, hể lúc nào xuống phố Bolsa chơi, cứ tự nhiên vào thăm anh. Tôi ngớ người, không hiểu tại sao mình lại nói như thế. Có cái gì rất là ngu ngốc của tôi đã hiển lộ.

Cô đưa mắt nhìn ra cửa phòng, như sợ có ai nghe, rồi nói, đó là anh nói đó nhen, em đang muốn ngồi đây, ngồi trong văn phòng này, trong tòa soạn này, cả đời em.

Tôi giựt mình, im lặng. Dù cô nói chơi hay nói thiệt, tôi cũng chết thê thảm. Tôi nhìn thấy nụ cười của cô, và đúng là như thơ cổ viết, đó là nụ cười đẹp như hoa nở. Trời ạ, chữ nghĩa của tôi cải lương như thế đấy, nhưng đúng sự thật là thế đấy.

Thiệt sự, tôi chỉ sợ, cô ngồi luôn trong văn phòng này... Em mà ngồi bên bàn làm việc của tôi thế này, sẽ tới một lúc tôi vỡ tim mà chết. Hoặc là, tôi sẽ đứng lên và ngã vào cô.

May quá, một chập sau, cô đứng dậy, nói thôi em về, để anh làm việc. Tôi mừng kể gì.

*

Thứ Bảy kể đó, cô tới căn chung cư của tôi. Tôi đoán, hẳn là cô hỏi dò địa chỉ từ những người bạn tôi ưa ngồi ở quán Song Long. Hôm nay, cô mặc quần jeans, áo lạnh mấy lớp.

Cô nói, em muốn trọn ngày Thứ Bảy ở đây với anh, nấu cơm cho anh, đọc thơ, ngồi nghe anh nói chuyện, hay bất cứ thứ gì.

Tôi gặp cô, lòng tôi vui biết mấy. Nhưng tự nhiên vẫn lo sợ. Mình sống độc thân trọn đời rồi, xử thế cũng vụng về, chỉ có niềm vui là chữ nghĩa và Phật pháp. Không hề biết xử thế với phụ nữ ra sao. Huống gì, cô này có chồng, tình trạng không rõ ràng vì chữ cô ta nói “trục trặc” có thể không có nghĩa gì cả.

Tôi nghĩ, tôi không dám nói chuyện nhiều với cô, vì sợ lòng tôi sẽ buồn biết mấy khi cô đứng lên ra về.

Thêm nữa, trời ả, rủi cô đòi ở đây với tôi, đòi ngủ lại đêm nay thì sao. Tôi nghĩ, chỉ có nói lời chánh pháp mới cứu được cô này, cứu được cả tôi nữa.

Chuyện này mà kể ra, sẽ có đứa bạn nói mày là nhà văn mà sao ngu thế, phải hiểu phụ nữ chứ, không lẽ

họ nói thẳng ra. Rồi cũng sẽ có tên nói, cô này là đặc công bông hồng đỏ của Bắc Kinh, chắc là có âm mưu chiếm Biển Đông bằng cách chinh phục Bolsa.

Tôi để rộng cửa, để không ai ở ngoài suy nghĩ gì bất minh.

Cô nói rằng cô bệnh nặng lắm, bị ung thư... Thường mệt, gặp anh là giả bộ tỉnh thôi, chứ mệt lắm.

Tôi nói, bác sĩ nói làm sao.

Cô nói, kệ bác sĩ, em tới đây, chỉ muốn nghe anh nói chuyện, chuyện gì cũng được. Em vẫn nhớ hồi mấy chục năm trước, anh đứng ở lầu 2 ngõ xuống, trong khi bọn em đi ngang, em con nít mười hai, mười ba tuổi đâu biết gì, nhưng không hiểu sao vẫn nhớ hình ảnh anh đứng. Nhà em bây giờ ở khu Little Tokyo trên Los Angeles, ngày mai em sẽ về, và nhập viện trên đó. Nhỏ em của em sẽ tới chở em sáng mai lên đó.

Tôi hỏi, vậy rồi đêm nay em ở đâu.

Cô nói, em ở trong phòng của anh chớ ở đâu, vì em muốn nghe anh nói – vì người viết về chánh pháp, tất sẽ nói được lời của Đức Phật.

Cô cười tinh quái, như kiểu bắt bí tôi.

Tôi nhìn ra cửa, bắn khoả rằng có thể vài người hàng xóm đi ngang qua, liếc vào hẳn là ngạc nhiên.

*

Chiều tối, rồi đêm tối... Tôi đóng cửa cho khỏi gió, nhưng để cửa sổ mở, kéo màn xuống để người bên ngoài có thể nhìn qua khung kính.

Tôi bật mấy ngọn đèn sáng, để không ai suy nghĩ gì bất thiện. Tôi bảo cô lên giường nằm, và đắp hai lớp mền cho cô.

Tôi ngồi dưới sàn nhà, dựa lưng vào bờ giường, lấy cuốn Kinh Pháp Cú, đọc thật chậm từng chữ, để cô nghe không sót chữ nào. Tỉnh thoảng, tôi ngừng một chút, rồi giảng vài chữ khó.

Khi lật từng trang kinh, tôi nghĩ, ngày mai, ngày mốt, ngày kia... có tên nhà báo nào dám nói tầm bậy về một phụ nữ tuyệt sắc đã tới đây, đã chui lên giường mình nằm ngủ qua đêm, mình sẽ vặn cổ tên nào dám suy nghĩ tầm bậy.

Nghe được mấy trang Kinh Pháp Cú, cô nói, em muốn nắm tay anh, và tự cô chìa tay qua lớp mền, nắm một bàn tay của tôi.

Tôi vẫn ngồi dưới sàn, liếc thấy mắt cô như buồn ngủ, trong khi bàn tay cô nắm tay tôi, dịu dàng nồng

ám... Tôi siết nhẹ tay cô, rồi đọc tiếp, thật chậm, những trang kinh.

Trong khi lần giở từng trang, tôi thấy rục rờ màu nắng trên từng trang Kinh Pháp Cú, và rời tay cô buông tay tôi, cô có vẻ như ngủ gục rồi. Lúc đó là 1 giờ sáng Chủ Nhật.

Tôi vẫn đọc tiếp, thỉnh thoảng nhìn ra cửa sổ, xem có người hàng xóm nào tò mò nào nhìn vào không. Tôi vẫn đọc, chậm rãi, rõ ràng từng chữ. Tôi tin rằng, trong giấc ngủ, cô vẫn nghe được Kinh này.

Tôi cố gắng đọc từng dòng chữ, với màu nắng chói sáng rục rờ từ lời của Đức Phật để lại, cho tới khi tôi ngủ gục trên sàn thảm.

Đêm phủ khắp nơi, trên người cô, đang nằm trên giường, và trên cả người tôi, kiệt sức vì đọc kinh và đang nằm gục trên sàn. Đèn nơi cửa sổ vẫn bật sáng.

Và lòng tôi rục rịch sáng, một màu nắng chưa bao giờ tắt. ■

THIỆN DUYÊN TRONG ĐỜI

Không niệm bất thiện nào dám nghĩ tới, không lời bất thiện nào dám thốt ra, không việc bất thiện nào dám hành xử, và luôn luôn gắng tìm các thiện duyên để cứu mình và lợi người. Bất kể mọi bất toàn của mình, tôi vẫn tự nhắc nhở phải sống cẩn trọng như thế, bởi vì tôi tin sâu vào nhân quả, và đã quá sợ hình ảnh luân hồi bất tuyệt trong vô minh. Nơi đây tôi muốn kể lại chuyện một đứa em gái tôi bị câm và khù khờ, mà dì Trang của tôi tin đó là kiếp sau của người chị có tên là dì Dậu. Đây là chuyện thật, là một phần những chuyện đã làm cho tôi thâm tín nhân quả, và khi đọc kinh sách đã lập tức tin ngay vào luật cận tử nghiệp. Đó cũng là lý do sau này tôi tin vào Tịnh Độ khi pháp môn này yêu cầu người tu phải Niệm Phật liên tục và chuẩn bị cho giây phút cận tử.

Dì Dậu chết năm 18 tuổi, lúc đó là năm 1949, khi mới lấy chồng có vài tháng. Tôi chưa từng biết mặt dì Dậu, vì tôi sinh năm 1952, và được nghe kể về dì là qua dì Trang và dì Điềm. Má tôi là chị cả, nên phải gánh vác nuôi cả 3 em gái là 3 người dì của tôi, khi bà ngoại tôi từ trần.

Dì Trang có cho tôi xem một tấm ảnh đen trắng, trong đó bà ngoại ngồi và chung quanh là má tôi và các dì tôi. Trông ai cũng đẹp. Không phải tôi thiên vị, nhưng thật sự trong mắt tôi là thế. Khi xem ảnh, tôi vẫn băn khoăn hỏi thăm rằng bây giờ những người đã từ trần trong ảnh đang ở đâu và có tìm được thiện duyên nào để tu học hay chưa...

Dì Trang kể rằng chồng dì Dậu có tên là ông Dền. Dì Dậu thực ra là thương một người tên Quang, nhưng người này đã biến mất và được nói là đi theo kháng chiến sau khi để lại cho dì Dậu 3 tập thơ nắn nót chữ viết tay, trong đó hầu hết là thơ của những người nổi tiếng thời tiền chiến như Tố Hữu, Thế Lữ, Huy Cận...

Dì Trang kể rằng dì Dậu chết vì bệnh cảm thương hàn kéo dài suốt cả tháng sau khi thăm mộ mẹ, tức mộ bà ngoại tôi. Má tôi lúc đó khoảng 26 hay 27 tuổi, và ba tôi làm ở ga xe lửa Biên Hòa. Dì Trang tôi lúc đó mới 14 tuổi, và dì Điềm đương nhiên là nhỏ hơn vì là út. Cả nhà đang ở trong Cư xá Hỏa Xa

Biên Hòa. Dì Trang kể lúc đó ông trưởng ga Biên Hòa là ông Huỳnh.

Bà ngoại tôi giỏi nghề nuôi tằm dệt tơ, và dạy được nghề này cho má tôi. Má tôi lại là người khéo tay, nên thường dệt lụa may áo dài cho các em để mặc trong các dịp cần làm đẹp. Sau này vào Sài Gòn, nhà ở gần xóm Chuông Bò trên đường sau này gọi là đường Nguyễn Thông nối dài, má tôi tự biên nhà thành lớp để trở thành cô giáo dạy cho tôi và mấy đứa nhỏ trong xóm các lớp thấp bậc tiểu học, vì trường thì xa mấy cây số, phải đi bộ qua mấy chặng tre hay ao rau muống bên đường. Tới khi tôi vào tiểu học thì má mới dẹp bỏ lớp tự biên tự diễn này. Tôi đã nhớ lúc đó là má tôi viết chữ nét rất đẹp, và vẽ cũng đẹp. Khi tôi vào trung học có nghe má tôi kể là má học vẽ từ một thầy vẽ truyền thần trên phố khi cả nhà còn ở Nha Trang và được học cách làm các khuôn ca-rô để vẽ từ tấm ảnh nhỏ thành tấm tranh lớn.

Dì Trang kể rằng dì Dậu khi bị cảm thương hàn thì người chăm sóc trực tiếp là má tôi. Chuyện gì má tôi cũng một tay lo hết, vì hai dì Trang và Diễm còn bận đi học hàng ngày. Có lần dì Dậu đòi uống nước xá xí, thì được các em mua xá xí về cho uống. Sau này lại hối hận vì nghe nói uống xá xí sẽ làm cảm thương hàn nặng hơn. Dì Trang kể lại là dì Trang

còn nhớ chính xác dì Dậu kết hôn ngày 20-4-1949, và chết ngày 20-7-1949.

Lúc đó là năm 1949, tới lúc phải lên xe ra bệnh viện Biên Hòa để khám nghiệm tiếp, trước lúc đi, theo dì Trang kể lại cho tôi, dì Dậu như linh cảm trước sắp chết nên đòi lấy bộ áo lụa do má tôi dệt ra mặc. Khi ra cửa, dì Dậu nói với má tôi trước mặt các dì tôi, “Dù sống hay chết, em cũng sẽ trả ơn chị suốt đời”. Khi nói xong, bước vào xe vừa ngồi xuống, dì Dậu chết ngay lúc đó. Không ngờ, câu nói vào lúc cận tử đã dẫn dì Dậu tới một kiếp mới, để vài năm sau đầu thai làm con của má tôi, tức là làm một đứa em gái của tôi, theo lời dì Trang kể.

Đứa em gái đó của tôi có tên là Danh, ở nhà gọi là Chút. Tôi là Hải, tới các em theo thứ tự là Nhân, Danh, Vân, Hòa đều là gái, rồi tới trai út là Hưng.

Dì Trang giải thích rằng má tôi sanh Chút (tức Danh) ra năm 1955, tức năm Mùi, càng lớn khuôn mặt càng giống y hệt dì Dậu. Chút bị câm, trong vốn sử dụng chỉ có vài chục từ ngữ, mà phát âm cũng không chính xác nữa. Hiền lành, nhưng tính ngang, chỉ nghe lời duy có má tôi, không chịu nghe lời ai hết.

Dì Trang kể là chỉ nhìn hình dáng đi đứng nằm ngồi của Chút là thấy ngay dì Dậu. Dì Trang kể là dì tự

nhủ, “Bà Đậu đầu thai rồi đó, cũng may là bệnh kinh phong nhẹ thôi, không quấy rầy ai”

Khi má tôi bệnh, nằm nhiều ngày, một tay Chút chăm sóc hết mọi chuyện, kể cả chuyện thay áo quần hay tắm rửa cho má tôi. Tuy Chút chỉ nói được ú ớ và vài chữ đơn giản, nhưng mà làm hết mọi chuyện. Má tôi bắt đầu bệnh năm 1968, năm đó đi Diêm vừa theo chồng sang Hoa Kỳ rồi, còn đi Trang trở thành quả phụ một tay nuôi 7 đứa con. Má tôi lúc đầu chỉ xuất huyết, khi nhập viện xét nghiệm được biết là ung thư tử cung. Bệnh dai dẳng, làm rất đau đớn, tới năm 1977 thì má tôi chết.

Chuyện nhỏ Chút chỉ nghe lời má tôi thì là thấy rõ. Lúc đó cả nhà ở Sài Gòn rồi, ba thì đi xe lửa có khi nhiều ngày, dễ dàng thấy là ảnh hưởng của má phải là rất lớn. Thí dụ, má tôi nói sáng ngủ dậy phải rửa ly chén đi, thì nhỏ Chút mới sáng dậy lập tức xuống bếp rửa liền. Chỗ này cũng nên giải thích thêm, vì tôi với Nhàn sáng dậy phải đi học, nên Chút ở nhà phải lo chuyện linh tinh trong nhà.

Tính của Chút cũng ưa gây gổ, có lẽ tủi thân vì tự biết bị câm và lâu lâu giựt kinh phong. Ngay cả tôi là anh cả cũng bị gây là thương. Nhưng Chút luôn luôn im lặng trước mặt má tôi, nhẫn nhịn đủ thứ. Dì Trang cứ nói, dì Đậu đó. Bây giờ là năm 2007, cả dì Trang, tôi, Nhàn và Vân đều ở Quận Cam (Hoa Kỳ)

nhiều năm rồi, dì Trang vẫn cứ kể về dì Dậu tái sinh làm em tôi như thế. Còn dì Điềm hiện ở xa ngàn dặm, tận tiểu bang Virginia.

Đó cũng là một nhân duyên làm dì Trang tin sâu vào pháp môn Niệm Phật để sửa soạn cho giây phút cận tử. Ngay từ khi còn ở Việt Nam, dì Trang đã làm mọi thiện duyên, hỗ trợ nhiều Phật sự, giúp đỡ chùa và quý tăng ni, mà bây giờ nhiều chùa đã trở thành các trại nuôi trẻ mồ côi. Tôi lúc này thường viết và dịch kinh sách với bút hiệu là Cư Sĩ Nguyên Giác, lúc nào cũng sống trong niềm thâm tín nhân quả và tâm nguyện Bồ Tát.

Viết những dòng chữ này vào các ngày cuối năm 2007, tôi xin gửi lời cầu nguyện cho mọi người đều tin sâu vào nhân quả, đều biết sợ điều dữ và biết ưa làm điều lành, đều tìm các thiện duyên trong đời để cứu mình, lợi người, và sẽ không bao giờ lìa xa tâm nguyện Bồ Tát. ■

NHỮNG DÒNG SÔNG CUỘC ĐỜI

Trời chiều, đèn đường vừa lên, anh ngẩng nhìn qua khung kính. Những dòng người xuôi ngược về trạm xe điện. Ly cà phê khen khét còn vương ở cổ. Cuốn sách dày cộm, nhìn muốn nản. Anh gấp lại, những dòng chữ không muốn đọc của ngày nín lại. Bước xuống phố, gió phát lạnh giữa mặt. Ngày đã đi và đêm tới. Thế giới còn bao ngàn năm nữa, anh tự hỏi vừa bước vừa nhìn mũi chân, mà quá nhiều việc để làm, quá nhiều chuyện để vật vã.

Những ngày này tuyết chưa đến, nhưng da săng buốt lạnh. Gió thủ đô bao giờ cũng như đến sớm trước mùa. Còn phải ghé vào tiệm sách đường M để nhìn một tí. Không để làm gì, nhưng chỉ nhìn thôi. Mỗi đêm, cũng cần nhìn một tí gì mới ngủ được. Chữ. Phải là chữ. Để nhìn như nhìn thế giới.

Cũng mười phút mới tới đường M. Văng tiếng nhạc inh ỏi từ các quán rượu. Anh tự nhắc phải nhớ xuống trạm xe điện trước mười một giờ. Nếu trễ lại đợi xe buýt thì mệt hơn. Một phụ nữ tóc vàng đung vào vai anh. Hai người cùng mở lời xin lỗi. Khuôn mặt cô ta gầy, thanh tú, như quen thuộc. Mắt xanh chớp tia đèn từ các khung kính tiệm bên đường. Anh tự hỏi cô ta có thấy mắt anh đen.

Tiệm sách đông chật người. Anh nhìn vào lưỡng lự. Những dãy sách và người chen nhau. Anh nghĩ đến tiệm sách bên kia đường Wisconsin, phía trên lầu là một phòng triển lãm tranh nho nhỏ. Nghệch ngoạc tranh, lảng quăng chữ, anh đã quen với những tấm treo như quanh năm chưa bán được. Anh đưa chân bước, nhưng tự động đi ngược về rạp xi nê đường M, nơi anh chỉ mới biết khi ở đây chiếu phim về cuộc đời Krishnamurti.

Đêm nay là một phim về bạo lực, có tí khóa thân. Anh mua vé bước vào. Trên màn ảnh là những dòng chữ đầu phim. Một cặp tình nhân ngồi trước anh. Họ chúi đầu vào nhau. Anh đứng dậy qua hàng ghế bên kia. Tiếng nhạc âm thanh Dolby âm âm vào phim. Mắt anh nhú lại, ngủ như quên.

Thành phố Manassas, nơi tôi từng ở, còn một nơi được gìn giữ làm khu lịch sử. Đây là một trận chiến

lớn hồi nội chiến Hoa Kỳ. Người ta nói còn những khẩu đại bác từ thế kỷ trước để lại. Tôi chưa bao giờ vào khu này, có lẽ vì sợ. Một bà da đen trên đường Byrd kể lại trong lần tôi gặp bà ở tiệm giặt, về những đoàn quân ma trên cánh đồng lịch sử này. Cũng có mấy ông mục sư, linh mục, da trắng, da đen, từng bày trò cầu nguyện ở đó dăm buổi sáng chủ nhật. Nhưng đều vô ích, bà không giải thích tại sao. Lúc đó, tôi muốn hỏi nhưng không dám, đoàn quân ma kia có mang màu da như khi họ còn trên đời không.

Bà đi tôi thì không tin nhưng vẫn sợ nếu khi nào phải lái xe qua bãi chiến trường cũ đó. Tôi bảo, đi yên tâm, ma cũng biết sợ xe hơi, cứ bám còi cũng đủ. Thằng em con bà đi thì chẳng bận tâm gì. Nó chỉ lo theo đuổi con Heather cũng hết cả ngày.

Những đêm ngồi học, có khi giặt mình nghe táo rơi trong vườn, tôi lại nhìn bóng đêm qua khung kính. Cỏ lá sau vườn phân phật dưới gió. Tôi thường để hé cửa sổ cho thoáng khí trời. Và nghĩ tới đoán quân ma không mệt mỏi hơn một thế kỷ của thị trấn. Người phụ nữ da đen lần đó giải thích, ở thế giới bên kia họ vẫn còn đánh nhau. Tôi đã hỏi vì sao. Bà giải thích, phải chờ tới ngày phán xét cuối cùng. Tự nhiên tim tôi nhói lên. Từ hôm đó, mỗi lần nghe táo rơi, tôi đọc ba biến chú Vãng Sanh và nguyện cho

thế giới các cõi bình an. Những giây phút đó, tôi không hiểu mình phải làm gì khác.

Và một hôm, tôi nghĩ phải bỏ mảnh đất này. Cô nàng đã hỏi vì sao tôi đi. Tôi đã đáp rất ngay thật, vì táo rôi nhiều quá. Cô nàng ngẩng mặt nhìn tôi ngạc nhiên, nhưng không hỏi thêm. Tôi quay đi, lúc đó chiều rồi.

Có lẽ đây là tiệm sách duy nhất mở cửa hai mươi bốn giờ một ngày của thế giới, hấn nói trong khi nắm tay cậu bé, con của N, len lỏi vào. N theo hấn sát bên, Có gì khác lạ không. Không, hấn nói, không gì lạ cả, chỉ trừ giờ mở cửa và trên lầu là một quán cà phê nhỏ. Có sách tiếng Pháp không, N hỏi. Không, hình như có tiếng Spanish thôi. Tiếng Anh thì dĩ nhiên.

Cà phê thì hơi đắt, cũng khoảng ba đồng một ly, rượu, bánh nữa. Lúc đó Octavio Paz vừa lãnh giải Nobel. Hấn hỏi, N có muốn đọc thơ tay này không, trong khi kéo tập thơ ra kệ. Thôi, thơ gì nữa, lo gần chết, không còn thì giờ gì cả. Ủ, phải để rảnh rang, hấn nói lơ đãng.

Bấy giờ là mười hai giờ khuya, trên phố Connecticut không còn bao nhiêu xe. Hấn hỏi cậu bé thích quyển nào cứ chọn. Hấn chỉ ước mơ phải chi còn bé... Một

lần hấn cũng nói như vậy. N đáp, trong khi ngẩng mặt nhìn hấn, nhưng anh chưa bao giờ lớn được cả kia mà. Chuyện chỉ làm sao sống mà không thấy cả trái tim mình bên kia bờ Thái Bình Dương. Hạnh phúc là những người không có quá khứ. N nói, và cả những người biết quên. Hấn cảm động, suýt ôm N. Khi nhớ lại, hấn tiếc phải chỉ lúc đó mình hôn N.

Hấn chọn vài quyển cho N và cậu bé. Thôi về, hấn nói, trời lạnh lắm rồi. Hấn không biết phải làm gì tiếp, ngoài chuyện phải về nhà.

Anh thức dậy lúc bốn giờ sáng. Ngoài khung cửa tuyết rơi lất phất, từng nắm. Màn tuyết phủ cây lá sau vườn, mái nhà bên kia đường trắng xóa. Anh vẫn nằm trong giường, cảm được buổi sớm ngấm vào da thịt, vẫn ấm áp trong chăn nhưng không khí ảm đạm, lắng đọng như những hàng hạt nước đọng rèm hiên.

Anh nhớ khi còn ở Việt Nam, vị thầy đã khuyên là nên dậy sớm. Dậy sớm làm bất cứ gì cũng được, đi bộ lãng quăng, ngồi đọc sách, hít thở khí trời, hay chỉ để dậy sớm thôi. Lúc đó hai thầy trò đang ngồi uống trà khi trời chưa sáng. Anh hỏi tại sao. Thầy bảo, chỉ dậy sớm thôi, không cần phải làm gì cả. Anh vẫn luôn luôn ngờ vực những gì dễ dãi, nhưng dậy sớm lại có vẻ không dễ tí nào.

Nhưng anh đã sống và quên hẳn thói quen phân biệt ngày với đêm. Chỉ có mỗi quan tâm là giờ nào việc đó. Anh sợ nghĩ tới thời gian, nhìn đồng hồ, thức ngủ theo kim giờ, chồm dậy, nằm xuống, đứng lên, rửa mặt qua loa và phóng lên xe điện đi như ma đuổi. Ngồi lắc lư trên tàu điện, đọc qua loa vài trang sách. Vào sở cảm cổ làm như điên, không còn gì nghĩ ngợi. Và đêm về, lang thang một tí, ghé vài nơi, vài tiệm, và về. Quanh đây toàn Mỹ. Anh sợ người Việt mình. Có cái gì không ổn trong máu dân mình. Một thời anh sống giữa người Việt, và thấy mình không giống một ai. Ai cũng nhìn nhau dò xét kèn cựa. Cứ phải chi như Mỹ, chẳng nhìn nhau làm gì. Anh vẫn hỏi thế nào là tử tế. Có lẽ, vâng có lẽ, tử tế là thức dậy sớm nhìn ra đời và thấy yêu thương cuộc đời hơn.

Anh thấy mọi chuyện trong trần gian không dính gì tới anh. Con người thật tội nghiệp, cả khi đang cười hay khóc. Và anh, thấy mình xa lạ với mọi khái niệm về đất nước, dân tộc, hay đủ thứ gì khi nhỏ tập nhiễm. Chỉ có con người, và máu ở đâu cũng đỏ, và nước mắt nào cũng mặn.

Hắn đứng dậy. Tiệm Grand Garden không còn bao nhiêu người. Nàng giành trả tiền. Chi vậy, hắn hỏi. Ủ thì trả cho anh, nàng cười. Hắn nói, trong khi nhìn

thẳng vào mắt nàng, phải chi tụi mình ngồi đây tới sáng. Mái tóc ngắn, trông nàng lạ hẳn. Thường khi hẳn nhìn, nàng không bao giờ nhìn thẳng lại vào mắt hẳn. Hoặc làm gì đó, xoay xoay chìa khóa, hay giả vờ nhìn xuống dòng sông. Giả vờ, ừ, nàng cũng ưa giả vờ lắm.

Hay bây giờ tụi mình ra bờ sông ngồi chơi, hẳn nói. Lạnh chết, nàng so vai lại. Không ngồi đây tới sáng, không ra sông nhìn trời, thì làm gì, hẳn cười và hỏi, và chợt nghĩ tới cái giường nhưng gạt ngay ý nghĩ đó. Trước giờ hẳn cũng ngay cả chưa dám ôm nàng. Như có những sức mạnh vô hình ngăn cản.

Con đường đưa nàng về phải chi dài vô tận, hẳn nghĩ ngợi. Trời đêm, lạnh, gió lộng trên cao. Máy sưởi trong xe vẫn quạt hơi ấm phần phật. Hẳn hứa luôn nghĩ tới nàng. Nàng không đáp. Hẳn đã chân thật trong mọi lời với nàng, tận tâm tận tâm, không chút gì khác ngoài sự thật.

Nàng bước xuống xe, đưa tay vẫy chào, chúc ngủ ngon. Hẳn bấm nhẹ còi chào và đạp ga. Tự nhiên khóe mắt như cay cay.

Bấy giờ đã thật khuya.■

NGƯỜI BẠN BÊN KIA BỜ ĐẠI DƯƠNG

Tôi cầm thư Hòa, và thật chậm, rọc mép thư, đọc từng dòng chữ một. Nhiều năm rồi, tôi mới được thư anh. Hàng tem in ở góc với con số hơn tám ngàn đồng Việt Nam, tôi biết đây là một hy sinh lớn; anh không nhiều tiền. Anh thuộc loại người xông xáo làm đủ mọi chuyện để kiếm sống và nuôi gia đình, nhưng định mệnh thường phá vỡ mọi mưu tính của anh và cứ buộc anh ngồi nhà đọc sách.

“Trời đã định sẵn Hòa phải làm người trí thức thì phải thua thôi. Cứ bình tĩnh ngồi nhà đọc sách đi, may ra, tới một ngày học được phép chỉ sách hóa tiền thì được.” Tôi thường nói vậy sau mỗi lần anh dẹp một việc làm nào đó.

“Vợ mình may đâu đủ sống. Rồi làm sao... Phải chi độc thân như Hưng.”

Tôi biết anh không có khả năng sống được trong bất kỳ thế giới nào, vì anh quá ngây thơ, và vì không một xã hội nào, nhất là xã hội cộng sản, cần tới lòng trẻ dại đó.

*

Bì thư xanh xanh đỏ đỏ, giấy xơ cứng, loại này hình như chỉ còn một nơi duy nhất trên thế giới sản xuất. Giấy thư kiểu học trò, vàng màu tái sinh nhiều lần. Anh viết hỏi thăm tôi đủ chuyện. Tôi đoán cũng là hỏi cho có thôi, vì Hòa có thể biết qua các em tôi còn ở Sài Gòn. Thư chẳng văn chương gì hết, anh và tôi không thích viết kiểu văn chương. Cách nhiều năm rồi, một lần tôi gửi anh năm mươi đô la. Anh viết vài dòng cảm ơn, chỉ vài dòng thôi, và cuối thư dặn dò lúc nào có tiền cứ gửi thêm. Từ đó tới giờ, tôi lờ đi. Bởi vì tôi không mấy khi nhiều tiền, và khi có thì lại không biết giữ, kiểu này anh đã biết quá rõ.

Lần anh bỏ chỗ chợ Gò Vấp, dọn đồ nghề làm và sửa giày dép về chợ Tân Phú, tôi đã bắn khoản tự hỏi, không biết chỗ sau nữa của anh sẽ ở đâu. Dù vậy, tôi cũng ngồi hết một ngày để tiễn đưa, kiểu chúng tôi nói, khu chợ Gò Vấp, nơi anh gần một năm bày thùng đồ nghề sửa giày. Chỉ ngồi thôi, Hòa

nói, ngồi nhìn cuộc đời chung quanh, trước mắt mình, chờ giao hết giày người ta đặt sửa, hôm nay lấy, rồi mai về nơi khác làm ăn, cũng vui rồi. Kiểu anh nói có khi hơi lấp, tôi ghi nhận, đi kèm với gọng kính dày trên mắt thế kia thì làm ăn cái gì. Ủ, thì cũng vui, tôi âm ừ và kiếm chuyện tào lao để nói.

Chuyện tào lao của chúng tôi thì thật nhiều. Nói về nhóm nghiên cứu của chúng tôi năm xưa, về những ngày còn đi học, về sách vở, về những người bạn còn ngồi tù, về Thiên, về Công giáo thần bí, và đủ thứ chuyện. Tôi đoán là thư anh không nói về những chuyện đó. Không ai gửi thư qua Mỹ chỉ để nhắc lại những kỷ niệm, có lẽ chỉ trừ những tình nhân.

*

Dòng tái bút, anh cho biết cần tôi gửi các sách tiếng Anh hoặc Pháp về các khuynh hướng Công giáo thần bí để anh nghiên cứu viết lách — tôi còn nhớ, trước kia khi còn ở trường, anh làm luận án Cao học dưới sự bảo trợ của linh mục Nguyễn Khắc Dương.

Vậy là nghề làm giày của anh đi đời rồi. Không biết sau chỗ ngồi ở chợ Tân Phú có phải dời tới chỗ nào khác không. Tay anh vụng về thế kia thì khách nào chịu cho nổi. Còn lũ bạn có thương thì thỉnh thoảng

mang vài đôi dép da tới nhờ anh vá hoặc dán lại thôi. Bây giờ lại nghiên cứu hay dịch thuật những thứ này thì làm sao sống được. Không rõ anh muốn vào nghề xuất bản, hay là viết cho Giáo Hội Công Giáo. Các nhà thờ có bao giờ chơi rộng rãi với anh không, tôi cũng thắc mắc về điểm này lắm, vì kinh nghiệm sống chết với Phật giáo của tôi chỉ dạy cách sống bằng thiền định chứ không bằng cơm áo. Vậy còn người vợ với năm đứa con, thu nhập với nghề may, biết có mở tiệm được chưa, không thấy anh nhắc trong thư.

Phải đưa thư này cho thằng Tường coi, tôi nghĩ vậy. Tường là bạn học cùng làm báo với Hòa và tôi từ ngày đi học. Dòng họ tên này làm lớn chức ở Vatican, có thể hẳn cũng nhận được một thư tương tự. Và nếu vậy thì tôi cũng nhẹ phần trách nhiệm. Trước giờ tôi cũng gửi nhiều sách Phật giáo vào nước, có lẽ Hòa biết và đó là lý do anh muốn tôi tìm sách Công giáo cho anh. Nhưng dính nhiều quá lại rắc rối, và không chắc gì những bản dịch của anh có thể phổ biến được.

*

Khi Hòa về ở Tân Phú, thỉnh thoảng tôi cũng ghé thăm. Ngôi nhà anh ở, nơi vợ anh đặt bàn máy may và một góc là nơi anh đặt bàn sửa giày, không đủ chỗ cho mấy đứa con đùa nghịch. Bất tiện nữa, lại

không gần chợ. Vậy thì làm sao làm ăn, tôi hỏi ngay lần đầu tới đây thăm. Hòa dẹp những đôi giày cũ sang bên, phủ tay cho đám bụi đen rơi khắp người và đứng dậy kéo tôi ra quán cà phê bên kia đường. Vợ Hòa chỉ ngẩng đầu lên, mỉm cười chào tôi rồi lại cúi người xuống bàn máy, chân đạp liên tục những đường chỉ. Hòa đưa tay sửa gọng kính cho ngay ngắn, nói giọng lấp bắp, thì cũng phải làm ăn chứ, không thì chết.

Quán cà phê bên kia đường thật vắng. Buổi trưa nắng gay gắt. Chúng tôi ngồi chỉ là cho có chỗ nói chuyện. Lúc đó anh hỏi tôi về tình hình Phật giáo và dòng Thiền của Thầy tôi. Tôi kể là anh tôi vừa bị trục xuất khỏi chùa và đang lang thang tìm một trú xứ mới ở miền Đông. Tôi lại nói về ông Bồ Đề Đạt Ma, Lâm Tế và Sư Ông của tôi — những điều anh cứ tò mò. Và anh lại kể về dòng Tiểu Huynh Tiểu Muội của Công giáo thiết lập ở sa mạc thế nào — cũng là những điều tôi thích nghe. Tôi nói, phải chi đất nước bình yên, tụi mình kiếm sách vở đọc đầy đủ về mấy chuyện này nhỉ. Lúc bấy giờ, sách vở ở Sài Gòn không có gì để đọc. Chúng tôi chia sẻ cho nhau những kiến thức bằng trí nhớ giới hạn của chúng tôi. Anh hỏi về cuốn sách bí mật ở ngôi chùa Thầy tôi. Tôi nói, đi làm ruộng cũng ngất ngư rồi, thứ nữa ông Thầy bảo tôi cần ngưng đọc sách nhiều năm. Vậy thì chán chết, anh cười. Tiếng cười cũng

lắp bắp như kiểu nói. Tôi bảo, sống thôi cũng đã rồi. Ủ, anh gặt gù, cũng đã rồi. Mà phải sống cho thật đã, đó mới là Thiên, tôi giải thích thêm...

*

Nhà Tường ở Westminster, ngay giữa khu trung tâm của người Việt. Tôi bước lên lầu hai, đập đập cánh cửa căn chung cư của hắn. Tường mở cửa cho tôi vào. Đưa con hắn chia khẩu súng nhựa vào tôi, miệng bắn pằng pằng. Tôi đưa tay lên trời ra dáng đầu hàng, bắn nhẹ thôi, không chú lăn ra chết giờ. Đưa nhỏ vẫn chưa nói sõi, cười cười hạ mũi súng xuống.

Tường hỏi tôi có gì lạ không. Tôi bảo chẳng có gì, chỉ trừ thư của Hòa mới gửi sang, Tường đọc đi. Hắn hỏi tôi ăn cơm không. Tôi đáp không. Ba năm nay, hắn thất nghiệp và ăn bám vợ, nhưng cứ thấy mặt tôi là hỏi ăn cơm không, như dường tôi đói kinh niên. Tôi ngồi nhìn nắng ngoài cửa sổ và nghĩ tới những trưa nắng quê nhà, và tới Hòa.

Tường cầm thư Hòa trầm ngâm, sao vậy được, hắn là Hòa nó làm việc cho một tờ báo quốc doanh nào đấy. Tôi im lặng hồi lâu. Tôi cũng đoán được câu hỏi như vậy. Tường không biết là lòng tôi vui biết bao nhiêu khi thấy Hòa xin những cuốn sách như vậy. Còn hơn là xin những cuốn sách về kinh tế thị trường với quản trị tài chính. Nhưng tôi đã có ý

tránh nghĩ tới việc Hòa đang làm cho một cơ quan nào đấy về xuất bản hoặc in ấn.

“Hòa xin sách đó. Tường kiếm được không? Mình không có tiền mua sách.”

Mặt Tường quạu lại, cái sọc trên mi mắt đỏ lên.

“Mình đoán được chỗ nó đang làm việc rồi.”

“Tường thư qua Pháp hỏi ông anh Tường coi gửi các loại sách Công giáo cho hẳn được không. Về Therèse de Lisieux, về dòng Tiểu Huynh Tiểu Muội, hay về Gabriel Marcel cũng được. Nói chung cái gì cũng được.”

“Nhưng thời buổi này thì viết làm gì?”

Tôi biết Tường bị tổn thương nhiều. Hẳn nghĩ là nhóm chúng tôi lúc nào cũng phải ngon lành, nghĩa là không bao giờ quy lụy nhà nước. Nhưng thư Hòa có nói gì đâu. Tôi cũng không thích ở nơi chốn bình an mà bàn về những nơi hung hiểm. Tôi cầm thư Hòa nhét vào túi, gấp vội vã.

Tường nói, không gửi gì hết, tuyệt nhiên không gửi gì hết. Tôi bảo, Tường không gửi thì rồi mình cũng sẽ gửi, nhưng sao lại quạu như vậy.

“Thằng Hiệp nó lang thang ngoài đường đâu cần làm gì đâu. Hiệp là chuyên gia về thần học Ky Tô,

bao nhiêu ông cha gọi làm việc mà nhất định không làm.”

Tôi không nói gì về chuyện đó nữa, hẳn có quyền nói về bất cứ điều gì. Tôi hỏi Tường về chuyện ông anh hẳn. Hẳn lại hỏi tôi về vận động của Phật giáo. Chúng tôi nói dăm ba chuyện. Tôi ngáp rồi đứng dậy. Đưa con Tường lại chia sủng nhựa vào tôi, miệng pằng pằng. Tôi lại đưa tay giả đầu hàng, bảo Tường là tôi lúc nào cũng sợ sủng, thành phần xạ rồi. Khi tôi xuống đường, nắng rực rỡ và chói bỏng. Tôi thọc tay vào túi để kiểm xem thư Hòa có nằm đó không. Lưỡi tôi tự nhiên có vị đắng.

*

Từ chợ Gò Vấp, nơi Hòa đặt bàn may vá giày dép, cách nhà anh cũng năm, bảy cây số. Có những chiều tôi ngồi bên anh cả ngày, đùa giỡn, chờ tới khi chiều xuống, anh dẹp hàng rồi cùng đạp xe về nhà anh ăn cơm. Tấm bạt che nắng được chằng vụng về bên lề đường. Tôi cứ bảo, chằng ngay ngắn gì hết, cứ thụng thụng xuống làm phiền khách qua lại, làm sao người ta tin là những đường chỉ của Hòa có thể thẳng được. Trước mặt là ngôi chợ ồn ào, tường vôi cũ, kiến trúc thời Pháp. Cũng không dễ làm ăn vào lúc đó, cả nước đều đang đói rách, và chính quyền thì cứ nằm mơ tới thiên đường.

Nhà anh ở giữa một khu tràn ngập gái giang hồ. Tác phong trí thức của anh, đôi kính dày, nói lắp bắp thường là những điều khó hiểu, không có vẻ thích nghi chi ở vùng này. Anh được hàng xóm nể trọng nhờ vào nghề giáo trước 75 của anh, dạy Triết cho một trường Trung học ở tận Phan Thiết. Đôi khi tôi cũng đùa anh, cái xóm này có mùi gì lạ ha, lần đó giữa khi chúng tôi về nhà anh ăn cơm. Anh hỏi, mũi hích hích, mùi gì kìa. Tôi bảo, mùi của những cuộc làm tình chứ gì nữa. Hòa cười chịu đựng, rồi phải kiếm cách dọn đi, để con nít ở đây hư hết. Tôi biết tìm được một nơi ở khác cũng là một nan đề giữa thời buổi này. Tôi đã bảo, tôi ngại đi vào đây một mình vì cứ bị mấy cô nứ áo hoải, mặt mũi tôi lại có vẻ nhà quê, như dường dễ dụ dỗ mới khổ.

*

Hôm trước khi tôi vượt biên, Hòa vào Chợ Lớn rủ tôi lang thang dạo phố. Chúng tôi đi bộ trên các phố Nguyễn Trãi, Tổng Đốc Phương, Đồng Khánh. Tôi vẫn thích gọi đường phố bằng các tên cũ. Giữa cảnh tiêu điều của thời sau các trận đánh tư sản, Chợ Lớn vẫn âm thầm, kiên nhẫn gượng dậy trong những cách riêng. Nhà tôi trên lầu hai của một quãng phố Đồng Khánh.

Khi qua trước sân Tinh Võ, nhìn những tiệm sách cũ của Tàu, tôi nói với Hòa là ước mơ của tôi thật đơn

giản, khi về già tôi sẽ làm chủ một tiệm sách cũ để sống qua ngày. Còn gì nữa nhỉ, tôi cần môi suy nghĩ thêm khi chợt thấy ý nghĩ đó có vẻ hơi khiêm tốn, ừ chủ yếu phải là đọc sách và tụng kinh, còn có tiền thì đi lang thang thế giới chẳng hạn. Ừ quên, tôi còn muốn sau này sẽ dịch thật nhiều sách của Krishnamurti ra tiếng Việt; tôi nói, đó là Thiên đó. Hòa chẳng nói gì nhiều, chỉ trầm ngâm thỉnh thoảng cười. Hôm đó, sau khi đi tới mỗi nhừ chân, chúng tôi lại về lấy xe đạp đi thêm. Tôi theo Hòa tới tận một lò da và keo gần nghĩa địa Quảng Đông, để anh mua thêm mớ đồ nghề làm việc. Khi nhìn anh đứng lấp bắp mặc cả từng đồng một với tay Ba Tàu chủ lò, trong căn nhà tôn nóng đỏ mồ hôi, về những tấm da cắt sẵn và các hũ keo vá giày, tôi nghĩ sau này mình sẽ gửi tiền về cho Hòa làm ăn đàng hoàng.

Nhiều năm sau, tôi vẫn chưa gửi được cho anh quá năm mươi đô la. Và bây giờ thì anh hỏi tôi những quyển sách nước ngoài viết về Ky Tô thần bí. Không biết rồi Hòa sẽ làm gì với những thứ này. Có bao giờ, như trước kia tôi từng nói với Hòa, anh cần phải học phép chỉ sách hóa tiền. Nhưng cả anh và tôi, dù biết giá trị đồng tiền, vẫn chưa bao giờ bỏ hết tâm lực vào việc này.

*

Còn phải kiếm cách gửi nữa chứ, tôi nghĩ, cứ theo đường Bưu điện nhiều phần là mất. Tôi nhìn lên tủ sách của tôi, cũng vài trăm cuốn nhưng không có quyển nào Hòa cần. Vậy là cuối tuần phải đi lùng sục ở những tiệm sách cũ. Có bao giờ Hòa đang nói chuyện với những thanh niên về đam mê của anh, tại sao Ky Tô thần bí chẳng hạn, cũng như một thời tôi đi khắp nơi để nói, nghe và tranh luận về Thiên.

Tôi suy nghĩ xem mình có thể nhờ thêm người bạn nào lo cho Hòa. Sau Tường thì tôi không thể nghĩ tới ai. Đã có những người bạn hiện không bao giờ đọc sách nữa, và cũng không bao giờ cần biết chuyện gì đang xảy ra ở quê nhà. Tôi hiểu Hòa, và tôi tin Hòa, mặc cho bây giờ anh đang làm gì và ở đâu. Nơi đó, ở quê nhà bên kia bờ đại dương, người ta đang lấn nhau từng dòng chữ một, và đang trấn áp nhau từng tư tưởng một. Nơi đó, Hòa đang cúi đầu trên những trang sách, hoặc đang viết lên những dòng chữ cần trọng cho tôn giáo của anh.

Ngoài trời, tiếng mưa bắt đầu đập vào cửa sổ và gió ào ạt xô vào phòng. Tôi đứng dậy, vặn lại kính cửa sổ. Gió hất mạnh vào mặt tôi. Trên lưới, tôi vẫn còn thấy vị đắng buổi chiều chưa qua.■

CHÀNG, NÀNG VÀ BUỔI CHIỀU

Có một sợi tóc bạc lấp lánh bên trái màn tang của nàng. Chàng đoán nàng không nhìn thấy khi soi gương sáng nay. Chàng cũng không muốn nói, nhưng tự nhiên thấy hơi xót xa. Có thể chàng cũng có vài sợi bạc mà nàng nhìn thấy và chẳng hề hờ môi. Đôi mắt nàng cúi xuống, tay vẫn cầm muỗng khuấy ly cà phê. Chàng ngả người ra, chân chạm chiếc va ly nhỏ của nàng. Còn hai giờ nữa mới tới chuyến bay của nàng.

“Anh lúc nào cũng tôn trọng em. Thờ phượng em, thiết sự. Trước kia, bây giờ và mãi mãi sau này.”

Chàng đốt điếu thuốc, nhìn ra cửa kính phi trường. Trời tối âm u và hàng ngàn đèn sáng gần xa bên ngoài soi những thân máy bay lấp lánh. Nàng cười nghiêng đầu qua trái. Cái kiêu bao giờ cũng vậy.

Trước kia có lần chàng bảo nàng hãy tập kiêu cười mà giữ cổ cho thẳng và nàng lại càng rữ rượi cười phá lên và bỏ hẳn người qua trái.

“Anh biết em luôn luôn thích làm trái ý anh. Có điều gì vui đó trong cái ngang ngược. Nhưng như vậy làm chi nhỉ... Vài năm nữa, mười năm nữa, nhìn lại những ngày qua rồi sẽ thấy là chúng ta đã từng yêu thương nhau biết bao. Cuộc đời vui không kể gì. Nhưng hôm nay em đi rồi biết tới bao giờ gặp lại.”

Chàng xiết chặt tay nàng, úp hẳn tay nàng xuống mặt bàn. Những đường gân xanh lộ ra trên cổ tay nàng. Bàn tay nàng mềm mại và ấm, mặc dù chàng thường gọi chúng là hai nắm gân và xương.

“Thôi mình giả bộ khóc một tí đi cho giống xi nê. Bao nhiêu lần mình chia tay rồi mà anh chưa bao giờ thấy em khóc cả. Cứ nấc lên vài tiếng hích... hích... chẳng hạn. Không lẽ anh lại phải đạo diễn cho mọi chuyện nó lãng mạn một tí. Nếu không thì cái lương một tí cũng được. Có sao đâu. Như hồi ở Nha Trang đấy, anh nhớ suýt tí nữa em khóc thì phải...Nhưng hồi ấy tụi mình còn học trò quá.”

Nàng vẫn nhìn thẳng vào mắt chàng. Vẫn cái kiêu cố ý nghiêng đầu qua trái. Lâu rồi chàng không phê bình điều đó nữa. Và cũng lâu rồi chàng đã tập không phê bình bất cứ điều gì trên đời.

“Em kỳ dị như chưa bao giờ lớn cả. Bao nhiêu năm rồi đấy. Phải chi bây giờ anh bảo em phải cười cho thật to thì anh có thể đoán là em sẽ khóc hù hụ ngay cho xem.”

Chàng đưa tay xuống gằm bàn bóp nhẹ đầu gối nàng. Chiếc váy xám vừa chấm đầu gối. Chàng nhớ từng nói với nàng cách gần hai mươi năm, chỗ nào của nàng cũng toàn xương là xương. “Chưa từng có ai trên thế giới gầy như em vậy. Phải chi em nặng thêm bốn kí lô. Chẳng hạn như hai kí trước ngực và hai kí sau mông đi.” Lúc đó thì nàng mỉm cười, vòng hai tay xiết chàng thật chặt. Đó là lần đầu tiên trong đời, họ ôm nhau.

“Anh chán cái kiểu này lắm rồi. Cứ chia tay rồi gặp lại rồi cãi nhau rồi ra đi. Cũng gần hai trăm năm rồi...”

Chàng có linh cảm lần chia tay này là lần cuối nhưng không nỡ nói ra. Lần đầu ở Nha Trang. Lúc đó nàng còn là học trò để tóc quá vai, mặc áo dài trắng. Đêm từ biệt chàng theo đơn vị về Saigon, chàng đưa nàng ra bờ biển ngồi nghe sóng xô dạt lao xao. Họ ôm nhau nhìn ra trời đêm mặc bao nhiêu người chung quanh. Và những lần tìm nhau và xa nhau sau đó, bên này và bên kia bờ đại dương. Họ đều có những vết thương riêng, không kể cho nhau và cũng tránh không hỏi về nhau.

“Phải chỉ mình sống được với nhau luôn nhỉ. Tới một góc nào đó của thế giới, quên hết mọi chuyện đời, nghiêm chỉnh có với nhau một hai đứa con.”

Nàng vẫn im lặng, đốt thêm điều thuốc khác. Chàng vuốt ve bắp đùi nàng. Đôi vớ lưới hồng nhạt màu da. Nàng khép đùi lại và nghiêng qua một bên và vẫn giữ câm lặng.

Chàng đùa, “Anh biết em đang cắn chặt môi, không dám hở ra một lời. Hở môi ra thì có thể bật khóc được. Thử coi, hở môi ra đi nào. Bây giờ em mà khóc được thì sẽ ở lại đây luôn đấy. Tại sao không cho một cái happy ending trong câu chuyện của tụi mình ha. Nếu không thì phải chỉ đêm qua chết luôn trên giường cho rồi.”

Người hầu bàn nữ tới gần. Chàng vẫy tay xin thêm cà phê. Chàng nói cổ cà vạt cho lỏng ra một tí. Tiệm sách báo và quà tặng kê bên vắng lạ. Những chồng sách báo chen chúc bên nhau đủ màu sắc. Người bán hàng đứng sau quầy kính cầm bút tính toán. Chàng nghĩ, tí nữa phải vào mua báo cho nàng đọc.

“Em có muốn anh mua cái gì cho em lên máy bay đọc không. Báo chẳng hạn. Hay truyện của Duras đi. Anh mê bà ta từ hồi mới đọc sách đấy,” tay chàng vẫn xoa đầu gối nàng.

Chàng thấy mệt mỏi, như muốn buồn ngủ. Nàng vẫn thường than phiền cái nét buồn ngủ của chàng sau mỗi lần làm tình, “Rồi anh sẽ lăn ra ngủ cho coi, em biết mà.” Những lúc ấy chàng luôn luôn chống chọi giấc ngủ bằng cách hít những hơi thở dài vào đan điền và đưa tay vuốt ve khắp người nàng. Những lúc ấy nàng lại càng đùa thêm, “Để coi em đếm từ một tới mười nha. Lần này đếm tới tám thế nào anh cũng ngủ quên trời đất.”

Đêm qua chàng đưa nàng lang thang tới ba giờ sáng ở phố Georgetown. Chen chúc giữa những đám đông trên hè phố, chàng đã say gần chết. Chàng ôm vai nàng đi qua những ngã tư, ngã ba, vào những tiệm sách và ngồi ăn khuya trong một quán cà phê dưới ánh nến. Đêm về trời thật lạnh. Nàng phải lái xe. Chàng ngủ ngay khi vừa ngồi xuống và nói lú lờu xin lỗi, “Em lái giùm anh. Anh hết thấy đường rồi. Nếu em không nhớ đường thì mở bản đồ mà xem. Nhớ nha. Qua cầu Key cứ thẳng vào đường 50 là gần nhất.” Chàng ngả nệm lưng ra ngủ. Thỉnh thoảng chàng lâu bầu, “Anh quên nói là anh thích em để tóc ngắn như vậy lắm... Ba năm rồi nhỉ, nhớ em kinh khủng...”

“Hình như đêm qua anh say quá. Sức anh xuống rồi. Không chịu được bao nhiêu rượu nữa. Đáng lý ra tại mình vui hơn nếu anh không uống. Anh nhớ hình

như hồi sáng anh cũng xin lỗi em rồi. Cho anh xin lỗi nữa nha.”

Đêm qua khi về phòng chàng đã lăn ra ngủ ngay lập tức, tới gần sáng mới tỉnh dậy. Chàng đã lay nhẹ nàng dậy trong lúc nàng còn ngái ngủ. “Chuyện chẳng lành mạn tí nào,” chàng đã xin lỗi nàng như vậy khi đưa tay ôm nàng. “Trời ơi, anh thương em biết là bao nhiêu.” Chàng lập đi lập lại cả trăm lần câu nói đó. “Làm sao anh sống nổi nếu chiều nay em đi,” chàng đã thủ thỉ như vậy..

Nàng mỉm cười. Chàng thấy bồi hồi. Lần nào chia tay cũng vậy, chàng muốn khóc được còn nàng thì cứ có vẻ tỉnh như sáo.

“Em cứ đến rồi đi như một giấc mơ. Sao vậy nhỉ. Hồi gặp lại em ở Saigon không ngờ lại chậm rãi. Phải chi anh ra tù sớm một tí. Lúc ấy anh có làm mấy bài thơ cho em sau rồi mất cả. Hồi đó anh cũng còn ngây thơ biết là bao nhiêu. Cứ nghĩ mình sẽ làm được biết bao nhiêu chuyện lớn trên đời.”

Chàng gục đầu xuống bàn, và nói thật nhỏ, “Nếu anh ngủ quên em có thể đánh thức anh dậy lúc nào cũng được. Anh sợ cuộc đời, sợ cô đơn. Phải chi có em trong đời nhỉ, bây giờ và mãi mãi. Tụi mình tuổi cũng lớn rồi.” Chàng nhắm mắt lại trong khi vẫn nói thì thầm như với riêng chàng, “Cảm ơn em biết bao nhiêu. Cảm ơn em vô chừng. Anh tin là sau em, anh

không có thể yêu thương ai được nữa.” Chàng biết chàng đang nói dối. Chàng biết chàng có khả năng yêu thương nhiều người.

Đêm qua chàng đã nói ở quán ăn bên kia cầu Key, “Tụi mình sẽ thức suốt đêm nay đi. Chứ mai em đi rồi biết tới bao giờ lại gặp nhau.” Nhưng khi ra cửa tiệm chàng đã đi nghiêng ngã rồi. Và khi tới xe thì chàng gục hẳn đầu vào mũi xe. “Không phải anh say đâu. Chỉ vì anh buồn thôi. Buồn kinh khủng, buồn vô cùng.”

“Anh mệt lắm. Em có muốn nghe anh đọc mấy bài thơ mới không. Trong này có một bài anh nói về cái nét vừa cười vừa nghiêng đầu của em...” Chàng gục đầu hẳn xuống bàn.

Khi chàng tỉnh dậy, nàng đã đi. Trên bàn có mẫu giấy dãn dưới ly. Nét chữ của nàng nghịch ngoạc, “Em biết mà. Lần này thì anh ngủ được cả ở ngoài quán mà không cần em đếm. Thương anh.”.■

NHỮNG HÀNH TINH QUÁ KHỨ

Hắn đẩy cửa, bước ra đường. Tiếng nhạc đuổi theo sau lưng, nhỏ dần và im hẳn. Biển Long Beach trước mặt, trải dài, đen thẫm trong bóng đêm, gợn lên những đợt sóng trắng ven bờ, rì rào, chậm chậm, kiên nhẫn. Hắn ngồi lên kè đá, nhìn ra xa. Những điểm sáng trên biển như các vùng sao tụ hội. Tàu bè có vẻ hơi nhiều, hẳn nghỉ. Gió lạnh thốc vào ngực buốt giá.

Mấy con nhỏ Mỹ với Mẹ đi qua, váy ngắn, quần jeans, chân không, giày cao gót, cười đùa. Hắn tự nhủ, thôi mai về New York vui hơn. Ở đây cái gì cũng nhàn nhạt, không có cái gallery nào khổng lồ cả. Hắn chưa đi hết vùng này và cảm thấy hơi bất công khi suy nghĩ như vậy. Hắn tới Long Beach để thăm một cô bạn cũ vừa qua diện ODP, sau mười mấy năm không gặp.

*

Lần thứ nhất ăn cơm ở nhà Tâm, trong buổi chiều đầu tiên. Có cái gì đang ngưng ngập giữa hai người. Nhà Tâm đây con nít, lồn ngồn, đứng đi chạy giỡn giữa những người lớn đang ra bộ nghiêm trang và kín đáo theo dõi hắn và Tâm. Hắn đã cố gắng làm ra vẻ tự nhiên như không có gì. Mà thật sự thì không có gì giữa hai người. Tâm là bạn thân một cô bạn của cả hai ở Việt Nam. Hắn tới thăm Tâm cũng để tiện đi chơi cho kỳ nghỉ một tuần.

“Kỳ quá Tâm nhỉ. Cuộc đời rồi lại gặp nhau ở đây.”

“Em đi được cũng là may. Chẳng ai biết số mệnh thế nào. Tội nghiệp Hà, nó ở lại đủ thứ nheo nhóc. Con hai đứa đã thấy muốn chết rồi, lại thất nghiệp nữa.”

Hắn không thích nghe những chuyện đó nữa, nhưng không tiện nói ra. Nhưng mình thích nghe chuyện gì nhỉ, hắn cũng không biết rõ. Có những chuyện thật sự là sợ nghe, hắn thấy rõ điều đó.

Hắn nói lơ đãng, “Có những điều mình phải chấp nhận, cũng như có những điều phải quên đi.”

Tâm ngồi trước mặt hắn, khuôn mặt đánh phấn thoang thoáng trên má. Đôi mắt, hắn vẫn nhớ, ngày xưa thích nhìn thẳng kiêu chát vắn. Bây giờ vẫn vậy, hắn có cảm giác không có gì thay đổi với những

người trong nước. Chỉ có mình ngoài này mới đổi nhiều.

“Tâm vẫn có kiêu nhìn tra vẫn như vậy. Con nít lắm. Cứ như muốn hỏi điều gì ấy. Đó là kiêu nhìn của khoa học gia. Gái đẹp không nên nhìn như vậy.”

“Hà mới là đẹp. Em chỉ vậy vậy thôi.” Tâm cười, đôi mắt nheo lại những vết chân chim. “Mà bây giờ thì đưa nào như cũng già thêm trăm năm.”

Hắn thấy nhói nơi ngực. Hắn nhìn vào trán Tâm. Chưa có nếp nhăn ở trán, nhưng khuôn mặt khắc khổ, nhiều suy tư. Tiếng TV phòng trong vọng ra lần tiếng đùa nghịch của bọn con nít.

“Anh cũng vậy, hắn là già thêm nghìn năm đấy.” Im lặng một chập, hắn lại nói cách lơ đãng. Hắn tò mò muốn hỏi tại sao Tâm chưa lấy chồng, nhưng thấy không tiện. Ngày xưa một tên bạn hắn có thời theo tán tỉnh Tâm nhưng rồi tự nhiên biến mất, không biết là vào tù hay vượt biên.

“Ừ, có bao nhiêu người như vậy nhi.” Hắn nói.

“Già nghìn năm... Anh vẫn có kiêu nói như vậy.”

“Ồ, không. Anh đang nói về có những người tự nhiên mất tích trên đời này.” Hắn thấy ân hận khi giải thích như vậy, chẳng nên làm cô nàng gọi nhớ tới chút gì buồn của quá khứ. “Tâm ở đây thử

ngiên cứu ổn định rồi đi học lại coi sao. Đó cũng là một giải pháp tốt, và có thể là tốt nhất nữa đây.”

Hắn đứng dậy, vươn vai cho giãn gân cốt. Nặng chiều chiếu qua khung cửa sổ, vào khắp chỗ Tâm ngồi. Tâm mặc đồ bộ màu hồng điểm hoa cải vàng. Hắn đoán nàng mang theo từ Việt Nam qua, vì nhiều năm rồi hắn chưa thấy ai bên Mỹ mặc đồ bộ cả. Dáng nàng ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế nệm khổng lồ, chân duỗi song song, lộ cặp đùi dài. Hắn nghĩ, đùi nàng mà đi tắm biển thì tuyệt. Hắn thấy có lỗi khi nghĩ đến những chuyện như vậy.

“Thôi, anh về. Mai chiều chắc anh ghé thăm Tâm. Không chừng mình đi uống cà phê hay dạo phố gì đi.” Hắn bước ra cửa. “Cho anh gửi lời thăm ông bà cụ giùm luôn. Chắc không cần anh vô phòng chào cả nhà chứ?”

*

Chiều đó, hắn về nhà một thằng bạn ở Santa Ana, uống cạn hai lon bia rồi lên giường ngủ. Hình như cũng khóc một chặp trước khi ngủ vui hắn. Khi tỉnh dậy nửa đêm, hắn lại thấy đôi mắt ngược nhìn của Tâm, đôi mắt của những đứa trẻ nhìn vào cuộc đời lạ lẫm, tò mò, chất vấn và có khi là sợ hãi. Hắn tự

trách mình vô tâm vì đã không hỏi Hà có nhắn lời gì không. Cũng không nghe Tâm nói gì, hấn đoán có lẽ không có gì đặc biệt. Vả lại, hấn cũng sợ nghe chuyện quê nhà, thà để tự động nàng nói, còn hơn là mình phải hỏi. Hấn mở mắt nhìn bóng đêm. Lâu rồi hấn cũng không hình dung được khuôn mặt của Hà. Kỷ niệm cuối cùng, ừ, nét mặt của Hà, đó cũng là một cái gì buồn nản.

*

Chiều hôm sau hấn đến mời Tâm dạo phố. Ông bà cụ nàng nhìn dò xét nhưng không nói gì. Cũng cái kiêu của Việt Nam, những kiêu nhìn như vậy hấn đã chán đến tận cổ. Bọn con nít cũng có đứa nhìn theo như thể hấn sắp bắt cóc Tâm. Hấn cười làm thân với bọn nhóc khi theo Tâm ra cửa.

“Ông bà cụ có biết tụi mình là bạn thân từ Việt Nam không,” hấn hỏi Tâm khi hai người rời nhà.

“Em đoán là biết, dù em không kể gì cả. Bạn từ hồi đi học. Thế đủ rồi.”

Hấn mở cửa chiếc Excel thuê cho cả tuần, chờ Tâm ngồi vào mới đóng lại. Chiếc quần Tây nàng mặc còn cả kiêu ống loa của thời 70. Thời đó Hà ưa mặc

quần vải xám, áo sơ mi trắng lai bầu có khi bỏ trong quần và có khi bỏ ngoài quần. Hấn không bao giờ đoán được ý Hà dù trong chuyện nhỏ nhất như mặc áo quần. Con gái lúc nào cũng thích làm mọi người ngạc nhiên, hấn nghiệm thấy như vậy.

“Sài Gòn chắc là đứng lại năm mươi năm, Tâm nhỉ?”

“Em không biết. Nhưng rồi ai cũng phải sống, phải bương chải. Năm tháng rồi sẽ qua đi. Con người cũng vậy.”

Hấn thở dài, lái về phía 405.

“Chẳng ai hiểu được chuyện gì cả. Cuộc đời vùi dập chẳng tha ai. Phải chi mình được hồn nhiên như Mỹ thì sướng biết mấy... Ở đây rồi Tâm sẽ thấy cũng chẳng vui gì.” Hấn ngạc nhiên khi thấy mình cứ nói giọng buồn nản như vậy. “Bây giờ Tâm muốn đi chơi đâu? Ra biển, dạo phố, đi ăn?”

Tâm liếc nhìn hấn, “Đi đâu cũng được, tùy anh.”

“Mình vào một tiệm cà phê Ý Đại Lợi đi. Để Tâm kể hết cho anh nghe chuyện gì phải kể.”

*

Buổi chiều, bên ly cà phê expresso, hấn lơ đãng nghe Tâm nói chuyện. Cánh hoa hồng trên bàn, chiếc gạt tàn và những mẩu tàn thuốc. Hấn nhìn ra cửa kính, đôi khi nhìn Tâm. Đôi khi Tâm ngưng lại. Hấn tìm thêm lời cho Tâm. Mắt nàng vẫn mở to như năm nào. Hấn nói hấn thích vậy, Tâm đừng bao giờ nheo mắt nữa, cứ mở to như vậy đấy, bao nhiêu anh sẽ chết cả cho coi. Phải mở mắt để nhìn cuộc đời chứ, Tâm cãi khễ khàng. Nói nữa đi Tâm, ừ nói cho hết cả ngàn năm chia cách của dân mình. Tâm cười, lại kể về Sài Gòn.

Khi Tâm nói rằng sắp tới lúc Tâm lười nói, vì nãy giờ Tâm không nhớ Tâm đã kể những chuyện gì, thí dụ như Tâm hạnh phúc, thí dụ như Tâm buồn, thí dụ như Tâm đói rách, thì cũng như bao nhiêu người khác, cũng không phải là chuyện đáng nhớ mà cũng chẳng có gì để giận dữ với cuộc đời. Hấn nói, Tâm có nhu cầu nói và hấn có nhu cầu nghe, thì Tâm muốn nói gì thì nói và hấn muốn nghe gì thì nghe. Ừ, cứ nói nữa đi. Chỉ có một điều Tâm nên nhớ là anh thích nghe Tâm nói.

Có khi Tâm cảm động như sắp khóc. Lúc đó hấn không nhớ nàng đang nói gì, nhưng giọng nàng có thể vỡ ra. Trời đang tối xuống ngoài phố. Thôi Tâm ạ, giọng hấn đùa, không có cách nào cười cho thật to ư. Tụi mình cười thi nhau đi. Ngày xưa Hà..., hấn chột ngưng lại khi nhắc tới Hà. Tâm quay mặt nhìn

ra phía cửa sổ. Chiếc màn che sặc sỡ, đèn phổ sáng rực. Người hầu bàn tới đốt đèn cây cho hai người. Thôi Tâm ạ, tội mình chắc không còn biết cách cười nữa. Hấn chợt nhìn thấy cổ chân của Tâm, nàng chưa biết mang vớ lưới, lòng hấn chợt xót xa. Tâm ơi, thêm một buổi chiều qua đi rồi, đêm nay Tâm còn muốn đi những đâu nữa không. Tâm không trả lời và nàng giữ im lặng cho tới khi hai người cùng đứng lên ra xe.

“Mình có nên tìm một gallery nào xem tranh không.” Hấn buột miệng hỏi và ân hận ngay sau khi đề nghị. Đó không phải là nơi để đưa Tâm tới, nhất là những lúc này. Hấn cũng chẳng biết hết đất đai thổ ngơi vùng này thế nào. Lạy Trời cho nàng đừng đề ý tới đề nghị của hấn. Ở cái đất New York của hấn, có đi mười năm cũng chưa dạo hết các gallery. Câu hỏi hấn đã từ vô thức, một buổi chiều nhiều năm trước, hấn đã đưa Hà và Tâm vào xem tranh ở một phòng triển lãm đường Tự Do. Hấn nhìn Tâm, “Hay mình đi dạo biển một tí rồi về nha.” Tâm gật đầu. Hấn lái xe chậm chậm dọc theo đường số 1.

Khi tiễn Tâm về, hấn bắt chợt nắm tay Tâm từ ngõ vào tới gần nhà nàng. Tay nàng mềm, ấm. Tâm để yên một chập rồi nhẹ nhàng rút ra. Khi nàng loay hoay mở cửa, hấn vẫn đứng nhìn. Thôi anh chuẩn bị đi, hấn nói nhưng chân vẫn không nhúc nhích. Nàng ngẩng lên gật đầu, cười thật tươi.

“Chắc ngày mai anh không tới được. Có thể một tối, anh đoán vậy. Cũng nên gặp Tâm thêm vài lần, chứ sau này lại khó gặp.”

Nàng gật đầu, vẫn cái nhìn mở to. Hấn quay đi, ở bên này chẳng ai còn nhìn như vậy nữa. Hấn lại quên hỏi xem Hà có nhấn cần hấn gọi tiền về không, và cũng quên hỏi thằng chồng Hà làm gì. Hấn vẫn ngại hỏi những việc như vậy.

*

Hấn đưa Tâm vào một quán ăn ở Dana Point. Trước mặt là một vùng biển vắng, thưa người đi lại. Những cồn cát nhỏ và hẹp, những kiến trúc khổng lồ im lặng. Bây giờ không phải là mùa người ta ra chơi biển.

“Hy vọng khi về khỏi bị lạc đường. Đây là lần đầu tiên anh tới đây.” Hấn giải thích, “Cứ lái xe đại thì tới được đây, chắc là cứ lái đại thì cũng về được.”

“Em chẳng biết gì đường xá cả. Anh đừng mong em chỉ đường.” Tâm nhìn hấn. Hôm nay nàng mới cắt tóc. Những sợi ngắn lòa xòa trước trán và lộ đôi vành tai xinh xắn.

Tự nhiên hấn thấy mệt mỏi. Có gì như cả thế giới đè nặng trên vai, như muốn ngộp thở. Nhiều năm rồi,

hắn đã lang thang một mình trên nước Mỹ và bây giờ gặp một người bạn gái cũ, đúng ra là bạn của người tình cũ, niềm vui cùng đến với kỷ niệm, nhưng lại làm hắn mệt ra. Cái cảm giác của người tự thấy mình xa lạ với những gì trước kia từng thương yêu, từng trân trọng. Sự khám phá này làm hắn mệt mỏi, chán chường. Cả cái đất nước sau lưng kia, với những người bạn thân thiết, nay bỗng dung hiện ra trước mặt hắn với Tâm là đại diện, khoảng cách thật gần đến có thể đưa tay nắm được, nhưng lại là cái gì thật xa của nghìn năm.

Hình như hắn đang tự trách những gì mơ hồ. Hắn thấy rõ ràng hắn đang thay đổi từng ngày. Hắn cảm nghiệm được thời gian trôi qua trên từng phân vuông da thịt, trong từng tế bào. Hắn sờ được cụ thể lúc này những thay đổi đó như đang bơi lội trong lượn sóng thời gian. Còn Tâm và những người bên kia, những thành phố tuổi trẻ của hắn, những ngôi trường cũ kỹ đổ nát, những con đường đầy bụi và Hà và kỷ niệm, tất cả đều đang đứng lại, chết sững, trên đường, giữa phố, ngay cả những con chim trên hàng dây điện đường Đinh Tiên Hoàng. Tất cả đứng lại như những pho tượng cổ, ướp bụi của những triệu năm. Chỉ cần hắn bước về, đưa tay chạm tới, thổi một hơi nhẹ, là tất cả đều tan thành tro bụi.

Nhưng Tâm vẫn đang ngồi yên trước mặt hắn, thỉnh thoảng cử động không như một pho tượng. Hắn theo

dõi từng cử chỉ của Tâm và ngạc nhiên nghe từng lời nói như vọng từ những hành tinh xa lạ, thật mơ hồ. Nàng cười giọng cũng âm vang những tiếng bước đi của hai mươi năm trước, cũng sột soạt tiếng giấy của thời ngôi sau khung cửa Trung học, và cũng những ngây thơ, những sợ hãi không bao giờ hiểu được. Hấn thấy như đang đứng trong thế giới của ma thuật, có những người và những thành phố hoàn toàn xa lạ với thời gian. Hấn có cảm giác, nếu hấn đứng lên quát thật to vài tiếng, Tâm sẽ tan thành bụi hoặc biến mất ngay trước mắt hấn. Hấn siết tay Tâm thật chặt mà vẫn cảm nghiệm những hư vô trong tay.

Tâm vẫn nói về thành phố. Hấn hỏi về pho tượng Đức Mẹ trước nhà thờ Đức Bà, có một thời hấn nghe đồn người ta tới để chờ nhìn thấy hào quang. Minh già đi thật sự là tới nghìn năm, hấn thở dài, có biết bao nhiêu điều khó hiểu trên đời này.

*

Hấn lái dọc theo South Coast về Long Beach. Dọc đường, Tâm ít nói ra. Cảm giác yên lặng của hai người làm cho hấn càng ý thức mạnh hơn dòng trôi chảy thời gian, trên người, trên xe, trên mặt nhựa đường, trên hàng trăm nghìn tinh tú thật cao.

Hắn chợt nghĩ có thể mời Tâm đêm nay về một khách sạn. Hắn lầu bầu tự trách khi nhìn thấy những ý nghĩ như vậy. Hắn đập mạnh ga, phải đưa nàng về ngay trước khi hắn nói những gì khác.

“Tâm cắt tóc ngắn hay quá.”

“Để cho thoáng. Không khí ở đây cũng nóng bức quá.”

Khi đứng ngoài ngõ nhà Tâm, hắn ôm chầm, siết chặt người vào nàng và hôn thật mạnh bạo môi nàng. Tâm khẽ đẩy người ra rồi đứng im, để cho môi hắn hôn khắp trên môi rồi trên mặt nàng, rồi lấp bắp, “Đừng, đừng, anh...”

Hắn lùi lại, “Cho anh xin lỗi.” Và ngạc nhiên thấy nàng vẫn đứng đó. Hắn nghĩ đáng ra nàng đã tan thành bụi, kể cả chiếc sơ mi trắng và quần Tây thời 70. “Em vào nhà đi.” Hắn nói giọng thật nhẹ, như thì thầm.

Khi trở về, hắn bước vào một bar rượu, uống cạn liền hai lon Bud và cố gắng không suy nghĩ đến điều gì cả. Đêm khuya lắm rồi, khi hắn đứng lên. Mai phải về thôi, hắn tự nhủ khi đẩy cửa bước ra ngoài. ■

BÊN KIA DÒNG HUDSON

Buổi chiều, khi ông Tâm trở về, trời chưa tối hẳn. Hôm nay là ngày cuối ông ở Albany, cái thị trấn nhỏ bé miền cực Bắc New York. Hơn mười bảy năm ông đã ở đây, làm việc, chơi đùa, đi lang thang cà khịa với những người bạn Mỹ, uống những lon bia trước TV, dò dẫm từng bước chân trên những đụn tuyết, và có những năm không tìm được một người để nói tiếng Việt. Công việc trong sở, ông đã thu xếp xong từ hôm kia. Ông chỉ đơn giản thông báo là ông quyết định về hưu.

“Tôi sáu mươi lăm tuổi rồi. Tôi phải chấm dứt những ngày vào đây ngồi trước máy tính, gõ lóc cóc những con số với ký hiệu nhảm nhí chứ.” Ông Tâm nói với supervisor như vậy và qua phòng nhân viên làm giấy tờ. Bây giờ là mùa hè, nắng dịu hắt qua những khung cửa kính, lay lắt bên các tấm rèm. Những thảm cỏ buổi trưa ngoài sân xanh nhạt nhạt vàng vàng chạy vòng quanh những góc phong ra tận ngoại ô Albany. Ông chỉ tay ra cửa sổ, giải thích cho Mike, một người bạn Mỹ trẻ hơn nửa tuổi ông, “Mày thử nhìn màu nắng kia xem. Trong không khí ấy. Trên những lớp cỏ kia. Làm sao chịu đựng nổi cuộc đời này với ngân ấy thứ đẹp như vậy. Mỗi ngày cuộc đời càng đẹp hơn, nắng càng rực rỡ hơn, cỏ càng dịu dàng hơn, và mùa đông thì tuyết càng trắng hơn. Hôm nào tao sẽ nằm sâu trong lòng đất này, dưới lớp cỏ ấy, để buổi trưa nắng sưởi ấm và nửa đêm tuyết trải mềm. Phải ngồi trong những căn phòng này chi vậy, nghịch ngợm với mấy cái máy chi vậy. Tao phải lên xe và đi cho hết những ngày của tao chứ.”

Buổi party tiễn ông đã xong chiều nay. Khi đứng ngoài tầm mắt mọi người ngoài sân đậu xe, bà Shirley ôm ông khóc mùi mẫn. Tao thương mày gần chết, bà thì thâm vào tai ông như vậy, bao nhiêu năm rồi tao thương mày mà. Tao đòi về ở chung, mày cũng không chịu, bây giờ mày lại bỏ trốn, sao

vậy. Bà Shirley siết chặt lấy ông, ghì sát ông vào cửa xe ông, lại vươn người cao lên thì thâm vào tai bên kia của ông Tâm, mày dễ thương nhất trong bọn Oriental thị trấn này, tao muốn squeeze mày ra nước. Đôi mắt bà đỏ lên, mái tóc bạch kim pha trắng rung rung.

Ông Tâm vỗ vỗ vai bà, trả lời thật nhỏ vào tai bà, thì tao có mời mày mỗi buổi chiều ra thư viện công cộng đọc sách đó chứ. Tao có tặng hàng trăm cuốn sách cho mày mà, chục năm rồi tao thương mày gần chết. Còn về phòng ở chung thì tao không thích mà, lâu lâu đi chơi với nhau được rồi. Ờ mà tao cứ nhớ hoài cái lần tụi mình đi họp ở Canada mười năm về trước, nhớ không, kỷ niệm đầu đẹp quá mà. Ông vừa nói giọng thương cảm, vừa đưa tay vuốt lưng, vuốt vai, vuốt hông bà, tao cảm thấy có cái gì bắt tao phải đứng dậy đi, chắc là tuổi già hoặc, giọng ông trở nên ngập ngừng, hư vô hoặc cái gì không hiểu được mỗi đêm vẫn đánh thức tao dậy. Tao nói mày chuyện này nhiều lần rồi mà. Tụi mình yêu nhau ngồi nhìn ra cửa sổ đủ rồi... Có cái gì bao la lắm, mệnh mông lấm bên kia bước chân tao. Tao có cảm giác một hôm bước đi có thể sảy chân và sẽ bay bổng vào cái bao la đó.

Shirley siết cứng người ông, tao biết mày muốn về Việt Nam, mày thích đọc sách, và nghĩ tới đồng bào mày, thì muốn gì tao đâu có cản đâu. Không, không

phải vậy, không phải chuyện đồng bào tao, xa lắm, xa rồi, ngoài tầm tay tao mà, chỉ là chuyện tao cảm thấy tao biến mất vào cuộc đời này thôi, tan dần vào đời, vào không gian trước mặt, tao hạnh phúc lắm, không hiểu tại sao, mà rồi phải đi.

Bà Shirley hôn vào môi ông một chập rồi gục mặt vào ngực ông khóc, mày có đi đâu thì cũng nhớ cho tao địa chỉ, số phone này nọ, rồi tao sẽ đi tìm mày dù ở bất cứ nơi đâu. Chỉ cần mày nói, tới đi, hoặc mày đang bệnh nằm ở đâu hoặc nhớ tao hoặc cần bất cứ cái gì tao có, cứ gọi tao, tao sẽ bỏ hết mọi chuyện trên trần gian này chỉ để chạy theo mày. Bà bầu chặt vào vai ông Tâm, làm sao tao sống được nếu không có mày trong đời tao. Ông đã hứa sẽ liên lạc thường xuyên, sẽ gọi tên Shirley mỗi khi gặp tai nạn trên đời này.

Ông Tâm có vài người bạn ở rải rác trên nước Mỹ, nhiều người còn ở Việt Nam. Ông dự định lái xe xuyên bang về miền Tây. Mình sống được trong mọi hoàn cảnh kia mà, ăn ngủ trên xe cả năm cũng vui được vậy, ông tự nhủ trong khi sập cánh cửa sau chiếc pick-up. Ông nhớ những ngày ngủ ở ven rừng hoặc chòi canh ruộng. Không có gì vui mà cũng không có gì buồn hết, ông chỉ đơn giản không phân biệt rắc rối nữa.

Trong xe chỉ có mấy cái mền, hai va li áo quần, một thùng sách. Ông bấm khóa khi ngồi vào tay lái, mình có nên gọi Shirley nhảy lên xe đi luôn không, hay là ghé nhà nó ngủ một đêm gọi là vĩnh biệt. Mắt ông nhìn ra xa, những rặng núi xa vươn đỉnh cao che khuất từng phần cái xa lộ đẹp nhất nước Mỹ làm thành các đường viền như vẽ những đôi mắt phụ nữ. Lủng lẳng giữa xe, treo kiếng chiếu hậu là tấm thần chú chín chữ Chuẩn Đề do ông ép plastic khi mới mua xe, có mấy chỗ sứt bên mép trái chữ Phạm thứ tư. Ông bật máy và chạy đi, mình thương nó gần chết, nhưng thôi để lúc khác nhớ.

Trước mặt đầu xe là những thế giới chưa thấy, ông tự nhủ như vậy để tự nhắc nhở về thói lái xe ẩu. Ông đã định sẵn lộ trình về miền Tây rồi. Đầu tiên là qua New York City chơi trước đã. Ông muốn vào Greenwich Village chơi một đêm. Ông muốn hít thở không khí Âu Châu ở đây, dạo quanh khu Washington Square nửa đêm, vào những con đường chật hẹp, đông đúc. Thỉnh thoảng dư thì giờ, ông lại về đây, lái xe mấy tiếng đồng hồ rồi nhảy xuống phố như trong phim cao bồi, trở về đây, đất của bọn nghệ sĩ, nhà văn lang thang và cả của những nhà tư tưởng cách mạng.

Gió mát lạnh luôn vào xe qua những kẽ gió. Ông hít những hơi thật dài vào bụng. Mình đi đường trường phải giữ đúng phép thở chứ không thì dễ mệt lắm,

ông nhớ tới những ngày còn thơ ấu khi tập đủ các phép thở, hơi ngắn, hơi dài, hơi sâu, hơi nhẹ, một lỗ mũi, hai lỗ mũi... Ông nghĩ tới phong trào Beat Movement còn rơi rớt lại với những tên họa sĩ ngồi ngoài đường số 6. Trước kia cũng có một thời ông ngồi ở đó, mỗi chiều cho tới hai, ba giờ sáng, khi trên đường ngời khách hẳn. Mỗi bức chân dung đen trắng ông vẽ được trả mười đồng, sống cũng được một ngày. Ông đã gặp nàng ở đó. Một đêm đã rất trễ, những người khác chuẩn bị cuốn đồ nghề để về. Một người phụ nữ Á Châu tới đứng trước mặt ông. Ánh đèn đường chỉ soi được nửa khuôn mặt nàng. Ông đứng dậy như phản xạ, ngây ngất vì vẻ đẹp dị thường của nàng. Ông thấy nàng nửa như quen thuộc, nửa như xa lạ. Nàng mặc váy ngắn, màu cà phê sữa nhạt. Tay xách bóp đen, nàng nở nụ cười nhìn ông.

Lâu lắm rồi, dạo đó cũng mười mấy năm rồi. Bảy giờ đang ồ ạt các đợt thuyền nhân, nhưng người Việt ở New York còn ít. Và bảy giờ thì ông Tâm cũng còn là một trung niên họa sĩ, sống bằng nghề vẽ chân dung, nhưng vẫn làm việc chuẩn bị cho các cuộc triển lãm trên những lầu phố Broadway. Ông tự tin vào tài năng và đam mê của mình. Ánh sáng trắng nhạt nhạt một bên má nàng. Nàng đứng im trước mặt ông như pho tượng, nụ cười nở to, nhìn thẳng vào mắt ông. Nàng phải thuộc lớp thượng lưu,

ông đoán vậy. Nét mặt thanh tú, sóng mũi cao hơi gãy nhẹ, vàng trán thông minh, và đôi mắt cực kỳ ngây thơ. Ông đoán, với cách ăn mặc thanh nhã và gọn gàng như vậy, nàng hẳn đã ở Mỹ lâu rồi.

“Thưa cô...” Tự nhiên ông nhận ra ông đang nói bằng tiếng Việt. Ông ngập ngừng rồi chuyển sang tiếng Anh hỏi, giả thiết như họ là người Tàu hay Nhật. Ông hy vọng sẽ nghe một câu trả lời Việt Nam.

“Tôi cần một tấm chân dung.” Nàng trả lời rành rẽ bằng tiếng Anh. Ông hơi thất vọng, đáng lý ra nàng là người Việt thì hay hơn biết bao. Ông mời nàng ngồi, và gọi chuyện. Ông sửa soạn bút, mực, kẹp giấy vào khung. Nàng là người Nhật, ở Mỹ cũng mười năm rồi, làm việc cho một ngân hàng.

Nàng duỗi đôi chân ra, vớ lụa màu da bóng lên dưới ánh đèn. Ông hơi ngạc nhiên, đáng lý ra chân nàng phải cong, người Nhật thường có chân cong. Ông không tin là ông đang ngồi trước mặt nàng, ông nói cho nàng biết như vậy, giải thích thêm là nàng quá đẹp. Ông nói, ngồi đây, trên chiếc ghế nhỏ, dưới ánh trăng đỏ lửng đang lẩn khuất sau cạnh các buildings, các chung cư hàng chục tầng, nàng là cái gì không thật, cái gì cực kỳ mơ hồ, hoặc ngược lại cũng được, ông lúng búng giải thích, chính nàng mới là cái thật muôn đời, và đang làm hư hóa tất cả thế giới chung

quanh. Ông ngạc nhiên thấy mình đang dùng những ngôn ngữ phức tạp, trừu tượng, nói chuyện với một người lần đầu mới gặp. Ông hỏi nàng ngồi có thoải mái không, có thể nhúc nhích một chút cũng được nhưng đừng đổi vị trí.

Ông nói với nàng, tôi đang nói nghiêm trang đấy nhé, đây có thể là bức tranh đẹp nhất tôi đang vẽ. Ông đổi sang giọng đùa nghịch, hoặc tôi bán tấm này giá trăm lần bình thường hoặc tôi tặng không. Ông vẽ thật chậm, từng nét, có lúc im lặng cả năm phút, có lúc như nín thở rồi lại thở phào ra và mở miệng đùa một hai câu.

Ông xúc động, người choáng ngợp và căng đầy dưỡng khí, nhìn từng nét trên người nàng. Hàng ren đấng ten váy lót lộ ra dưới đầu gối nàng. Ông như nhìn thấy cả cánh mũi nàng đang phập phồng. Cặp độn vai và lồng ngực xinh xắn cử động theo nhịp thở. Gò má bầu bĩnh. Những ngón tay vòng quanh đầu gối thon, đầy.

Tới nét cuối cùng, ông đứng dậy, xoay tấm tranh ra cho nàng xem. Tôi không thể vẽ được tấm thứ nhì như thế này được nữa, ông nói. Nàng hỏi giá. Ông nói chỉ tặng nàng thôi. Nàng dúi vào tay ông năm chục. Lúc đó là năm 1979, năm mươi đô la là nhiều lắm. Nàng cảm tấm chân dung và bước về hướng Brooklyn. Tưởng đi gọn gàng, uyển chuyển, lộ ra

đôi móng nhỏ nhấ dưới lớp vải lụa và bóng đêm hắt xuống. Khi nàng khuất sau những cột đèn vàng, ông như còn nhìn thấy nàng đang đi trên đường, gõ từng gót giày đen xuống mặt đá, hàng ren đang ten dưới gấu váy phát phơ trên đầu gối nàng.

Ông thở dài, vậy mà mười mấy năm rồi. Ông nhìn vào kính chiếu hậu, hàng hàng xe đã bật đèn lên. Trời đã chuyển về đêm. Ông mở đèn xe. Shirley thường trách ông cái tật lái xe ẩu, nhận bao nhiêu giấy phạt cũng không chừa. Ông nhớ hồi chiều, câu cuối cùng Shirley dặn dò lại là coi chừng cảnh sát xa lộ. Khổ vậy, chẳng romantic tí nào, ông lầu bàu và mỗi một điều Winston.

Buổi trưa hôm ấy, khi còn nường ngủ trên cái giường hôi như ổ chuột, ông mở TV đài số 5 xem tin. Tin về các cuộc khủng bố, không tặc. Ông lầu bàu khi nghe tin chiến tranh Trung Đông có thể bùng nổ nếu cứ cái màn khủng bố và bắt con tin tiếp diễn. Chiến tranh ở biên giới Tàu Việt. Bắc Kinh tuyên bố đang cho Việt Nam một bài học. Ông Tâm bản khoãn, đất nước nhiều nhưng quá, nhiều khi nổi giận muốn to tiếng chửi thề cả thế giới này.

Con nhỏ xướng ngôn viên bắt đầu vào tin địa phương. Debbie Johnson, hoan hô em, hoan hô em xướng ngôn, em đọc tin, em Debbie, ông Tâm nói với người đang ngồi trong TV. Debbie đọc tin tai

nạn xe rạng sáng nay. Một người đàn bà Nhật đang đi trên hè bị một chiếc xe truck cán lên nát người, trên tay còn cầm tấm chân dung nét mực còn tươi, rách tan ra. Cảnh sát đã bắt tên tài xế trong tình trạng say be bét. Ông Tâm lặng người đi, hai bàn tay như tê lạnh ra. Ông nhớ tới hình dáng nàng ngồi đêm qua, trước mặt ông, nghiêm chỉnh, gấu váy phát phơ lộ ra hàng răng ten. Ông nhớ tới lời ông nói với nàng, đây là người đàn bà đẹp nhất mà ông đã gặp, và đây là bức tranh có lẽ là đẹp nhất của ông. Ánh đèn đã tắt xuống người nàng, cắt những vùng ánh sáng trên mặt nàng. Ông nhớ có lúc ông đã im lặng cả năm phút, thở đầy hạnh phúc trong lồng ngực, nhìn nét ngồi nghiêng của nàng.

Khi nàng đứng lên, cách đưa tấm giấy 50 đô la kiểu rất là Đông phương, dúi vào tay ông và quay đi. Ông nhớ ông đã nhìn theo nàng, sau lưng, dáng đi uyển chuyển, đôi mông thon, gấu váy phát phơ. Ông đã tự nhủ, chắc không còn người đàn bà nào đẹp hơn nữa.

Và bây giờ thì cô nàng đã nát tan dưới bánh xe truck rồi. Ông vẫn có cảm giác hình ảnh nàng vẫn còn lơ lửng trong không gian, ở đâu đó trên Washington Square. Tự nhiên ông muốn ới và nghệt thở, người nóng hầm hập. Ông nằm bệnh liệt giường suốt một tuần, mỗi khi mở mắt ra vẫn hình dung dáng nàng ngồi trước mặt ông, trong tấm tranh.

Ông đập mạnh ga. Tấm thần chú chín chữ Chuẩn Đề treo nơi kính chiếu hậu lắc lư. Shirley cứ thắc mắc có phải đó là những chữ của black magic. Ông cứ phải trả lời không. Cũng trên xe này, nhiều lần ông đã ôm Shirley, hôn vào mặt, mũi, vuốt mái tóc bạch kim pha bạc, vuốt thân hình còn khá thanh mảnh, dưới tấm thần chú đó. Ông đã trả lời, không, đây là những chữ của trí tuệ. Bà Shirley hỏi, mày nói cái gì wisdom, giải thích tao coi... Trí tuệ, ông lâu bầu, wisdom, là trí tuệ thôi, mày đừng hỏi lời thôi. Tao không đủ chữ để giải thích những điều mà ngay cả trong tiếng Việt tao cũng lúng túng. Ông nhìn thẳng ra trước đường, sắp tới dòng Hudson rồi, qua cầu là vào New York. Cả những vùng đèn sáng bên kia sông. Tự nhiên nước mắt ông ứa ra. Ông đưa tay kéo cổ áo cao thêm. ■

NGỒI BÊN BÓNG ĐÊM, NGHE LỜI HẢI CẦU TRÊN CẦU ĐÁ

Nơi tôi ngồi, bên kia khung kính là biển. Cát chạy dài, nước liếm từng lượn nhỏ xuống và lên. Cầu tàu đi từng nhịp khăng khiu. Dăm người đi tới lui dưới ánh đèn vàng tỏa trên vai cầu. Tôi nhìn. Sóng vỗ sủi tăm. Phía trong, người ca sĩ Mỹ đứng nhịp chân hát; mặt nàng thật tươi. Người nhạc công da đen bên cạnh thổi chiếc kèn trumpet, môi phùng lên từng câu. Gã Mỹ trắng gõ hai tay lên đàn organ, người gật gù.

“Ông cần gì?”

“Một tí rượu.”

Nàng ca sĩ lại tới những nốt nhạc cao. Nàng ngẩng mặt thật cao, đưa tay hướng về khán giả, những gân cổ hiện lên trên làn da thật trắng, hát những lời thơ thiết. Khuôn mặt nàng thật trẻ, như vị thành niên, chưa thích hợp với giọng khổ đau trên môi nàng.

Chỗ tôi ngồi quá xa nàng để có thể nhìn xem nàng có dùng nhiều phấn son không.

“Thưa ông, rượu gì?”

“Thôi, khỏi rượu. Một ly margarita.”

Khi cô hầu bàn quay đi, tôi gửi thầm lời cảm ơn. Lí nhí trong miệng.

Ngoài khung kính mờ, ánh đèn vàng trên các vai cầu, và sóng đèn theo ven cát.

Maxwell's. Lần trước tôi tới đây với anh T. Người nhà văn già lúc nào cũng cầm theo chai rượu. Lần trước nữa thì tới với D. Những buổi tối, ánh đèn mờ, lời ca vọng từ xa trên sân khấu, và những người hầu bàn mang nơ đỏ.

Lần trước thì ngồi bên quầy rượu, nhìn trực tiếp vào những hàng chai, ly, tách, và hai người pha rượu luôn miệng hỏi và luôn tay pha.

Anh T. đã say, người ngả nghiêng, tóc gân bạc rồi.

“Phải theo tôi tới sáng chứ. Đòi về cái đêch gì.”

Người pha rượu nhìn chúng tôi, miệng mỉm cười.

“Bây giờ là sáng rồi anh ạ.”

Tôi ước mơ được nằm trên giường lúc đó. Trùm mền. Cũng đã uống rượu từ chiều.

“Bố nhắng vừa thôi chứ. Mới chín giờ tối thôi.”

D. im lặng mỉm cười. Lúc nào cũng mỉm cười. Sóng vỗ ngoài kia, nhưng tôi không nghe được những âm thanh đó. Trần gian quá gần, sờ được, nắm tay được, phả hơi thở vào nhau được. Buổi tối. Những buổi tối.

Khung kính đượm sương phía ngoài. Tôi đưa người bên cửa chiếc ghế xe và chờ. Buồn ngủ lắm.

“Anh có muốn đi một vòng biển rồi về?”

“Thôi, về chứ.”

Tôi và các bạn thường ngồi ở quán Hoàng Hôn, những buổi chiều, và có khi cả đêm, tới khi người đừ ra vì cà phê, vì thuốc lá, vì mệt, vì không còn muốn ngồi nữa, hoặc chẳng vì lý do gì cả. Những chiếc ghế đầu thấp, nhìn ra phố, nhìn vào nhau, mơn vệt, sút mẻ. Cách hai căn bên cạnh là quán Bình Minh. Cũng những tên quen mặt.

Những năm đầu 70, tôi mới tập ngồi nhìn buổi chiều. Không có một khoảng thiên nhiên nào trước mặt, chỉ có phố, trước mặt, sau lưng, và khắp chung quanh. Sài Gòn mịt mù dày đặc người và phố. Những ngõ ngách quanh khu Bàn Cờ lúc nào cũng

đưa về nơi không định. Đất nước nghèo và chiến tranh mệt mỏi đến không buồn ngó tới. Buổi chiều ngồi bên hè. Nắng vàng quạch, thê thiết.

Có đêm tôi ngồi đây tới khi không còn ai khác. Bình trà cạn cũng mấy lần. Mấy tên bạn chuồn về ngủ, tìm chút gì để ăn hoặc lo bài vở từ hồi nào. Cô nàng chủ quán, tôi quên tên rồi, xinh xắn, ưa cười, bước tới và bảo là tới giờ đóng cửa.

Tôi lừng lững đứng lên, phóng lên chiếc xe đạp, lại đạp lang thang một chặp. Rồi mới về. Giai đoạn đó, tôi gặp D.

Anh T. thường hỏi tôi về những chuyện vụn vặt loanh quanh. Anh sợ tôi đói, khi không có việc; Và cả khi có việc, thì anh sợ tôi không vui hay bị áp bức. Anh không biết là tôi cũng muốn hỏi anh nhiều điều, nhưng luôn luôn tìm cách ngăn lại những lời. Cũng như tôi lo ngại về sự cô đơn của anh, về lá gan rượu tàn phá từ nhiều năm, về những nét nhăn như dao khắc trên da mặt, về một ngày sẽ thân cận với hư vô. Tôi bảo, lúc nào cũng vậy, mọi chuyện đều OK.

“Cô này có biết nấu ăn món gì không?”

“Đạ, chẳng biết nấu gì cả...”

“Thì phải học nấu đi chứ.”

“Thế thì đảng ta chả có ai nấu ăn được.”

“Thì cứ mời anh đi quán thôi.”

Những buổi chiều ngồi bên bờ biển, có khi một mình, tôi nhìn ra sóng. Nơi đây nửa thế kỷ trước, người ta nói là chỗ hải cẩu về tắm mỗi chiều trong vài tháng mỗi năm. Bây giờ còn để lại một pho tượng hải cẩu nằm trên cầu đá.

Tôi chỉ cho D. con hải cẩu đá, một lần khi gặp lại.

“Người ta thích để lại một cái gì trên dòng thời gian. Bây giờ người ta không biết bày hải cẩu năm xưa ở đâu. Nhưng họ gọi đây là Seal Beach, và khắc một tượng đá cho hải cẩu.”

“Có cái gì vượt thắng được thời gian?”

Tôi nhìn D. Hai mươi năm gặp lại. Tôi tự hỏi có cái gì còn tươi mới? Đôi mắt nhìn thẳng, tin tưởng vào cuộc đời. Mái tóc ngắn một lần tôi khen trên phố Lê Lợi vẫn như giữ nguyên nếp. Làn da mặt khéo giữ. Nhưng lưng bàn tay đã có nhiều nếp nhăn hơn.

Tôi muốn nói một câu hơi cái lương, cực kỳ cái lương, chẳng hạn như tình anh với em, nhưng thấy hơi tức cười vì tình tôi với ai cũng như đường bất tử.

“Chẳng hạn như lòng anh đối với cuộc đời. Không tăng không giảm. Chẳng hạn như vậy. Như biển trào, như nước lũ.”

Thấy D. có vẻ im lặng, tôi tìm lời thêm.

“Bởi vì không gì có thể so sánh và vì luôn hiện hữu nên mới gọi là không tăng không giảm.”

D. giễu thêm, lộ hai chiếc răng khểnh, dùng đúng ngôn ngữ nhà Phật tôi ưa xài đầu thập niên 70. Bảy giờ trời tối rồi, chỉ còn ánh đèn trên các vai cầu và ánh sáng trong mắt nàng.

“Và vì không sạch không nhơ, bất cấu bất tịnh thị cô không trung...”

Tôi ôm nàng và xiết chặt. Bờ vai mềm, hơi ấm trong người nàng làm dịu lại gió xa từ biển.

“Em là con hải cầu của anh...”

Anh T. bảo tôi và D. chở anh ra phi trường. Anh phải đi Seattle thăm vài người bạn.

Khi rời quán Long Phụng Lầu, anh đã say mềm. Chúng tôi không thích quán này, nhưng chẳng hề nói cho anh biết. Đối với những người đã viết hơn 60 tác phẩm, tôi không thích nói về những chuyện

nhảm nhí như ăn ở đâu ngon đâu dở. Anh T. bảo quán này cũng chỉ được thôi, nhưng khỏi mất công đi đâu xa.

“Cũng chẳng lừng lẫy gì lắm.”

Kiểu anh nói, hoặc có khi.

“Chưa ghé góm vào đâu. Ăn tím sấm chỉ có vào Chợ Lớn là số một. Hồng Kông, Nhật, Đài Loan gì cũng thua Chợ Lớn mình cả chứ.”

D. lại sợ những món Tàu. Nàng nói nhỏ với tôi.

“Mỡ nhiều kinh khiếp quá.”

Tôi thì ngồi ở đâu cũng được, ăn món gì cũng ngon.

Anh T. đi dáng ngả nghiêng. Tôi mở cửa xe cho anh vào và hơi quan ngại, tí nữa anh có đủ tỉnh tìm đúng chuyến bay. Đêm trước, lúc gần nửa đêm, chúng tôi ngồi ở Maxwell's, anh T. nói lung tung với người pha rượu và đi không nổi nữa. Tội nghiệp tên kia chẳng hiểu bao nhiêu. Khi anh đứng dậy đã gần như té ngã vào những bàn ghế gần đó. Tôi đã dìu anh vào một ghế ngồi và đứng vòng tay sau lưng anh. D. ngồi đối diện anh và chờ. Nàng vẫn cười như lúc nào. Nụ cười không đổi trong trí nhớ tôi. Hiền, ngoan, và lúc nào cũng vui.

“Chúng mày phải ngồi uống luôn tới sáng chứ.”

D. và tôi chỉ im lặng, nhìn nhau cười. Anh lầu bầu, đầu như sắp gục lên bàn.

Khi đưa anh về, anh nói nhiều về cuộc đời. Anh nói, có lần tôi bảo thằng pha rượu là tôi cũng đỡ bao nhiêu mồ hôi mới sống còn được, tôi là nhà văn, nhà báo, cũng lao động mềm người ra. Tôi đoán là những khi đó, anh có thể khóc được, nhưng chưa bao giờ tôi gặp anh khóc.

Đường ra phi trường thì tôi quen lắm. Tôi phóng như bay, không suy nghĩ. Anh bảo giọng lè nhè, phải qua trái tí mới vào 405 South. Tôi không trả lời, nhưng nghĩ phải vào mặt mới vào 405 North, đây mới đúng là lối gần nhất vào phi trường Los Angeles.

Đi cũng gần nửa đường rồi, sắp tới chỗ giao đường 91. Anh nói gần như gầm lên, hơi rượu chắc cũng tan lâu rồi.

“Đi sai rồi chứ. Phải đi về 405 South chứ.”

“Anh yên tâm. Đây là lối gần nhất về phi trường.”

“Nhưng ngược chiều rồi. Chúng ta chỉ cần 15 phút là tới sân bay chứ.”

Tôi vẫn rú ga như bay, nhưng lòng hơi ngờ vực.

“Anh nói phi trường Los hay John Wayne?”

“John Wayne chứ.”

Tôi và D. phía sau cố nén cười. Vậy là tôi nhằm phi trường.

“Em cứ tưởng. Anh chờ chút, em quay đầu ngay tức khắc.”

Tôi vòng xe lại, và nghĩ là tôi say dù hôm đó không uống tí nào cả. D. thấy rõ là đang cười.

“Anh lúc nào cũng cứ như say.”

“Ừa, không bao giờ anh tỉnh nổi.”

Khi dừng trước cửa hành khách, anh nhảy xuống, bước vào, và xua tay đuổi chúng tôi về.

“Tụi em ngồi với anh một tí.”

“Về đi chứ.”

D. phóng lên ngồi cạnh tôi và cười gằn chết.

“Tụi mình như những con hải cẩu.”

Tôi vẫy tay chào anh T. và vọt đi.

“Ừa, chỉ có một mùa để đến với cuộc đời, và có thể không một pho tượng bên cầu.”

Tôi nhớ, tôi chỉ mới gặp D. ba năm nay, nhưng biển đã có từ nhiều triệu năm rồi. ■

BÀN TAY TRÊN CAO

Năm tôi lên Đại Học, chiến tranh đã lan rộng khắp nơi. Lúc đó là hai năm sau Mậu Thân, người ta nói về những cuộc động viên và tin tức chiến sự mỗi ngày. Nhà tôi ở cư xá Hỏa Xa, đối diện với Quân Vụ Thị Trấn. Mỗi chiều đều có hàng đoàn xe GMC đưa thanh niên từ đó rời thành phố.

Bạn tôi, nhiều người lên đường và khi về phép thăm nhà đã mang thêm một số ngôn ngữ lạ. Họ nói về những cánh rừng biên giới, về đồn bót, về sinh lầy miền Tây, về những cuộc xung phong giữa mưa đạn, về người chết, và đàn bà. Tôi nghe ngạc nhiên và thấy mình không hiểu bao nhiêu về cuộc đời. Bây giờ tôi vừa mới quen Mai.

Mai học Gia Long lớp đêm. Những năm này thành phố không đủ trường cho học trò. Hàng lượt người đổ xô về Saigon vì chiến tranh. Mỗi chiều tôi đợi nàng trong sân chùa Xá Lợi. Chúng tôi nói chuyện hoặc đi dạo cho tới giờ nàng vào lớp. Em gái Mai là Miên, học sau hai lớp, thường đứng bên kia đường với chúng bạn. Thỉnh thoảng Miên nhìn qua chúng tôi.

Tôi nói vụng về, cứ lắp bắp chẳng ra đâu vào đâu. Cũng không có gì để nói, thường là chuyện học hành thi cử. Có khi tôi hỏi chuyện gia đình nàng. Cứ đứng bên nhau chừng mười phút thì hết chuyện, nàng lại hỏi về các lớp tôi học. Tôi nhắc lại những tên sách đã đọc tới lần thứ mấy ngàn cho nàng nghe.

Thường khi chúng tôi cũng im lặng, nhìn buổi chiều trôi đi trước mặt và lắng nghe hạnh phúc ngấm vào thịt da. Năm chúng tôi mới quen nhau, trời gió lớn và lá rơi nhiều hơn bình thường. Tóc Mai xỏa chằm vai. Mắt nàng to và lúc nào cũng có vẻ buồn. Có lần tôi nói, điều đó thích hợp với mùa thu và khung cảnh quanh trường. Nàng nói, ừ thì có sao đâu. Tôi thích nghe câu này, nó dùng được cho mọi trường hợp. Và luôn luôn trước khi vào trường, nàng nhìn thẳng vào mắt tôi, cười thật tươi một chập rồi quay đi.

Chị em nàg đi xe trường. Xe luôn luôn đến sớm khoảng mười lăm phút. Thời gian nói chuyện của chúng tôi thật ngắn ngủi. Nhưng nếu dài hơn thì cũng vậy thôi, vì có khi cả hai im lặng hằg nửa giờ rồi lại nói bằg quơ về chuyện nhà với lớp.

Những con đường quanh trường trồng cây trắc bá, khổng lồ và cao vút, kêu xao xác khi gió ủa đến và đổ xuống từng đợt lá. Chúng tôi đứng bên hè phố, giữa bao nhiêu người khác, có khi bên xe đậu đỗ bánh lột, ồn ào nhì nhằng và cảm được một thế giới riêng, trong đó thật vắng lặng như trên phố không có bóng một người và nghe được cả tiếng cựa mình của lá.

Năm đó chúng tôi còn nhỏ quá, không hiểu chuyện gì đang xảy ra, trong cuộc đời và cả trong lòng mình. Những ngày như vậy trôi qua, đó là niềm vui cảm nắm được, nhìn thấy được, trước mặt, bên kia đường, bay lượn trên hè phố và lảng vảng quanh chúng tôi. Đứng bên nhau, đi bên nhau, nói vu vơ hoặc im lặng, hít thở buổi chiều, nhìn lá vàng rồi chia tay. Giữ lại trong tôi giấc ngủ mỗi đêm là mái tóc xỏa ngang vai và đôi mắt to.

Có khi tôi đón nàg tan học, lúc đó là mười giờ đêm, phóng xe đạp đuổi theo xe trường. Mai lại chòm người qua cửa sổ, đưa tay vẫy vẫy và cười thật

tươi, cho tới khi tôi chịu thua phải đi chậm lại. Lần nào cũng mệt đừ nhưng lòng vui lắm.

Mùa hè năm đó, tôi tham dự khóa đầu tiên của chương trình Quân Sự Học Đường. Áo quần súng sính, nào có vừa đâu, nhưng cũng chẳng cần vì phải trả lại cuối khoá. Tôi thấy vui vui, hình như mình cũng là người lớn. Biết một tí súng ống, vượt mấy đoạn đường chiến binh, đi tới đi lui trong hàng, hát ca và đùa giỡn. Mỗi khi mệt nhọc tôi lại nhẩm nha câu nói của nàng, ừ thì có sao đâu, và nhớ tới mái tóc xỏa và đôi mắt to.

Mỗi cuối tuần về nhà, tôi lại ra lang thang ở sân chùa Xá Lợi. Khắp các đường quanh đó đều im vắng vì trường đóng cửa mùa hè. Tôi ngồi trên ghế đá đọc sách cả buổi, có khi cả ngày. Khi mệt thì nằm lăn ra hành lang ngủ, đôi tôi ra góc đường mua bánh mì ăn. Có khi vào bếp nhà chùa xin cơm nguội, vì trước kia tôi cũng từng chẻ củi hoặc canh thức ở Tang Nghi Quán giúp anh Tư, người coi mọi chuyện công quả trong chùa. Tôi là tên học trò quen mặt ở đây. Nhưng cũng chẳng cần quen mặt hay biết tên, vào những ngày công chuyện bề bộn như thuyết pháp hay hội hè, anh Tư và có khi cả ông cụ bác sĩ Diệp cứ chỉ tay bắt những tên thanh niên đứng gần làm mọi chuyện lật vật bất ngờ. Nhưng buổi chiều và tối là của tôi, một mình ngồi nhìn mùa hè và cây lá, và mong có khi nào bắt chợt nàng hiện ra trước mặt.

Tôi nghĩ tôi có thể đến nhà Mai để nói chuyện, nhưng thấy có gì cản trở, ngại ngại. Không phải vì bộ áo nhà binh làm tôi xa lạ, chỉ vài tuần thôi rồi trả chú nào có mặc lâu, nhưng ngay cả lúc thường cũng vậy, như dường chúng tôi chỉ có quyền gặp nhau ở ngoài đường. Thứ nữa nàng có cho biết nhà và không dặn dò gì đặc biệt. Tôi đoán nàng cũng mong tôi đến thăm. Tôi nghĩ, ừ thì có sao đâu, nàng sẽ nói thế với cả ba mẹ nếu hôm nào thấy tôi lừng lững bước vào mặc cho ông bố sĩ quan Hải quân rất mực kỷ luật như nàng thường bảo. Nhưng tôi lại ngồi đây, cô đơn, giữa đất trời vắng lặng.

Tuần cuối cùng của chương trình, Mai đạp xe tới chùa và gặp tôi đang nằm trên ghé đá. Mai mở to mắt ngạc nhiên. Lòng tôi vui vô hạn, cũng mấy tuần rồi không gặp. Lần đầu tiên tôi thấy nàng không mặc áo dài. Trong bộ áo sơ mi hồng nhạt quần tây nỉ xám, nàng lạ hẳn đi, nhanh nhẹn, vững vàng, quyết đoán. Tôi lúng túng giải thích là đang nhìn buổi chiều và chờ đêm tới rồi sẽ ra công trường Dân Chủ đón xe đò lên Quang Trung. Không ngờ Mai tới, tôi nói, Mai có phải là bóng đêm đâu. Nàng hỏi chuyện quân trường. Tôi nói không có gì. Chúng tôi ngồi suốt buổi chiều, không biết làm chi, cứ hết nói bâng quơ rồi lại im lặng.

Đêm xuống. Mai nói phải về, không thì mẹ trông mà anh còn phải đi nữa. Tôi đưa nàng ra cổng tam quan.

Bên kia là trường Gia Long với tường vôi vàng ngả xám, loang lổ dưới ánh đèn đường. Mai đứng nhìn thẳng vào mặt tôi. Tôi mới nhớ ra, từ chiều giờ tôi chưa nhìn thẳng vào mắt nàng bao giờ. Mai nói khi người ta nhìn vào mắt nhau, ai thành thật thì không chớp mắt. Tôi nói không biết. Chúng tôi đứng nhìn chăm chăm vào mắt nhau. Tôi cố giữ để khỏi chớp mắt trước. Mắt nàng to, long lanh ánh đèn đường. Mái tóc xỏa vai, bay theo gió đêm.

Tôi ước mơ có thể đứng thêm nghìn năm, bên hè phố, dưới đèn đường, nhìn vào mắt nhau, bất động như hai pho tượng. Khuôn mặt nàng nhợt nhạt vì ánh đèn, chiếc áo hồng nhạt đổi sang màu tím. Nàng lạ hơn mọi ngày, và tôi nữa, tôi đoán thế. Chúng tôi đứng nhìn nhau. Nàng ngược nhìn lên vì tôi cao hơn nửa cái đầu. Không khí chung quanh như đóng băng lại. Tôi cảm được hơi lạnh ở làn da và hơi ẩm trong tim. Tôi không dám cử động sợ làm rạn nứt không gian. Tôi trực cảm rằng hình ảnh này tôi đã thấy từ lâu lắm rồi, có lẽ cả triệu năm trước và theo đuổi cho tới hôm nay. Bây giờ thì gặp lại, cũng mái tóc bay theo gió đêm, cũng đôi mắt to nhìn lên, cũng hè phố dưới ánh đèn đêm, cũng lá đèn xao xác trên cao và tôi cũng bộ quân phục vụng về. Tôi sợ hãi và cũng đồng thời hạnh phúc nhìn thấy từng mảnh tiền định đang rập lại. Chúng tôi nhỏ bé quá trước những điều không hiểu được.

Tôi không biết ai chớp mắt trước nhưng nàng đưa tay ra và tôi bắt lấy, xiết thật chặt. Lòng cảm động vô ngần, tôi nói thầm, cảm ơn em. Bàn tay nàng nhỏ nhắn và mát lạnh, có lẽ vì gió đêm và sợ hãi. Thôi mình chia tay, nàng nói, để anh còn đi, sao anh không nói gì cả. Tôi nói, phải chi mình cứ đứng như vậy hoài, suốt đời. Tôi vẫn giữ tay nàng, đây là lần đầu tiên chạm vào thịt da nàng. Xiết tay thật chặt rồi buông ra, tôi cảm được những luồng điện chạy trong tay. Tôi thấy bàn tay như lơ lửng trong không gian, không còn thuộc về mình nữa.

Khi nàng đạp xe đi, tôi thấy đời lạ như một giấc mơ. Như một trận gió xô tới rồi bay đi, nhưng sao là không có thật vì cả đất trời, trong tôi và ngoài tôi đã thành lạ khắp. Bàn tay vẫn giữ được cảm giác kia, nhỏ nhắn và mát lạnh, như bị tách rời ra, không còn thuộc về thân xác tôi nữa.

Đêm đó tôi đi lang thang. Chân đi không dừng được, sợ là người có thể vỡ tung ra vì hạnh phúc. Tôi nhớ tới chuyến xe lam cuối cùng lên Quang Trung nhưng thôi, mặc kệ tất cả. Tôi cần có một đêm riêng cho mình, một nơi chốn riêng để giữ lại thế giới tôi vừa bước vào. Tôi muốn đêm dừng lại và ngày đừng tới, để còn giữ được hình ảnh kia trong mắt và còn cầm nắm được bàn tay kia, nhỏ nhắn và mát lạnh. Tôi hít thở gió đêm, hạnh phúc ùa vào người, cả thế giới của trăng sao của cây lá vi vu của đèn đêm phố

vắng tan vào da thịt. Tôi đi cho tới nửa đêm thì quay về chùa, còi hụ giới nghiêm rồi. Tôi không muốn về nhà, mẹ sẽ hỏi đủ thứ chuyện rồi lo lắng lung tung.

Tôi leo công sắt vào chùa và lên lầu nằm trước thềm chính điện. Cây ngọc lan cao vút ngả nghiêng xào xạc. Phải chi có chút hương hoa, cũng lạ, tôi nghĩ, buổi tối thật đẹp và im vắng. Những cột đèn nê ông chiếu ánh sáng xanh nhợt nhạt trong sân. Chỗ tôi nằm hơi tối, hy vọng nếu có ai thức dậy đi dạo cũng không thấy được. Nếu không thì cũng phải kể lể dài dòng. Tôi muốn thức trắng đêm nay, hình dung lại khuôn mặt của nàng, cách đứng nhìn lên của nàng và giữ lấy cảm giác mềm mại và nhỏ nhắn trong tay. Phải chi thế giới ngừng lại, ngày mai ai biết ra sao.

Tôi ngủ quên lúc nào không hay, khi tỉnh dậy trời chưa sáng hẳn. Tôi ra đón chuyến xe lam sớm để lên quân trường. Tôi bị phạt chạy suốt buổi sáng hôm đó, cũng may không có hình phạt dã chiến cho sinh viên. Mồ hôi nhễ nhại, tay ôm súng, chân chạy không thôi nhưng lòng tràn ngập niềm vui. Hình ảnh Mai vẫn hiện trong không gian, trước mắt tôi. Mái tóc lòa xòa bay theo gió đêm, đôi mắt ngược nhìn lên, bướng bỉnh không chớp và bàn tay.

Tôi không gặp Mai những ngày đầu niên khóa kè. Tôi vẫn đứng chờ bên đường và đập xe vòng các cửa trường Gia Long. Có thể nàng đã đổi trường,

nhưng sao không nói với tôi một lời. Tôi mong điều đó đúng, còn hơn là vì lý do nào nàng không muốn gặp lại. Tôi cứ suy nghĩ lung tung với lòng lo lắng. Đường phố vẫn những đám học trò nữ tụ tập. Cũng không thấy cả Miên, tôi đoán cả hai đã chuyển trường cho học phí nhẹ đi hoặc để học ban ngày cho tiện. Tôi ngồi ở tam cấp chùa nhìn qua, có khi nước mắt như ứa ra. Tôi nhớ tới buổi tối hôm đó và nghĩ, phải chi hôm đó ôm hôn nàng. Mình ngốc nghếch quá, dở quá, tệ nhất thế giới đấy, tôi tự trách mình. Nàng không hề biết mình đã bị phạt mệt như gì, chỉ vì một lần cầm tay tôi có thể chịu được mọi thứ tai ương trên đời.

Tôi đạp xe quanh nhà nàng vào những giờ khác nhau mong có khi nào gặp được. Những con hẻm Nguyễn Thiện Thuật xô bồ, đông đúc và quanh co trăm lối rẽ. Tôi đi cả tuần như vậy cũng không gặp hai chị em. Tôi không dám bước vào nhà hỏi, sợ có khi nào nàng sẽ trách. Có thể Mai đã quên mình hoặc không muốn gặp lại hoặc vì bận rộn ở nơi trường mới, ai biết được, tôi nghĩ vậy.

Năm đó tôi đi học một cách buồn nản. Những ngày vừa qua như không có thật, nhưng bàn tay tôi, bàn tay đã một lần cầm nắm hạnh phúc và để vuột đi, vẫn còn đây, trước mặt và lơ lửng trên cao vì đã thuộc về nàng. Tôi vẫn tiếp tục cầm sách vở nhưng bàn tay ấy đã che mắt chữ, từng hàng, từng trang.

Ngực tôi nhói lên mỗi khi nghĩ rằng có khi nào mình đã làm điều không phải. Cuối năm tôi nhập ngũ theo lệnh Tổng Động Viên.

Tôi đóng quân ở Ban Mê Thuột. Núi rừng buồn và lạnh. Đường phố bụi mịt mờ. Tôi làm Thủ Quỹ cho Công Binh Sư Đoàn 23. Công việc cũng không có gì phức tạp. Có nhiều thì giờ để đọc sách và dạo phố. Thỉnh thoảng nhớ tới nàng, tôi lại đi lang thang. Có chuyện gì bất như ý, tôi lại nghĩ, ừ thì có sao đâu, giọng nói ngang ngang của nàng lại vọng bên tai.

Một lần về phép, tình cờ gặp Miên trên phố, tôi được biết Mai đã lấy chồng. Tôi không dám hỏi thêm điều gì, sợ nghe thêm về nàng. Miên nhìn ái ngại, cho biết Mai thỉnh thoảng vẫn nhắc đến tôi. Tôi bối rối cảm ơn và chúc hai chị em vui. Tôi làm ra vẻ đùa, còn em nữa nhớ học giỏi mau ăn chóng lớn chứ. Tôi quay đi và quên hỏi có phải năm trước hai chị em đã chuyển trường. Đêm đó tôi về nằm ngủ như chết và ước mơ phải chi mình đừng thức dậy. Sáng ra nhớ tới chuyện hôm qua, tôi áy náy vì đã không nói được cách nào suông sẻ hơn để Miên thấy là mọi chuyện rất là bình thường, thật bình thường, không có gì gọi là tội nghiệp. Mà đã có gì đâu, tôi tự nhủ, còn mình phải tỉnh mới được. Phải tỉnh mới được, tỉnh như Tây ấy, tôi lặp lại với chính mình suốt ngày. Đầu vầng vất như say, tôi ngồi bên bữa ăn trưa và cứ nhợn nhợn muốn ói. Chịu thua

thôi, tôi đùa với mẹ, ngồi bên cạnh mẹ đủ vui rồi con không ăn nổi gì cả. Mẹ bảo tôi xạo và cười, con gái chúng thích xạo lắm, mà cứ tập kiêu ấy mãi thì được. Tôi mới nhớ trước giờ chưa xạo với nàng bao giờ, mà chỉ toàn lấp bắp với ngu ngơ thôi. Dở lắm, mình dở lắm, tôi tự trách suốt ngày, phải chi hôm trước ôm hôn đại thì tình hình có thể khác đi, nếu không thì cũng có gì để nhớ. Còn chuyện bắt tay thì có sao đâu, đó là phép lịch sự thôi. Tôi giật mình khi nghĩ đó còn là dấu hiệu của chia tay, phải chăng nàng muốn nói điều gì như vậy. Có thể nàng bắt gặp tôi chớp mắt trước nên đã kết luận là tôi không thành thật. Nếu vậy thì thật là bất công, tôi không ưa trò chơi này. Nhưng nếu em muốn, bắt chợt tôi gọi tên nàng, chúng ta có thể chơi lại lần thứ nhì, ai biết được trò này quan trọng như vậy. Nhưng trễ rồi, tôi đâu có thể sống lại những ngày đã qua.

Trời lạnh như ri ở Ban Mê Thuột. Người ta phải mặc áo ấm cả vào những ngày nắng. Tôi tập thêm thói quen uống cà phê. Một tên bạn địa phương dạy cách nếm và phân biệt các loại hạt. Tôi luôn luôn lẫn lộn giữa các mùi và vị rất gần nhau. Buổi chiều ra lang thang ở các phố nồng mùi cà phê rồi về một quán quen thuộc ngồi tới thật khuya. Tôi vẫn chưa quen thuộc núi rừng bao nhiêu, cứ loanh quanh mấy vòng là hết phố. Lần nào đi cũng mệt vì ngõ nào cũng dốc, nhưng ở trại thì chịu không nổi. Khoác áo ấm

nhà binh, bước ra ngoài và nhìn hơi thở biến thành khói, coi mấy trận bi da độ ở phố Lý Thường Kiệt rồi tìm một chỗ ngồi vắng đọc nhẩn nha, những ngày của tôi trôi qua chậm rãi. Có đôi khi ghé chùa Khải Đoan lạy Phật rồi ngồi tựa lưng ở thềm chính điện kéo mũ che mắt ngủ lúc nào không hay. Cũng lạ tôi thấy mình cứ ra đường là tỉnh như sáo, còn ghé vào chùa là phải ngủ gục thối ngay cả khi đang ngồi uống trà với sư trụ trì cũng thấy mắt nhú lại. Sư bảo đó là do nghiệp, có người bên kia che mắt đấy. Tôi đùa, kiếp trước tôi là Bà La Môn ngoại đạo nên bây giờ cứ vô chùa là buồn ngủ. Nhưng tôi biết điều này chỉ mới xảy ra gần đây, có lẽ những kỷ niệm với Mai đã đưa tới sức phản kháng trong tiềm thức, chẳng hiểu ra sao. Cũng không hẳn vậy, vì chỉ thoáng khi tôi mới nhớ tới nàng và lần nào cũng thấy tội nghiệp cho trần gian này, cho nàng, cho tôi và mọi người trong cuộc đời. Biết sao bây giờ, ai cũng nhỏ nhoi trước những điều không hiểu nổi.

Tháng 3-1975, Ban Mê Thuột là chiến trường đầu tiên. Đơn vị tôi đóng ở cây số 3, cầm cự được vài ngày rồi chạy về Phước An để gặp sư đoàn. Pháo nổ liên tục sau lưng, ít đơn vị giữ được hàng ngũ vì đi trong cả đêm và rừng rậm. Tới đây một tuần lại được lệnh chạy về Khánh Dương, hôm sau thì tôi lạc, cứ nhắm hướng Đông Nam mà đi. Qua bao nhiêu rừng và suối với những đoàn dân và lính tan

hợp trên đường, tôi vào được Nha Trang trình diện Trung Tâm 4 Tái Chánh. Có khi nằm trong rừng ngửa mặt nhìn trăng sao và nhớ nhà, hẳn là ba mẹ tôi lo lắng, còn Mai nữa, có khi nào nàng nghĩ tới tôi. Tôi lại nghĩ tới bố nàng, không biết đóng ở đâu, trước giờ tôi vẫn quên hỏi những chuyện như vậy.

Tháng tư, tôi về được Saigon. Cả đất nước hỗn loạn, không ai biết được chuyện của ngày mai. Người ta nói Tòa Đại Sứ Mỹ đã rút đi gần hết. Đơn vị tôi đóng ở Trường Gò Vấp. Được một tuần, tôi quyết định phải thăm Mai, nhớ có khi nàng lo lắng cho tôi. Nếu không gặp thì nhờ Miên nhắn cũng được.

Tôi bước vào nhà ba mẹ nàng ở Nguyễn Thiện Thuật, lúc đó là buổi chiều. May có nàng ở đây, cũng lạ. Nàng đứng bật dậy đón tôi vào. Mẹ nàng nhìn tôi. Bà cụ đôi khi tôi vẫn gặp hỏi đáp xe quanh nhà nàng. Miên chạy ra chào, mới có vài năm mà lạ hẳn, lớn ra. Mai giới thiệu với mẹ rằng tôi có thời dạy kèm cho Mai và Miên ngày xưa. Câu trả lời nhanh nhẹn như được tính toán sẵn từ năm nào. Giữa nhà, một em bé đang nằm tập lật trong nôi. Ngực tôi hơi nhói lên, tôi đoán nàng ẵm con về thăm nhà. Tôi ngồi đối diện với Mai ở bàn giữa. Vẫn mái tóc ngang vai và đôi mắt to, trông Mai tự nhiên và vui hẳn ra. Mẹ Mai lấy ra một cuộn len khổng lồ rồi ngồi đan gần đó.

“Ba em ở đâu, có bình yên không?”

“Ba đang ở ngoài bến Bạch Đằng. Hồi anh ở Ban Mê Thuật làm sao?”

“Thì đánh nhau lung tung, may về đây được.”

Tôi không dám hỏi thăm chồng nàng, hình như có gì không phải lắm trong cuộc gặp gỡ của chúng tôi. Hai tay nàng cứ loay hoay bút xơ của mấy mẫu vải trên bàn. Chúng tôi có khi nhìn vào mắt nhau, lần nào nàng cũng quay đi trước. Tôi tự nhủ vậy là chậm rồi, mình nhớ chỉ cái chuyện chớp mắt trước hay sau.

Nàng cúi xuống bàn, nói giọng thật khẽ.

“Anh có tính chuyện đi ra khỏi nước không?”

“Không, anh không biết. Chưa tính gì cả.”

“Nếu anh muốn đi, chiều mai anh tới đây. Ba sẽ đưa cả nhà cùng với bên chồng em đi,” giọng nàng nghiêm lại,” em sẽ bảo Miên và thằng út đi bên anh. Tại vì ba bảo có bạn nào thân thì gọi đi. May mà hôm nay anh lại.”

Tự nhiên tôi muốn từ chối nhưng không nói được. Mẹ nàng thỉnh thoảng liếc chúng tôi. Nói chuyện một chặp, tôi đứng dậy xin phép mẹ nàng để về. Trời cũng hơi tối. Mai và Miên đưa tôi ra cửa. Nơi ngưỡng cửa, Mai chìa tay ra. Hơi ngần ngừ rồi bắt

tay nàng thật chặt, tôi có cảm giác mẹ nàng suýt làm rơi cuộn len. Bên cạnh tôi, Miên mỉm cười. Tôi đứng nắm tay nàng thật chặt và thật lâu, cảm động giữ lấy cảm giác nhỏ nhắn, mềm mại và mát lạnh. Tự nhiên tôi thèm được ôm nàng, nhưng mọi chuyện đều chậm rãi, mẹ nàng có thể la hoảng lên đấy.

“Miên phải gìn giữ Mai đấy,” tôi quay qua bảo Miên, “Mai điên lắm.”

Khi tôi ra phố, đèn đêm lên rồi. Trước mắt tôi vẫn là đôi mắt nàng, mở to nhìn thẳng như chờ coi ai chớp trước. Gió đêm thật lạnh dù bấy giờ mới cuối Xuân. Bàn tay tôi vẫn lơ lửng trên cao, nơi thật xa của những đám mây.■

MỘT THỜI ĐỂ MÃI VỖ

Một trong những lời tôi được học và đã nhập tâm ngay từ lần đầu nghe tới là Thâm Tín Nhân Quả, nghĩa là Phải Tin Sâu Vào Nhân Quả. Hình như luôn luôn có cái gì đáng sợ trong cuộc đời mà tôi lúc nào cũng cảm nhận được. Không phải là những điều cụ thể như sợ thất bại trong đời, mà là một nỗi lo mơ hồ không rời, đúng ra phải nói là khó rời. Nó như cái định mệnh chụp lên đời người, không cách chi chạy được. Và với tôi nhiều thập niên sau trong đời, tin sâu vào nhân quả là một trong những cách dứt bỏ nỗi sợ trên.

Tôi thường thấy rõ nỗi lo sợ mơ hồ vào những buổi sáng sớm. Thức dậy, pha ly cà phê hoặc trà, và ngồi nhâm nhi lúc bốn hoặc năm giờ sáng. Giây phút này hình như tai mắt tinh tường hơn. Không phải để thấy gì hay nghe gì cụ thể, nhưng nơi đây và giờ này như dường thịt da cảm nhận cuộc đời nhạy hơn. Những năng lực cuộc đời có thể chạy rần rần trên tay, trên chân, và có vẻ như là chúng ta đang đưa tay sờ chạm lấy cuộc đời.

Không phải kiêu nói trừu tượng đâu. Ai cũng có thể kinh nghiệm lạ như vậy, tôi tin điều này. Vào lúc

sáng sớm, hít thở vài hơi sâu vào người thì sẽ thấy và xúc chạm được dòng sông biến dịch của cuộc đời. Nhưng cũng chính từ hạnh phúc này mà nỗi sợ mơ hồ như cụ thể hơn. Tôi thường nghiệm ra rằng cái trừu tượng nhất là thời gian đang đi nhanh hơn, như thể chính tôi đang thọc tay vào dòng sông thời gian quây động.

Không phải là sợ thời gian. Có gì nơi đây đâu. Tôi đã từng được dạy rằng thời gian chỉ là những hồi của vở kịch. Và nếu có ai giữ tâm thức vui chơi thường trực trong vở kịch này thì nhà Phật gọi là giác ngộ, thầy tôi đã dạy như vậy. (Thật lâu về sau này, khi hành nghề “Sơn Đông mã võ” tôi mới thấy mình thật sự đang ở vị trí của người dựng kịch, người đóng vai, và cả người xem kịch, hết như chàng múa võ kiếm tiền phải biết từng lớp lang thứ tự, thí dụ sau nhào lộn đi quyền phải là gồng mình thử dao.) Nhưng điều đáng ngại từ đó chính là tôi không muốn ngủ nhiều nữa. Có cái gì rất chân thực trong chuyện người xưa đốt đuốc chơi đêm. Dĩ nhiên nơi đây tôi không nghĩ đến những thú vui, mà chỉ muốn nói đến cái cảm giác ban sớm ngồi nhìn thấy mình tằm gọi trong thời gian. Ngày vui thì đương nhiên qua mau. Nhưng chỉ có những buổi sáng sớm tôi mới thực sự thấy mình bước đi, ngồi xuống, hít thở, tay chân cất nhắc đều trong vở kịch thời gian.

Đôi khi cảm giác này có vẻ như đang mơ. Không phải là vì giấc ngủ còn ngái ngái đâu. Cả khi thức sự tỉnh chứ. Vẫn có cái gì trong cuộc đời, không phải là làm tôi nuối tiếc, nhưng là làm thâm cảm tới, rửa mặt được, tắm gội được, vũng vầy được trong dòng sông hiện thể. Và chính nơi đây mới thấy rõ hơn nỗi lo mơ hồ.

Thường thì con người sợ những gì không hiểu nổi, tôi đoán như vậy. Và cả những gì người ta cảm được mà không thấy được. Nơi đây, nỗi lo của tôi là cuộc sống. Bình thường trong ngày cũng ít khi tôi băn khoăn hay đặt câu hỏi gì về cuộc sống. Nhưng mỗi sáng sớm, khi thấy từng phân vuông da thịt đang thức tỉnh, những dòng điện chạy trên các khớp xương, những chân tóc rạo rục, tôi mới thấy rõ hơn dòng sông cuộc sống tôi đang tắm gội. Vấn đề tại sao không hiểu nổi, tôi chưa biết.

Nỗi lo sợ này cũng tự nhiên như người ngồi trong gian nhà tối. Và rồi khi đèn bật sáng lên mới thấy nỗi lo sợ cũng tự nhiên biến theo. Về sau, càng gặp nhiều chuyện gay go hoặc tai biến trong đời (nước mình lúc nào mà chẳng có tai biến), tôi lại càng thấy lại được nỗi lo trên. Thấy cụ thể bằng mắt trần, như dường nó hiện thân lơ lửng trước mắt. Và rồi từ từ, càng lúc càng ngấm sâu vào người câu nói Tin Sâu Nhân Quả. Không phải vì cứ chuyện gì không hiểu nổi thì cứ đổ tội cho nhân quả, nhưng tin chỉ vì là

tin, như thể vì từ muôn nghìn kiếp trước đã từng tin. Cũng không phải vì lòng tin này chữa trị được nỗi lo sợ cuộc đời. Nhưng bởi vì nó như là sự thực, thể thôi.

Vài năm nay, trên nước Mỹ, tôi mưu sinh bằng một nghề tương tự như Sơn Đông Mãi Võ. Từ thuở nhỏ, tôi cứ nhớ mãi hình ảnh các chàng võ sĩ Sơn Đông đứng giữa chợ, nơi các ngã tư Chợ Lớn, vung cước đi quỳên, nghĩa là “bán võ” để kiếm sống. Không biết cách so sánh nghề làm báo như kiểu mãi võ có làm ai tổn thương không, tôi chỉ thấy bình thường thôi—tập lạnh nhạt là điều cũng nên quen, bởi vì cảm xúc không nên để dư hoặc thiếu.

Bán văn giữa chợ để sống càng làm tôi hiểu nhiều hơn, xúc chạm nhiều hơn, thọc tay vào sâu hơn cái mạng lưới cuộc sống, và cũng kinh nghiệm nhiều hơn cái nỗi sợ “vỡ kịch thời gian.” Hãy nói thế này cho dễ hiểu, những gì mà người làm báo sáng tạo nên chỉ có tuổi thọ 24 giờ. Hôm nay không thể viết cái điều đã viết hôm qua, và dĩ nhiên lại càng không thể viết điều tuần trước. Có nhiều người cầm bút, khi gửi bài cho báo, ưa nghĩ rằng điều anh hoặc chị ta viết phải là giá trị muôn đời. Có lẽ và có thể. Tôi biết họ chân thực suy nghĩ và tin tưởng như vậy. Nhưng đó hẳn là chuyện của các tạp chí văn chương, không dính gì tới cái ngã tư Bolsa mà các môn phái Sơn Đông đang bán văn mưu sinh.

Ngày xưa, gia đình tôi sống trên một chung cư đường Đồng Khánh, gần chợ vải Soái Kinh Lâm. Có những thời gian rất dài, tôi không có việc gì để làm, kể cả việc lang thang gặp bạn hữu. Đó là một thời kỳ dị, cả nước như lúc nào cũng chuyển mình trong những cơn sốt. Chính trị, xã hội, văn hóa, tôn giáo. Đủ thứ kỳ dị và xáo trộn để chiêm nghiệm. Tôi thường rời căn chung cư lầu ba, đi dạo các phố quanh nhà.

Cách nơi tôi ở một đoạn phố là Chùa Ông Bôn, nơi bước vào chỉ nghe quanh mình đủ thứ tiếng Trung Hoa. Chỉ cần đứng nơi cổng nhìn vào cũng thấy ngợp trước một kiến trúc khổng lồ, những cây cột một người ôm không hết vòng, những phù điêu rồng phun vàng đỏ xanh đen bay lượn khắp tường và cột. Khi dạo phố ngang chùa buổi sáng, tôi lúc nào cũng thấy có những nhóm thanh niên đang học võ. Một người trong chung cư giải thích đó là võ phái Đường Lang, một môn phái luyện theo các thế tự vệ của con ngựa trời.

Nơi các ngã tư gần đó, trên đường Hải Thượng Lãn Ông, thường thì buổi chiều lại có một gánh Sơn Đông mãi võ bày trò bán thuốc trị gân nhức xương và đủ thứ linh tinh khác. Khu bán kính 500 mét này có thể gọi được là một trong những nơi nhộn nhịp nhất của Chợ Lớn. Lui về hướng đường Tổng Đốc Phương thì là chỗ ăn chơi của dân nhà giàu xe hơi

cầu cạnh. Bước qua thêm một khu phố sẽ tới hè phố bày bán sơn và hóa chất nơi lối dẫn vào chợ Bình Tây. Đi ngược về đường Nguyễn Trãi sẽ tới khu ăn uống, với hàng trăm xe đẩy bán chè, bánh, hủ tiếu, đủ thứ.

Và tôi luôn luôn nhìn những chàng múa võ giữa chợ với lòng ngưỡng phục, với chung quanh bốn hướng mặc cho bốc lên mùi hủ tiếu, mặc cho âm ỉ tiếng kèn xe của bọn nhà giàu ăn chơi đưa đón gái giang hồ, mặc cho tiếng xí xa xí xò nửa Hoa nửa Việt mặc cả giá các lon sơn Bạch Tuyết, và cả sau này mặc kệ cả các chàng công an ngây ngô giọng trọ trẹ đứng nhìn.

Các tay trong những gánh võ, tôi tin và bây giờ vẫn tin, phải là võ sư thật. Họ dùng cổ uốn cong mũi giáo. Họ nhào lộn, múa quyền, đá liên hoàn cước hay hơn xi nê. Phim ảnh có khi dựa vào kỹ thuật. Còn đây là chuyện thấy trước mắt, nghe tận tai, nào có ai phù thủy được mình. Tôi và mọi người chung quanh và cả các chàng võ sư đều như có cảm giác rằng những hình ảnh này có khi sẽ biến mất vĩnh viễn trên quả địa cầu này. Đó là lý do tại sao tôi theo dõi, nhìn ngắm họ cực kỳ trân trọng—để chiêm ngưỡng một cái nghề kỳ dị, như sắp lui hẳn hoàn toàn vào những trang sách cổ. Và có lẽ đó cũng là lý do tại sao, tôi cảm thấy, họ diễn võ cũng cực kỳ trân trọng như sợ rồi một giờ sau, hoặc một vài ngày sau

rồi sẽ không tìm được người để họ phô triển các chiêu thức một đời tân khổ.

Họ kiếm sống gian nan lắm, ai cũng biết điều này. Đồng tiền họ nhặt được nơi góc phố, ngoài mồ hôi của lòng bàn tay sau giờ múa võ, có thể có cả lòng thương hại của những người không còn thật tâm tin vào loại thuốc trật gân đả xương của họ. Hình như họ còn bị ngăn cấm hành nghề nơi vài con đường; dĩ nhiên chính quyền nào thì cũng ưa hành hạ những tay giang hồ tứ chiếng. Các cửa tiệm tư bản nơi đường Tổng Đốc Phương thì hiển nhiên là không muốn các gánh võ bày hàng gây đông đúc ồn ào trước tiệm. Gân chợ quá cũng không được vì trở ngại cho những sạp hàng hè phố. Và tôi còn nghe, đôi khi các phái võ tìm nhau thử tài hoặc gây sự—nghĩa là sơ suất có thể bị đánh chết như chơi. Một lần tôi hỏi một ông cụ người Hoa, thuộc phái Đường Lang, người tôi thường gặp dưới góc phố nơi bàn làm chìa khóa, con dấu gỗ của một cậu con Trôi. Ông cụ không trong các gánh múa võ Sơn Đông, nhưng hẳn là quen nhiều sinh hoạt của họ và của cả các đoàn múa lân râu bạc râu đỏ lung tung, bởi vì nhiều chuyện ông cụ kể lại y hệt như tiểu thuyết Kim Dung vậy, có điều là phân giải chiêu thức như đường cụ thể hơn với những cái khoa tay hay uốn khuỷu. Ông cụ không trả lời trực tiếp, chỉ nói rằng điều tối hậu của một võ sư là sống thật bình thường,

phải thấy không có gì để phải dụng võ trên đời. Thấy tôi nhìn ngờ vực, tôi lúc đó thì vẫn là quá nhóc tí chứ, ông cụ bảo rằng, không phải vì sợ đưa tay động chân lỡ chết người, cũng một phần thôi, cũng không phải chuyện điều tâm điều thân điều tức vớ vẩn chi, nhưng vì học võ là học để hiểu hết về con người.

Lúc đó tôi thật ngốc nghếch, cũng chẳng nghĩ đến chuyện xin học võ. Đứng ra thì tôi chẳng còn lòng nào để tập võ thuật. Tôi đang cơn ngấu ngiền đọc đủ thứ sách, vì cứ sợ rằng một hôm nào sẽ không còn sách nữa. Trong một đất nước xã hội chủ nghĩa thời cuối thập niên 1970 thì không riêng gì võ, mà chữ nghĩa sợ cũng sớm rồi diệt chủng.

Và rồi nhiều năm qua đi. Bây giờ đã vào năm Đinh Sửu, tôi không biết những gánh võ Sơn Đông có còn biểu diễn trên các góc đường Chợ Lớn nữa không. Nhưng tôi có cảm giác hiểu họ nhiều hơn. Phần nào vì tôi cũng là một người đang hành nghề tương tự, đang chia sẻ một số mệnh chung với họ. Họ cũng là những người lưu lạc hải ngoại, mưu sinh bằng mồ hôi nước mắt cho các nhóm khán giả nhỏ nhoi. Thật tâm, tôi tin nghề làm báo này cực kỳ cao quý, và cả thiêng liêng nữa, và phải là do tiền định ý Trời nữa. Dĩ nhiên, những buổi sáng sớm tôi dậy nhìn cuộc đời, thì cả nghề võ cũng cao quý vậy, cũng thiêng liêng và tiền định nữa. Nhưng những đồng tiền của

họ nhặt lên sau màn múa quyền phóng cước có hòa lẫn niềm vui và nỗi đau xót? Không biết. Trên đời này có bao nhiêu chuyện là không biết.

Nhưng điều tôi thâm cảm được trong nhiều năm ra giữa chợ bán văn chính là càng lúc càng tin sâu vào nhân quả. Một đôi khi, vào một buổi sáng thật sớm, khi ngồi uống trà, tôi có cảm giác như sắp chuẩn bị cho một phiên múa võ cho số báo phải làm trong ngày. Đêm về, lật sách Anh văn học thêm dăm cách đặt câu lại có cảm giác như đang tập quyền luyện cước. Cũng không hẳn để làm gì, nhưng chỉ vì không rời được võ nghiệp. Hay có phải kiếp trước tôi hành nghề Sơn Đông mãi võ đến chán chê, và kiếp này chuyển sang nghiệp bán văn. Không biết, lại càng mịt mờ không biết.

Có lẽ, điều biết duy nhất của tôi là cuộc sống cực kỳ tuyệt diệu. Không có gì đã hơn khi được sống đủ vai trên đời—dựng kịch, đóng kịch, và xem kịch (nói theo ngôn ngữ vị Thầy của tôi, một Thiền Sư Tây Tạng phái). Chén trà buổi sáng tất nhiên là có vị chat. Nhưng cuộc sống thì, Trời ơi, không thể kể xiết bao nhiêu là vị.

Cuộc đời ơi, ta thương mi biết sao cho cùng. ■

ĐUÔI BẮT MỘT MÙI HƯƠNG

Đôi khi bạn nghe một dòng nhạc, và những âm vang này có thể đi theo bạn tới cả đời. Nó lảng vảng trong trí nhớ, nơi đâu đó, có khi ảm xuống và rồi một đêm nào đó, một buổi chiều nào đó, dòng nhạc đó lại hiện lên với những nốt nhạc làm toàn thân bạn rung động.

Tôi đã trải qua những kinh nghiệm tương tự. Không hoàn toàn như thế. Không, không phải là nhạc. Tôi ưa thích nhạc, nhưng không giỏi về nhạc, cũng không say mê âm nhạc kiểu bỏ ăn bỏ ngủ. Ngay cả sau khi tôi đi dự một buổi hòa nhạc rất xuất sắc, với những nhạc sĩ tôi quý trọng, và những ca khúc của họ trình diễn bởi các ca sĩ tuyệt vời tôi ưa thích... những dòng nhạc đó có theo tôi thoang thoảng trong trí nhớ, và chỉ hôm sau là quên. Hệt như là, tôi đã đưa tay chụp bắt được những dòng nhạc chạy theo trong trí nhớ, và rồi ném ra xa thật mạnh, thế là cho quên biệt để còn có thì giờ làm chuyện khác.

Trí nhớ là cái gì rất là bí hiểm. Có những cái chúng ta muốn lưu giữ, thì lại quên, và ngược lại. Nói chung, về âm nhạc, tôi chỉ là một kẻ i tờ, tuy rằng cũng biết thưởng thức – nói “thưởng thức” cũng là điều nên dè dặt. Vì chỉ biết có nhạc hay, có nhạc dở, có nhạc trung bình. Và thế thôi, không nhiều hơn, và cũng không giải thích nổi vì sao nhạc này hay, nhạc kia dở. Thế là, đành dựa cột mà nghe.

Đôi khi đó cũng là điều tốt. Nên lắm. Vì có một lần, một anh bạn nhạc sĩ sáng tác nói với tôi rằng, anh từ sáng cho đến tối, cho tới cả trong giấc ngủ... lúc nào cũng nghe các dòng nhạc vang trong đầu. Tôi nghe và lo sợ. Vì đôi khi tôi làm thơ, đôi khi viết truyện... nhưng hễ nói ngưng, là thôi, tất cả các dòng thơ và ý truyện không quấy rối mình nữa.

Tôi nghĩ, trong khi những dòng nhạc đuổi theo anh ta cả ngày đêm như thế, rủi đứng tim mà chết là sẽ bị dòng nhạc nâng chàng lên tức khắc, và đưa chàng tái sanh vào một gia đình cũng say mê âm nhạc; như thế, có khi cũng nên nếu chàng muốn thế, nhưng có khi chỉ lại bận rộn thêm một đời tương tự. Đó là, chỉ nghĩ linh tinh thôi, nhưng làm sao dám nói ra. Thêm nữa, nói những chuyện ngoài khoa học vật lý là cái gì nên dè dặt.

Trong khi đó, tôi chỉ ngạc nhiên vì, thỉnh thoảng phảng phất quanh tôi là một mùi hương lạ, theo cả

nhiều thập niên – nó thoang thoảng ở đâu đó, rồi có lúc ẩn, lúc hiện. Mùi hương lạ như tự trời xuống. Mùi hương lạ đấy, không phải mùi nước hoa đâu, cũng không phải kiêu vãn chường mà người ta ưa nói là “mùi hương giai nhân” hay “mùi hương con gái” tuy rằng, đúng là có hình ảnh một cô bé nơi đây.

Nói đúng ra, có hai cảm giác chạy theo tôi nhiều thập niên. Nhưng tôi muốn nói mùi hương trước, vì như thế mới tinh tế. Và cảm giác kia là nằm ở bàn tay, khi một lần tôi chợt nắm tay một cô bạn gái, và tay tôi như điện giật tự nhiên rút về. Chính ngay lúc đó, tôi ngửi thấy một mùi hương từ cơn gió nhẹ trong sân chùa thoảng qua. Và hai cảm giác, mùi hương và cái nắm tay bất chợt đó đã theo tôi gần trọn cả đời. Không cố ý đâu. Bất chợt nắm tay thôi. Cả tôi và cô bé không biết gì hơn là một cái nắm tay. Đúng ra, có hình ảnh một đôi mắt nữa, có một bờ tóc, có một tà áo trắng, có lẽ, đôi khi trong mơ.

*

Nhưng tôi thích nói về mùi hương hơn. Vì mùi hương tinh tế hơn, còn cảm giác nắm tay lại có vẻ thô thô thế nào. Một lần, tôi kể cho tên bạn cùng

ngồi học thi ở Chùa Xá Lợi, hấn cười lên hô hô... nói rằng mới chỉ nắm tay là còn đỡ lắm. Sau đó, tôi chỉ muốn nói về mùi hương thôi, cho nó có chất thơ hơn. Và cảm giác sờ chạm, nói ra là dễ bị hiểu nhầm.

Năm đó, tôi 17 tuổi, vào ngôi sân Chùa Xá Lợi để học thi. Có một nhóm bạn cũng ưa vào đây ngồi lê la sân chùa, vì ngôi đây học thi là tuyệt vời. Tìm đâu ra bóng mát dưới những trưa nắng để ngồi học bài. Dĩ nhiên, là ngồi bệt xuống đất, tựa lưng vào tường... bởi vì thư viện chùa nhỏ lắm, không có chỗ, và thường là đóng cửa hoai. Đôi khi đói bụng, xuống bếp xin ăn chùa, nếu lúc đó đám bạn không ai còn dư tiền để từ bi ra mua thứ gì cho cả nhóm chia nhau ăn.

Trong sân chùa có hai nhóm, nhóm trẻ là tụi tôi học thi; còn nhóm già hơn, là các anh hầu hết đã học xong đại học, đã ra đi làm. Trong nhóm lớn tuổi đó, có anh luật sư Lộc, bây giờ cũng ở Little Saigon, đã bỏ nghề luật để vào nghề báo. Đó là nói người gần thôi, còn các bạn bây giờ ở xa thì nhiều lắm, kể không hết.

Cô bé lúc đó học Gia Long, sau tôi cỡ hai lớp -- hay một lớp, không nhớ rõ đâu. Giờ tan trường, cô bé đứng nơi hàng hiên bên hông chùa để chờ chị tới đón về nhà. Chỗ cửa tam quan cho người bộ hành

vào, chứ không phải chỗ đỗ cửa cho xe hơi vào sân. Làm sao mà tôi quen được thì không nhớ nổi. Bởi vì tên nhóc khờ khờ nhất trong nhóm là tôi thôi. Có thể quen vì mấy tên bạn giới thiệu. Mấy tên kia thì nhanh nhẹn, nói khéo; trong đó có tên đàn hay, hát giỏi, và vân vân. Trong khi tôi ngồi đâu là ngồi một chỗ, ưa lặng lẽ, một phần cũng vì thói quen tập thiền từ nhỏ -- lúc đó, đã tự mua sách về tập thôi, chưa theo thầy nào hay dòng phái nào hết; chỉ khi vào Đại học, mới theo bạn lên Chùa Tây Tạng Bình Dương.

Bấy giờ mà kể chuyện nhớ tới một mùi hương ra hẳn là bọn nó sẽ cười tới tắt thở, sẽ bảo là ngộ nhận rồi. Vì trong sân chùa có cây hoa ngọc lan. Có những đêm, mấy đũa ngủ lại trong chùa, nằm dưới hàng hiên trên lầu, thường có thoảng dịu dàng mùi hoa hoa ngọc lan. Các sư cấm bọn học trò vào chùa ngủ, nhưng chúng tôi chờ tới khoảng 9 hay 10 giờ tối là trèo cổng bên hông vào chùa, lên hiên tầng chánh điện ngồi học bài, tới mệt mới ngủ.

Hình ảnh ngồi học đêm ở hàng hiên nơi sân trên lầu, tầng chánh điện đẹp y hệt như ở cõi nào khác. Ánh sáng trắng từ đèn hàng hiên tỏa xuống, mấy tên ngồi học bài trong không khí thình lặng, vắng vẻ. Chùa Xá Lợi chỉ có vài nhà sư, không nhiều. Đôi khi một thầy nửa đêm bước ra hiên, gắp, mới vào lấy mấy trái táo, trái cam ra cho bọn học trò. Nhưng rồi sư

cũng dặn, trên nguyên tắc là cấm học trò vào ngủ đêm hiên chùa, vì như thế là phạm luật.

*

Để nói về mùi hương lạ. Một buổi chiều, lúc đó là chập tối. Cô bé vẫn còn đứng chờ chị tới đón về. Có lẽ vì lý do gì, nên trễ lắm. Các nữ sinh khác đã về cả rồi. Không hiểu tại sao bọn học trò lúc đó chỉ có một mình tôi. Như tiền định, một mình tôi đứng, nói chuyện với cô bé. Chỉ có hai đứa thôi.

Cô bé bảo, bây giờ chơi trò này nhé, nhìn vào mắt nhau anh nhé.

Tôi nói, ừ thì nhìn vào mắt nhau.

Trời ạ, bây giờ tóc đổi màu trắng phau rồi, mới nghĩ lại, thấy mình sao khù khờ chi lạ. Đứng dưới cổng tam quan bên hông chùa lúc đó làm gì có bao nhiêu ánh sáng mà nhìn. Bóng tối nhiều hơn ánh đèn. Thêm nữa, con đường bên hông chùa tối lắm, chỉ có đèn đường nơi đầu một sở Mỹ sau chùa thôi.

Tôi nhìn, chỉ thấy mắt nàng đen lánh, tóc xõa chấm vai... Bất chợt, không hiểu sao, tự nhiên tôi nắm tay cô bé. Bây giờ nhớ lại, tôi nghĩ, có thể lúc đó cô bé tự động nắm tay tôi trước.

Tay tôi như điện chạy tê rần, hốt nhiên giật lại. Một mùi hương từ sân chùa theo gió bay ra. Tôi không nhớ chính xác rằng chị cô bé tới khi nào. Cũng không hiểu tại sao không nhớ. Vì chị cô bé đi xe Honda dame, hễ tới là mình phải thấy chó. Khi nhìn lại, cô bé biến đi rồi.

*

Cảm giác từ bàn tay và mùi hương vẫn theo tôi về tận nhà đêm hôm đó. Giác ngủ tôi bỗng bênh như bay. Sáng dậy, mùi hương vẫn thoang thoảng. Không phải hương hoa ngọc lan. Cũng không phải hương nước hoa hay gì hết, vì đây là hương từ sân chùa bay ra, tôi nghĩ, hẳn là hương trời. Nhưng, tại sao lại hương trời? Không hiểu nổi.

Hôm sau, tôi vào sân chùa, đi khắp mọi nơi, từ sân chùa, tới chính điện, từ tháp thư viện cho tới nhà bếp, từ hàng hiên dưới cổng tam quan cho tới đứng trên cao, nơi đầu gió và cuối gió... để tìm xem mùi hương lạ đó ở đâu ra. Hoàn toàn không hiểu được, hoàn toàn không có mùi hương nào như thế.

Cũng lạ, từ hôm đó trở đi, cô bé không ra đứng ở hiên chùa nữa. Có thể là cô chị tới đón ngay trước cổng, đứng giờ hơn. Cũng có thể, cô chị rầy tại sao

đứng nơi hàng hiên tối dưới cổng chùa... xã hội này bất trắc lắm. Và cũng có thể, cô bé không mong đợi là tôi khù khờ như thế.

Nhiều thập niên sau, khi đã đọc nhiều và xem phim nhiều, tôi nghiệm ra rằng, theo đúng kịch bản ở truyện và phim, lúc đó là phải ôm hôn. Thế thì liệu quá. Rồi tôi cũng tin rằng, hộ pháp đã không muốn tôi liệu như thế, ai mà ôm hôn nơi cổng chùa nhỉ... Hay mùi hương lạ đó là một cách ngăn cản khéo léo, vì muốn làm tôi khựng lại? Ai mà biết được.

*

Liên tục hai kỳ thi hai bậc Tú Tài, tôi đều đậu dễ dàng. Ngồi làm bài thi, đôi khi tôi chợt thấy mùi hương lạ đó. Những lúc như thế, cứ bất chợt, tôi ngẩng đầu lên, như chờ đợi nhìn thấy đôi mắt của cô bé. Nhưng không, không phải. Và nghĩ tới bàn tay đã nắm tay cô bé, cảm xúc khi đó lại, mạnh như tươi mới.

Trong các buổi ngồi thiền ban đêm hay rạng sáng, mùi hương đó vẫn thoang thoảng quanh tôi. Và khi nghĩ tới bàn tay, cảm giác vẫn đầy rung động. Tôi không biết làm sao để kết thúc những cảm xúc lãng đãng nơi mùi hương và bàn tay như thế. Người khác

có thể gọi mùi hương khi ngồi thiền là màu nhiệm, hay linh tinh gì khác. Nhưng tôi biết không phải. Mình phải chạy trốn mùi hương này chứ, tôi nghĩ thế.

Tôi thuộc bài Bát Nhã Tâm Kinh, biết rõ rằng mùi hương và cảm giác bàn tay nắm bàn tay cũng nằm trong nhóm sắc thanh hương vị xúc pháp, và như thế cũng đều là không. Thế nhưng, tôi tự hỏi, tại sao với mình lại là có? Mà lại có như thật, như thiệt. Hễ nghĩ tới là hiện ra.

Tôi cũng nhớ lời Kinh Phật dạy là đừng lưu luyến các cảm thọ quá khứ, và đừng có vẽ vời gì cho cảm thọ tương lai. Nhưng làm sao được, vì mùi hương vẫn bay quanh tôi, thoang thoảng.

Liên tục hai mùa hè, tôi ngồi nơi ghế đá sân chùa. Cũng không thấy cô bé đâu hết. Tôi nghĩ, tuy là nghỉ hè, nhưng lẽ ra cô bé phải đi xe đạp tới thăm chùa, nơi cô bé phải biết là có tôi đang ngồi chờ. Nhà cô bé cũng nào có xa đâu, chỉ loanh quanh trong xóm Bàn Cờ thôi. Hay là, tôi nghĩ, có thể ba mẹ bắt buộc cô bé đi học hè để luyện thi. Ai biết được.

Có lúc ngồi ghế đá, thoảng thấy mùi hương lạ đó, tôi bắt ngờ quay đầu lại để nhìn sau lưng. Không ai hết. Tôi hỏi thẳng Thành đang ngồi kế bên, có thấy mùi hương gì không.

Nó nói, không có gì cả, có thể là mùi hương trên chính điện bay xuống, hay mày nhầm với mùi dầu cù là, tao có chai dầu trong túi áo...

Tôi im lặng, biết là không phải. Tôi nghĩ, có thể tên này không có chiếc mũi nhạy cảm như mình. Nhưng không phải, nhiều thập niên sau, tên này vào làm ở Ty Cảnh Sát Dallas; nghĩa là, thể lực phải tốt lắm, làm sao mà hỏng mũi được.

*

Thế rồi năm 1975 tới. Tôi không nhớ tới cô bé nữa. Một đôi khi, tôi nghĩ những chuyện xưa như là cổ tích. Kể cả mùi hương và cái nắm tay. Lịch sử như một cuốn sách để giữa trời, và gió lật qua từng trang tàn khốc. Có trang lật qua nhẹ nhàng, khẽ khàng; có trang lật qua ào ạt, như trận gió giận dữ ào tới. Không ai níu kéo được thời gian. Đã có vài tên bạn của tôi từ biệt cõi đời này.

Khoảng năm 1980, thỉnh thoảng tôi ghé thăm Thầy Đồng Nguyên ở Đại Tùng Lâm, khi có việc ra Vũng Tàu. Tuy cùng là học trò của Thầy Tịch Chiếu ở

Bình Dương, nhưng tôi vẫn luôn xem Thầy Đồng Nguyên là nơi tôi cần học hỏi nhiều.

Một đêm ngủ lại ở Đại Tùng Lâm, tôi bước ra sân. Thời đó, chùa này hoang sơ lắm, không lớn như bây giờ. Đêm trăng sáng, tôi và Thầy Đồng Nguyên đi dạo trong sân chùa. Bất chợt, mùi hương lạ năm cũ lại thoảng qua. Tôi hỏi Thầy Đồng Nguyên có thấy mùi hương gì lạ không. Thầy nói, chỉ có gió rừng, hương hoa và lá rừng như mọi ngày thôi.

Tôi nói rằng, có một mùi hương lạ theo tôi từ một buổi tôi nhìn vào mắt một cô bé. Tôi không kể thêm là khi nhìn vào mắt cô bé một chập, bất chợt tôi đã nắm tay cô bé. Nếu kể ra, thấy có gì kỳ kỳ. Ai mà đi kể chuyện nắm tay, nhất là kể với thầy chùa. Dĩ nhiên, mắt làm sao mà có mùi hương được.

Thầy Đồng Nguyên chậm rãi nói, như thế là em đang đuổi bắt một mùi hương, có phải không.

Tôi không trả lời chỗ này, vì không chính xác như thế, nhưng cũng không biết giải thích minh bạch ra sao.

Thầy Đồng Nguyên nói, ngay khi em đuổi bắt một mùi hương, là ngay khi đó tâm em đã bị mùi hương đó chụp bắt rồi.

Thầy nói tiếp, hiểu không.

Tôi đáp, em thấy lò mờ.

Thầy nói, thí dụ, bây giờ em luyện nhớ tới một nụ hôn với cô ta...

Thế đấy, tôi không có khiếu giải thích chuyện gì hết. Chỉ mới hỏi một câu, là anh ra ngay một thí dụ đầy ngộ nhận.

Thầy Đồng Nguyên và tôi vẫn bước đi trong sân Chùa Đại Tùng Lâm, giữa tiếng gió rừng xô là xao xác, giữa những trận gió lịch sử khốc liệt đang thổi tung khắp đất nước.

Thầy nói tiếp, thế này nhé, khi em luyện nhớ một nụ hôn với cô ta, chính ngay lúc đó, tâm em đã bị nụ hôn đó chụp bắt.

Tôi nói, vâng, hẳn là thế, nhưng thiệt sự em chưa từng hôn gì hết.

Thầy cười và nói, chỉ là thí dụ mà.

Trong bóng trăng lò mờ, tôi đoán được kiểu cười của Thầy Đồng Nguyên, người sư huynh tuyệt vời của tôi.

Thầy nói thêm, để anh nói cái này thì nó hàn lâm hơn. Thế này nhé. Sư Lâm Tế nói Tứ Liệu Giản, câu đầu nói là “Hữu thời đoạt nhân, bất đoạt cảnh.” Có nghĩa là, có khi đoạt nhân, không đoạt cảnh. Nhân đây là tâm, cảnh đây là đối tượng của tâm. Đoạt

nhân là khi em chủ động được tâm mình. Thế nào là chủ động được tâm mình? Đó là khi tâm em vô trụ. Nghĩa là, không trụ vào bất cứ gì hết, kể cả trụ vào một mùi hương nào đó. Ngay khi em trụ vào một mùi hương nào, là em không còn ở thể đoạt nhân nữa, mà chính là tâm em đã bị mùi hương kia đoạt mất rồi. Đây nhé, lúc đó mất tâm rồi nhé... Lúc đó, không phải là “đoạt nhân,” mà là “bị nhân đoạt” vậy.

Thầy tiếp, hay nói thế này xem, rằng khi em giận dữ hay khi em thèm muốn gì đó, có nghĩa là tâm của em đã bị cái sân và cái tham đó chiếm đoạt rồi; đó là “nhân bị đoạt” chứ không phải là em đã “đoạt nhân,” đúng không. Tôi chỉ trầm ngâm.

Lòng tôi rối bời bời. Lúc đó đất nước ngổn ngang, mình tu tập thiền định chẳng tới đâu, lại gặp ông sư huynh nói như thế. Tôi ngáp, nói thôi cho em vào ngủ.

Vị sư huynh này nói thêm, nhưng hễ chạy trốn mùi hương đó cũng là hỏng rồi đó, vì cả đuổi bắt và chạy trốn đều sai, đều trật.

Giác ngủ đêm hôm đó, mùi hương bay tràn ngập trong hồn tôi. Sáng ra, khi ngồi uống trà với Thầy Đồng Nguyên và gặt gù, tôi tự nhủ, đúng vậy hồn mình đã bị mùi hương kia đoạt rồi, ngay khi mình đuổi bắt hay chạy trốn là mình đã bị chụp bắt rồi.

Nhưng tôi không nói thêm với ông anh chuyện này nữa.

*

Mấy ngày trước khi vượt biên, tôi lên Bình Dương thăm Thầy Tịch Chiêu. Chùa lúc đó vắng lắm, không bao nhiêu người. Quê nhà khi đó đang vào một thời kỳ say men xã hội chủ nghĩa. Không có lời nào mô tả được thời kỳ này. Nhà nước sau này, gọi đó là thời bao cấp. Nói như thế chỉ là phiến diện. Nhưng dù gọi gì thì gọi, thời đó nhiều chuyện cực kỳ đau đớn hơn bây giờ nhiều.

Khi tôi nói là tôi sắp rời nước ra đi, Thầy Tịch Chiêu nói tôi cùng đi dạo bước với thầy quanh chùa. Thầy dẫn tôi tới ngọn đồi sau chùa. Nơi đó, chim bay xao xác, nhiều loại chim. Tiếng chim kêu, hòa vào tiếng gió thổi.

Thầy nói với giọng Huế của người đã vào Nam từ lâu, rằng tôi có nghe tiếng chim kêu với tiếng gió thổi xao xác không. Tôi nói, thưa Thầy, con nghe có tiếng chim kêu, tiếng gió thổi.

Thầy nói, tâm con trước giờ vốn lặng lẽ, trước giờ vốn không tịch, trước giờ không có tướng mạo, như

tắm gương trong trẻo vậy, và bây giờ khi chim kêu thì tâm con mới khởi ra tiếng chim kêu, khi tiếng gió xao xác thì tâm con mới khởi ra tiếng gió thổi. Do vậy, tiếng chim kêu không hề lìa tánh không tịch. Các pháp đều không hề lìa tánh không tịch. Các pháp đều hiện trong tâm, dù là những gì con thấy hay nghe, những gì con cảm thọ vui hay buồn, những gì con tham hay sân, đều từ tánh không tịch khởi lên, trụ lại, rồi hoại đi và rồi mất dạng về không tịch. Hãy thấy như vậy, đừng để tâm mình trụ vào bất kỳ thứ gì.

Tôi chỉ lờ mờ hiểu thôi. Nhưng tôi đoán rằng, cái gì lờ mờ đều là hổng.

Buổi chiều, trước khi rời chùa, tôi cũng kể cho thầy nghe về mùi hương lạ, vẫn thường khi phảng phất quanh tôi, trong cả mơ lẫn thực. Tôi hỏi, biết rằng các pháp sinh rồi sẽ diệt, sao mùi hương này như dường cứ còn hoài. Dĩ nhiên, tôi không kể cho Thầy nghe chuyện nắm tay làm chi.

Tôi ngồi uống trà với Thầy. Chiếc bàn và chiếc ấm trà đều cũ kỹ, sứt mẻ. Ngôi chùa này hồi đó xiêu dột lắm. Trên mái, những viên ngói mọc rêu xanh, rêu đen như đường xưa cổ từ cả ngàn năm rồi.

Ngôi chùa vắng, cửa trống để gió luồng vào từng đợt khắp chùa. Hình ảnh như dường đang tái diễn từ một giấc mơ nào đó, như dường Thầy và tôi đã ngồi

uống trà từ nhiều ngàn năm rồi, và bây giờ gặp lại để cùng uống trà...

Thầy cũng nói, khi con thấy có cảm thọ nào khởi lên, khi thấy có niệm tưởng nào khởi lên, hãy thấy rằng nó đang biến hiện, theo tuần tự thành trụ hoại không, rằng nó khởi lên, rằng nó đang trụ, rằng nói đang biến dần, rằng nói đã biến mất. Hãy thấy trong tâm mình các pháp thành trụ hoại không như thế.

Tôi nói, thế nhưng cái mùi hương lạ này, mùi hương theo con cả trong giấc ngủ nửa đêm.

Thầy Tịch Chiếu đưa tay chỉ về hướng ngọn đồi hòi trưa, nơi những cây cổ thụ vươn cao với các bóng chim bay núi vắng. Thầy hỏi tôi, bây giờ nơi đó, cũng vẫn còn những cánh chim bay, vẫn còn những cây lá uốn mình theo gió... vậy thì, tiếng chim kêu ở đâu rồi, tiếng gió xao xác ở đâu rồi? Hãy nhìn vào tâm mình mà hỏi, mà xem, rằng ai nghe đó?

Tôi ngán ngừ. Thầy lắc đầu dụ dàng.

Đêm đó, tôi thấy được mùi hương bỗng nhiên hiện ra hình cánh chim, hình cây lá xao xác trước gió, và rồi mùi hương trở thành những tách trà trên bàn, nơi Thầy và tôi ngồi nói chuyện.

Vào năm 2006, tên Sơn từ Sài Gòn email sang cho tôi biết, rằng cô học trò Gia Long năm xưa ở xóm Bàn Cờ -- tức là cô bé đã từng thỉnh thoảng vào sân chùa Xá Lợi và thường ngồi nói chuyện với tôi, đúng ra là nói chuyện với cả nhóm chúng tôi – đã từ trần vì bệnh ngặt.

Hắn kể rằng cô ta thường tới sân Chùa Xá Lợi chơi, vài tháng trước khi cô ta biến mất trên đời này. Nói “cô ta” là theo thói quen, thực ra là cao niên cả rồi. Có khi cô ta tới một mình, có khi cùng đi với bà chị. Hai người thường ngồi nơi ghé đá chúng tôi ưa ngồi. Chùa lúc này khác lắm, không như ngày xưa.

Tên Sơn lúc này chuyên dịch kinh sách Phật Giáo Tây Tạng từ các bản Anh ngữ sang Việt ngữ. Thường khi nhận được những bản kinh sách Anh ngữ tôi hay các bạn trong nhóm Viet Nalanda gửi về là Sơn cầm vào sân chùa ngồi đọc, nghiền ngẫm rồi một thời gian sau mới bắt đầu dịch. Chính những lần ngồi sân chùa như thế, Sơn mới gặp lại cô bé. Thế rồi bằng một thời gian, theo lời Sơn, bà chị cô ta gặp Sơn và nói rằng cô ta từ trần rồi.

Không ngờ em lại ra đi trước chị. Chị kể với tên Sơn, rằng trong những ngày cuối đời, khi bệnh chưa tới lúc liệt giường, cô ta bảo bà chị thỉnh thoảng chớ ra sân chùa ngồi. Khi chị hỏi chi vậy, cô ta trả lời là

cô ta nhớ một mùi hương. Chị mới nói, muốn có mùi hương ngọc lan, chị sẽ chờ tới một sân chùa khác, nơi có trồng nhiều cây ngọc lan hơn, thêm nữa Chùa Xá Lợi bây giờ không còn vắng vẻ để ngồi như những ngày thơ trẻ nữa. Cô ta lắc đầu, theo lời chị kể với tên bạn tôi. Khi đọc tới đó, tôi ngạc nhiên tự hỏi, sao cô nàng lại nhớ mùi hương, vì như thế, mùi hương kia là có thật...

Tôi điện thoại về hỏi Sơn, thế bà chị kia có kể những gì nữa không. Tên này nói là không, không nghe kể gì nữa hết. Hình như có vẻ tôi hỏi kiểu tra vấn hơi nhiều. Tên bạn nói, thôi thì từ trần là chuyện bình thường, tuổi nào cũng có thể ra đi cả, Thầy Đồng Nguyên tịch rồi, rồi tên Hiền cũng chết rồi... sinh bệnh lão tử mà. Tôi lặng lẽ, không hỏi gì thêm.

*

Đêm đó, trong khi ngồi thiền, đôi mắt cô ta hiện ra, và bàn tay tôi rung động như đang nắm tay cô ta, và mùi hương lại bay thoảng quanh tôi. Tôi mở to mắt, nhìn vào bức tường trắng trước mặt, tôi có cảm giác như thấy được mùi hương. Thấy được mùi hương? Đúng vậy. Mùi hương này không phải là làn khói,

không mang hình dạng gì hết... Tôi tự hỏi, tại sao lại có cảm giác thấy được bằng mắt.

Nhưng đúng là thấy được, mùi hương hiện quanh mình, trong khi đàn chim từ ngọn núi Bình Dương về bay xao xác quanh tôi. Nhắm mắt cũng thấy chim bay, và cũng thấy mùi hương phảng phất.

Tôi đứng dậy, vào bàn và nghĩ rằng mình phải vẽ lại mùi hương trên giấy. Tôi đã từng học vẽ hai thập niên trước, nhưng bỏ lâu rồi, vì không có thì giờ. Mùi hương là vô hình mà, tôi tự nhủ, nhưng sao mình lại có cảm giác là thấy mùi hương. Không phải vẽ làn tóc, không phải vẽ tà áo, không phải vẽ bất kỳ thứ gì khác mùi hương. Phải vẽ đúng mùi hương khi tôi nắm tay cô bé, tôi tự nhủ như thế.

Ngay khi cầm cọ lên, tôi mới nhận ra rằng không có gì tự có trên đời này cả. Không có mùi hương nào là tự có cả. Tôi nhớ lời Thầy Tịch Chiêu nói năm xưa, rằng khi tôi trở về sân chùa ngòi và khi trên đời vẫn còn chim kêu và vẫn còn gió thổi ào ạt, vậy thì tiếng chim kêu và tiếng gió bạt ở đâu.

Tôi vẽ vòng tròn Thiên Tông lên giấy. Mực tàu loang trên giấy, và tôi thấy mình hiện ra trên đó, trên nét mực đó, có khuôn mặt của tôi, có khuôn mặt của nàng, có tiếng cười của mấy tên bạn đùa nghịch sân chùa Xá Lợi, có tiếng chim kêu trên núi Bình Dương, có tiếng Thầy Đồng Nguyên nói vọng lại từ

Đại Tùng Lâm, có tiếng sóng biển Vũng Tàu, và trong nét mực trước mặt tôi đã tắt cả những âm thanh của trần gian này...

Tôi mỉm cười trước trang giấy với nét vẽ vòng tròn Thiên Tông. Vậy à, khi không có một ai đứng nơi đồi chim đỏ, những âm thanh đó ở đâu. Tôi nghe lại giọng từ tôn của Thầy Bình Dương, rằng khi không có một tâm nào nơi đó, cảnh kia ở đâu hiện ra. Vâng, thưa Thầy, con biết, sắc tức là không, và không tức là sắc.

Buổi trưa hôm đó, khi tôi tới một ngôi chùa Quận Cam và nhờ một vị sư ghi tên cô ta vào danh sách cầu siêu trong 49 ngày. Lúc đó, tôi mới nhớ rằng mình đã quên tên cô ta rồi, điều rất lạ vì hôm qua khi viết email cho tên bạn, tôi còn ghi đầy đủ cả tên lẫn họ cô nàng, trong khi tên bạn chỉ nhớ mỗi tên cô ta thôi.

Tôi lấy iPhone ra, mở email cũ xem lại. Tiếng tụng kinh không ngớt từ chính điện vọng ra, trong khi vị sư và tôi ngồi nơi bàn khách giữa hàng người đi tới đi lui. Một điều lạ nữa xảy ra: email tôi trả lời tên bạn về cô ta cũng biến mất, không còn nơi đâu cả, kể cả trong nơi lưu giữ các email đã xóa. Tôi nghĩ, bây giờ còn trong hạn 49 ngày vừa ra đi, hẳn là cô ta giấu email để giỡn với mình trước khi đi xa.

Vị sư già hỏi lại, Phật tử đó họ gì. Tôi ghi xuống giấy một vòng chữ tròn, như hình vòng khuyên và đáp rằng con không biết cô này họ gì.

Tôi nói thêm, lúc xưng họ tên cô ta, thầy chỉ cần gõ một một tiếng chuông nhỏ là đủ. Vị sư già mỉm cười. Bởi vì câu siêu thiêu tên họ là bình thường, vì đất nước đã trải qua quá nhiều cuộc chiến tranh.

Khi tôi bước ra cổng chùa, mùi hương lạ kia lại thoang thoảng. Nhưng tôi biết rồi, là hoàn toàn không có ai đuổi bắt mùi hương cả, và cũng không thực sự có mùi hương nào để được đuổi bắt hay chạy trốn cả. Và các pháp tự thân đã là vắng lặng, dù mùi hương có đến hay đi. Lúc đó, tôi chợt nhớ đôi mắt lấp lánh của cô nàng.

Tiếng tụng kinh từ chùa vọng ra, sắc bắt dị không, không bắt dị sắc... ■

NGƯỜI TỚI NHƯ MỘNG

Tôi đã gặp những người như thế. Những người như mộng, như thật. Những người đã tới để cho tôi thấy đời này như mộng, như thật. Họ tới để nói rằng cõi đời này là bất khả nghĩ bàn, nói mộng cũng hỏng, mà nói thật cũng sai.

Có những người đã bước vào trần gian này, mà tôi có cơ duyên gặp được nơi này hay nơi kia, và rồi biến dạng như những làn khói lẩn khuất, hư ảo. Để rồi chỉ còn thoáng trong trí nhớ của tôi những nụ cười như hoa nở, một giọng nói dịu dàng như gió sớm, hay như một tà áo phủ mát những giấc mộng đêm hè. Và rồi, người hiện ra như thật, và biến đi như sương khói, để những bàn tay nắm lấy chỉ còn là một cảm giác run rẩy mỗi khi nhớ tới, và rồi lại buông ra để đi thật xa.

Với những người bạn ở cõi này, Diệu My là một người như thế trong trí nhớ của tôi. Thực ra, nhóm bạn chúng tôi quen gọi một cô bé ở Thủ Dầu Một thế cho tiện, chứ tên đời và tên đạo đều không phải thế. Nhưng có sao đâu. Có ai bảo tên là thực, để rồi cân nhắc xem là phải gọi thế nào. Cũng đâu có ai bảo thân này là thật, để rồi cứ mãi tìm trong trí nhớ bóng người của nhiều thập niên trước.

*

Diệu My đẩy nhẹ tôi ra, lùi vài bước, đưa tay phải lên vẫy chào trong khi nở nụ cười trẻ thơ trông hết như thời của nhiều thập niên trước, và quay lưng bước đi. Tôi còn đứng ngẩn ngơ với mùi hương tóc rất lạ còn phảng phất, nhìn Diệu My bước hẳn vào sương mù nơi chiếc cầu trên đường State Street, nơi vào phố chính của thị trấn Santa Barbara, rồi mới bước về ga xe lửa Amtrak, chờ về lại Quận Cam.

Ngồi trên xe lửa, tới gần trạm Anaheim, trước mắt tôi vẫn thấy vài sợi tóc của Diệu My bay trong gió biển Santa Barbara. Tôi đưa hai bàn tay mình lên, nhìn ngắm. Cảm giác nơi tay vẫn còn rung động như điện chạy, cảm giác khi nắm tay nàng và buông ra. Y hết như nhiều thập niên trước đã tình cờ chạm tay nhau.

Và lần này, cảm giác nơi tay vẫn còn trong vòng ôm từ biệt, khi vòng qua bờ vai nàng, xiết nhẹ và bàn tay áp lên lần ngấn áo nịt ngực sau lưng của nàng. Người tôi run rẩy. Khi nàng đẩy nhẹ ra, tôi thấy như mắt nàng có tia nhìn tinh nghịch.

Tinh nghịch như câu nói rộn tiếng cười của nàng qua điện thoại tuần trước: “Anh à, anh nói anh 60 tuổi sống đơn độc, chỉ biết sách vở, chưa biết gì tới bạn tình nào... chỉ có Diệu My này tin thôi. Chỉ vì, huyền thoại bao giờ cũng đáng tin, kể cả huyền thoại trong năm 2012 này, phải không?”

Tôi cũng không ngờ Diệu My đã sang Hoa Kỳ, sau nhiều thập niên xa cách. Luôn luôn, cô bé vẫn là nhỏ út của chúng tôi, một nhóm bạn tu học nơi sân Chùa Tây Tạng, Bình Dương, từ những năm của thập niên 1970s. Và rồi bây giờ gặp lại, thì mới biết cô nàng đang về tìm việc ở thị trấn miền trung California này, và là nơi rất vắng người Việt. Tôi tự nhủ, để rồi sẽ gửi email hỏi Sơn xem sao.

*

Tôi nhớ hồi đó, nhỏ út Diệu My cứ nói rằng bài Bát Nhã Tâm Kinh khó nhớ quá, học cả mấy tháng mà chưa thuộc, tuy hề rãnh là tụng đọc hoài. Lúc đó, tôi nói đùa, tại vì giọng của nhỏ út hay quá, nên khi

giọng cất lên, là chữ bay mất đâu rồi, không thấy bay vào trí nhớ. Mà giọng của nhỏ út hay lắm, nói chuyện bình thường cũng đã như nghe nhạc rồi, không thành ca sĩ mới lạ. Sinh ở Đà Nẵng, nhưng vào Bình Dương sống từ nhỏ, nên tiếng nói của nhỏ út pha giọng như hòa âm, như đường tiếng nhạc.

Rồi cũng tới lúc nhỏ út thuộc được bản kinh chỉ có một trang này. Tôi lại nói, thuộc mà không có hiểu hết đâu nhen. Lúc đó, nhỏ út lại cười, vuốt tóc che một bên mặt, và nép người vào một góc cột chùa, trong khi nhóm chúng tôi ngồi uống trà, nghe Thầy Thích Tịch Chiếu nói về giáo pháp.

Gọi Diệu My là nhỏ út là để cho tiện, riết thành quen. Cả nhóm đều gọi cô bé như thế, nhỏ nhất thì được gọi thế là phải. Lúc đó, nhỏ út chưa qua bậc trung học, trong khi nhóm bạn chúng tôi hoặc đã học xong đại học, hoặc đang ở năm cuối. Nhỏ út ưa lên ngôi chùa này, vì nhà ở khu chợ Thủ Dầu Một, đạp xe một chập là tới. Còn nhóm chúng tôi là từ nhà ở Sài Gòn, nguyên nhóm đều là cựu sinh viên Đại Học Văn Khoa, hễ cuối tuần là đi xe đạp, hay xe gắn máy về Chùa Tây Tạng ở Bình Dương những ngày cuối tuần, và có khi cả những ngày trong tuần, khi được rảnh rang.

Nhỏ út cũng siêng lắm, khéo lắm... biết cách ử tương, làm chao. Trong khi Sơn và tôi cũng có lúc

về khu đất An Phú Đông ở hẳn cả tuần để làm ruộng giúp chùa. Tay chân đầy bùn đất, nhưng thời đó thật là vui. Nói vui, là vui khi ngồi ở rẫy, khi nghe Thầy nói về Thiên, hay khi ngồi thiền, tụng kinh... Chứ đất nước ngổn ngang, tâm sự chúng tôi đưa nào cũng bời bời. Mấy tên bạn trong Nhóm Triết, cũng là học trò của ngôi chùa này, còn đi tù cải tạo chưa về.

Vào những ngày chủ nhật, có những ông cụ, bà cụ cũng vào tụng kinh, niệm Phật, thăm hỏi Thầy. Tôi còn nhớ hình ảnh bác Diệu Quang thường ngồi nơi hàng thứ nhì. Bà cụ có lần giải thích với tôi rằng, ngồi hàng đầu thì kỳ quá, còn ở hàng thứ nhì thì gần Phật hơn là ngồi ở các hàng sau.

Lúc đó, tôi giả bộ quay qua nói với Sơn, tội mình cứ ưa ngồi hàng chót, rùi tụng kinh Ông Phật không nghe thì sao. Bác Diệu Quang nghe được mới cười, rung rinh mái tóc trắng, nói thêm rằng bác đang lo vì có hai người con trai ở tù cải tạo xa, nên bác cần phải tụng kinh cho Đức Phật nghe không sót chữ nào, mới “hồi hướng công đức cho hai đứa nó về sớm,” theo bác giải thích. Lúc đó, Sơn khều tôi, ra dấu im lặng, đừng bàn nữa.

Bác Diệu Quang tụng kinh chậm, vì tuổi lớn rồi, có khi đọc vấp. Một lần tụng Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa, chuyện Đức Bồ Tát Quan Thế Âm hóa hiện

nhiều ứng thân để cứu chúng sinh, bác Diệu Quang nghẹn lời, cúi mái tóc trắng thấp hơn, nhưng tôi kịp nhận ra bác đưa tay áo lên chùi nước mắt.

Cũng chất phác như thế là bác Bảy Trụ, cô Diệu Tâm, và nhiều người khác. Một thời đầy những lo buồn, ai cũng thế. Chẳng hiểu sao nước mình nó như thế.

Tới chùa lúc đó, mỗi người là một thế giới đau thương, cứ những ngày sóc vọng, lễ kỵ, tới tụng kinh cũng chỉ mười người, không đông bằng các chùa ở Sài Gòn. Còn ngày thường thì vắng bật, có khi chẳng thấy bóng ai, chỉ còn Sơn với tôi ngồi thưa chuyện với Thầy. Không khí căng thẳng thời đó là như thế.

Thỉnh thoảng Thầy ra ngồi ở ghế đá trước sân. Nơi này hồi đó cũng có một vài kỷ niệm. Có những đàn chim sẻ thường sà xuống, bay quanh quần trong sân, bao đàn tới mức có khi nhảy lóc cóc tới gần chân thầy. Một lần nhỏ út Diệu My thấy vậy mới lấy tay quơ quơ cho chim sẻ bay, làm sao lại vấp té, tôi kịp đưa tay đỡ dậy. Bàn tay tôi nắm lấy bàn tay Diệu My, kéo đứng dậy, cảm giác lạ thường nơi tay tôi kéo dài mấy ngày. Tay nhỏ út Diệu My tất nhiên mềm mại, con gái mới lớn thì thế, tôi nghĩ thế. Nhưng đó là lần đầu tiên tôi nắm tay một thiếu nữ, tuy rằng nhỏ út vẫn trông như con nít trôn, có vẻ như

không thấy khác thường khi tôi nắm tay cô bé. Lúc đó, trong đầu tôi chợt nghĩ ra vài câu thơ, bây giờ không nhớ hết, nhưng đại khái là hình ảnh một đàn chim sẻ bay lên, làm những nỗi buồn rơi lại và nhà thơ ngồi ôm mặt khóc vì nhớ những ngày qua đi... Đại khái là thế. Nhưng tôi không bao giờ viết xuống giấy các dòng như thế cho trọn một bài thơ. Sao mình lại nặng nghiệp như thế nhỉ.

Khoảng mười phút sau, Thầy nói rằng chúng ta phải học như chim, cất cánh bay đi nhưng không để lại ảnh hình hay dấu chân chim nào trong không gian, cũng như trong tâm mình, những niệm khởi sinh và biến dạng đi. Tôi sực nghĩ, có vẻ như Thầy thấy được cảm giác của tôi khi chợt nắm tay cô bé.

Thầy nói, nếu còn để lại dấu vết, còn nắm giữ cảm thọ của những gì của hôm qua, những gì của quá khứ thì sẽ không giải thoát nổi. Tôi muốn hỏi rằng có phải Thầy nhận ra rằng tôi đang lưu giữ cảm giác nơi tay tôi, nơi vừa nắm tay Diệu My, nhưng rồi thôi. Mà như thế thì có phạm giới gì không, vì nguyên khởi cũng là tình cờ thôi. Ai biết. Nhưng mắt Thầy nhìn thẳng vào mắt tôi, khi nói về cánh chim bay không lưu lại dấu vết ở cõi này. Tôi phải thú nhận, cảm thọ nơi bàn tay tôi như có điện chạy, y hệt như cô bé làm ra điện giựt. Cảm giác đó nhiều thập niên sau vẫn còn nơi tay tôi, mỗi khi nhớ tới.

Một lần, sau khi mọi người tụng kinh xong hết và lui ra, nhỏ út Diệu My ngồi lại một mình trong chánh điện và tụng một mình bài Bát Nhã Tâm Kinh. Bây giờ tôi mới ngân nga, đúng là giọng nhỏ út như tiếng hát rất lạ. Một đàn chim sẻ sà xuống trước sân, nhảy múa theo giọng nhỏ út tụng kinh. Không phải hình ảnh bình thường hằng ngày. Đúng là một điệu vũ lạ. Đàn chim sẻ, lung linh trong nắng mặt trời. Sắc bất dị không, không bất dị sắc... Và khi nhỏ út ngưng tiếng, đàn chim sẻ cũng ngừng lại một chập, và rời bay lên. Tôi nhìn qua Sơn, thấy hẳn cũng nhìn mình, cùng ngạc nhiên vì điệu vũ lạ của chim.

Buổi tụng kinh tuần sau, tôi và Sơn ngồi hàng sau cùng. Và cùng thấy rằng, khi tụng bài Bát Nhã Tâm Kinh, giọng của nhỏ út Diệu My nghe như tiếng nhạc trong âm vang hội chúng chỉ mười người, và ngó ra sân thì thấy đàn chim sẻ sà xuống, nhảy múa hay tụng đọc gì theo kiểu riêng của loài chim. Tôi chợt nghĩ ra một câu thơ, kiểu như hẳn rằng kiếp trước em là chim, hát theo một câu kinh giữa sân chùa, nhưng rồi cũng không dám viết xuống cho thành trọn bài. Lúc nào tôi cũng sợ nghiệp. Nhất là cứ nhớ mãi lời Thầy dạy là hãy như chim bay, không để lại hình ảnh nào trên không.

*

Nhiều thập niên sau, tôi về sống lặng lẽ, bình thường ở khu phố Little Saigon, Quận Cam. Mãi nhớ câu thơ Nguyễn Du, “Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên,” lòng tôi lúc nào cũng nghĩ tới quê nhà nhưng chuyện mưu sinh cứ mãi làm mình loay hoay cả đời. Trong căn chung cư hẹp, rất hẹp, nơi giành cho người cao niên, sống đơn độc với những trang sách cổ, tôi chỉ có niềm vui là dò tìm và viết lại những ẩn nghĩa của cuộc đời.

Những khi bước dọc theo phố Bolsa buổi trưa, dưới nắng ấm mặt trời, lòng tôi lại nhớ tới những tia nắng lung linh với đàn chim sẻ ở sân Chùa Tây Tạng Bình Dương.

Bạn thân ở quê nhà thì nhiều, nhưng thường liên lạc qua email vẫn là Sơn, người bây giờ chỉ còn niềm vui duy nhất là tu học và dịch kinh sách Tây Tạng. Thỉnh thoảng, Sơn gặp chữ khó, không dò được qua tự điển, lại email sang hỏi tôi. Hóa ra, hai thằng bạn năm xưa bây giờ lại là hai cư sĩ ưa dịch kinh sách.

*

Mới tuần trước, tôi nhận được một cú điện thoại lạ. Giọng nhỏ út Diệu My tôi nghe là nhận ra mang máng. Tôi bất ngờ, vì nhiều thập niên qua rồi, vẫn nghĩ là Diệu My còn ở Việt Nam, vẫn đang ngồi ở

một góc núi nào đó. Tôi vẫn nhớ cách nhỏ út hát nghiêng mái tóc, cách ngồi thẳng lưng, với hai bờ vai nhỏ của một đứa con gái chưa lớn trọng.

Tôi đã từng nói với Sơn rằng giọng nhỏ út nói là pha giọng Đà Nẵng với Bình Dương, nhưng thực ra phải nói là giọng pha tiếng nhạc trời, tụng bài Tâm Kinh là không có bản nhạc nào hay hơn. Những lần như thế, Sơn lại bảo rằng tôi nghiệp còn nặng. Vì, Sơn bảo, còn thấy có người nghe tụng kinh say mê giọng tụng kinh của người tụng, thì vẫn còn ở cõi này hoài thôi; lẽ ra, phải thấy ngay tất cả đều là vô ngã, thoát hien và thoát mất, thì mới nhận ra ý kinh.

Diệu My nói rằng, nàng bay từ New York tới thăm Quận Cam một buổi, rồi hôm sau sẽ đi xe lửa về Santa Barbara nhận việc làm mới. Tôi nói, cho tôi mua vé đi theo, để tiễn nàng út vào nơi ở mới.

Tôi nói để sẽ đón ở phi trường John Wayne, cô nàng bảo thôi, vì nàng sẽ xách hành lý tới trước cửa căn chung cư của tôi vào buổi sáng Thứ Bảy. Không gì khó, giọng cười qua điện thoại của nàng già dặn, so với giọng tụng kinh thời thơ ấu, nhưng vẫn là một thứ giọng pha cả Miền Trung và Miền Nam. Cũng vẫn như một tiếng nhạc năm xưa.

Diệu My tới bất ngờ, gõ cửa. Tôi nhìn kỹ. Cô nàng bây giờ tuổi lớn rồi, có một chút má hồng, môi son, nhưng vẫn là mái tóc nép bên cột chùa, mắt nhìn vẫn thơ trẻ. Và dĩ nhiên, không phải chiếc áo tràng màu lam, mà là một áo khoác xám.

Tôi bảo nàng để hành lý trong phòng, rồi đưa nàng ra phố Bolsa ăn trưa. Khu chung cư tôi ở là nơi chính phủ tài trợ. Tôi nhìn quanh mấy hành lang, ngó xuống phố, tự hào vì đi bên cạnh một người phụ nữ dễ thương như thế.

Ngay vừa suy nghĩ thế, tôi chợt nhớ tới câu Sơn nói năm xưa rằng nếu tôi thấy thật là có thì sẽ hồng, mà nói thật là không thì sẽ đi lạc, lúc tôi nói rằng giọng tụng kinh của Diệu My thật tuyệt vời, nghe một lần là cả ngàn triệu kiếp không quên.

Tôi mơ hồ có ý nghĩ muốn giữ nàng ở lại Little Saigon luôn, nhưng để rồi xem sao. Tôi nghĩ, Santa Barbara thì gọi là khá gần, lái xe ba giờ rưỡi, lên thăm nàng là chuyện dễ mà. Tuy nhiên, tôi không dám hỏi về hoàn cảnh gia đình của nàng, như sợ nghe những chuyện buồn, vì đời người đâu dễ có được bao nhiêu niềm vui.

Khi đưa Diệu My tới trước thương xá Phước Lộc Thọ, một đàn chim bay sà xuống trước mặt nàng. Tôi thấy như dường cảnh này đã thấy lâu lắm rồi.

Thời nào đó, mơ hồ, nhưng đã thấy rồi, kể cả khi khu phố Little Saigon chỉ là những vườn cam và rau.

Tôi đưa nàng đi trên các phố ngợp nắng Bolsa, vào một tiệm cơm chay trong góc Phước Lộc Thọ, lấy xe chở nàng ra Huntington Beach nhìn biển mười phút, rồi lại quay về. Tôi chỉ cho nàng thấy chiếc bàn tôi ngồi làm việc hàng ngày, chiếc máy điện toán cổ lỗ và chậm rì nhưng cũng còn nổi mạng được. Tôi chỉ cho nàng thấy chiếc giường tôi nằm, nói mỗi đêm và rạng sáng tôi vẫn ngồi thiền trên giường, vì phòng này chật quá, không dư chỗ để làm thiền phòng hay gì hết, kể cả một bàn thờ. Kiến trúc căn chung cư này gọi là studio, nghĩa là hẹp lắm. Hẹp tới nỗi anh Vũ Huy Quang mỗi lần từ San Jose ghé thăm Quận Cam, nằm ngủ nơi sàn là tôi đi phải nhón chân, vì sợ giẫm nhầm nhà văn khó tính này.

Tôi nói, tôi muốn thời gian ngừng hẳn lại, muốn địa cầu đừng xoay nữa, muốn nắng chiều đừng tàn thêm.

Nàng cười và hỏi, sao vậy.

Trời ạ, tôi muốn ngắt đi khi nhìn thấy nụ cười của nàng, y hết như thời trẻ đại.

Tôi nói, vì tôi không muốn nàng bước ra khỏi căn phòng này nữa.

Nàng lại cười và nói, anh nói chuyện kiểu như thế, mà bảo là vẫn độc thân tới bây giờ là lạ đó.

Tôi nói, đòi người ngắn quá, cứ ngồi dúm đầu vào đọc sách, viết sách, ngẩng đầu lên là thấy tóc trắng rồi, lòng chẳng còn nghĩ ngợi gì nữa.

Nàng bảo tôi, “Su huynh ơi, bước ra hành lang giùm,” để chờ trong khi nàng tắm và thay trang phục để mời tôi đi ăn tối. Oh man, tôi lại nhớ rằng, nhóm bạn chúng tôi đôi khi gọi nhau là su huynh và tiểu muội, chỉ vì có lúc gọi là anh hay em không tiện. Mà tại sao không tiện thì chẳng ai hiểu. Hay tại cái sân chùa Bình Dương này như thế.

Tôi mới nhớ, căn chung cư này hẹp quá, mà tấm bạt che phòng tắm lại là tấm nylon trắng, chẳng thơ mộng gì.

Tôi nói, thôi thì anh bước ra chờ. Tôi nghĩ, nếu ngồi trong nhà, chỉ nghe tiếng nước xối tắm, thế nào lòng mình cũng sẽ suy nghĩ tầm bậy, tầm bạ. Bước ra chờ là phải rồi.

Thực ra thì không ăn tối. Nàng bảo là không ưa ăn chiều, ăn tối. Chúng tôi đêm đó, tới tiệm cà phê Starbucks trên đường Brookhurst, góc Edinger. Nàng mang theo một iPad, ngồi gõ và xem. Tôi nhà quê lắm, những thứ máy móc phức tạp là chịu thua.

Khi tôi nói thế, nàng ngẩng đầu lên cười, Trời ạ, đây là nụ cười thính thoảng hiện về trong giấc mơ của tôi, mà tôi không bao giờ nhận ra là ai và từ đâu.

*

Về nhà, việc đầu tiên là tôi mở máy, vào mạng Amtrak để mua vé xe lửa cùng chuyến với nàng.

Lòng tôi vui như mở hội. Tôi biết rằng, đời mình sẽ không còn như cũ nữa. Những ngày mai sẽ khác, khác hẳn với những ngày hôm qua. Tại sao, tôi cũng không rõ. Nhưng hiển nhiên là, có những niềm vui lớn tới mức khắp đất trời như rục sáng, và mọi chuyện không còn như cũ nữa.

Tôi bảo nàng nằm ngủ trên giường, để tôi nằm dưới đất.

Nàng bảo không được, huynh phải nằm giường.

Tôi không cãi. Tôi đưa một lô mền cho nàng đắp, bảo coi chừng cảm cúm, mệt dễ bệnh lắm.

Tôi ngủ không được. Trằn trọc mãi. Có đất trời làm chứng cho tôi rằng, cả đời tôi chưa bao giờ nằm ngủ chung một phòng với phụ nữ cả. Không hiểu tại sao, cái nghiệp mình nó thế. Có ai gọi thế là có căn tu, nhưng tôi không nghĩ thế.

Tôi nói, ngọn đèn nhỏ cắm dưới chân bàn có làm Diêu My ngủ được không.

Nàng nói, không hề gì, có 500 chiếc xe ngựa phóng trước mặt cũng không hề gì.

Tôi ngồi thiền như thường ngày, hít thở đều đặn. Nhưng quả nhiên là mọi chuyện không như cũ nữa. Mùi hương của tóc nàng như dường bay ngợp cả phòng. Mắt tôi mở nửa chừng, nhìn thấy chiếc mền nàng đắp phập phồng, nhìn thấy chiếc mền phủ lên hai chân nàng duỗi song song.

Trời ạ, tôi nhắm mắt. Chịu thôi, tôi lại nằm, tập hít thở, giả như đang chết, quán toàn thân mình nằm như xác chết. Nhưng giả chết thế nào được. Hình ảnh cô bé đuổi theo đàn chim bay ở sân chùa năm xưa. Rồi hình ảnh đàn chim sà xuống trước mặt nàng ở sân thương xá Phước Lộc Thọ. Rồi hình ảnh hai chân nàng duỗi song song.

Tôi ngồi dậy, mở đèn, hỏi nàng có ngủ được không.

Nàng bảo sắp ngủ.

Tôi bảo, rằng sư huynh muốn nghe nhỏ út tụng giùm một biến Tâm Kinh Bát Nhã. Tụng nhỏ thôi, không cần chuông mõ, vì khuya rồi, hàng xóm khu chung cư này đa sự lắm.

Nàng hỏi, sao hai anh em mình không tụng kinh chung nhau.

Tôi tự nhủ, anh tụng thế nào được nữa. Nhưng tôi nói, rằng anh nhớ hồi xưa anh dò xem nhỏ út thuộc bài kinh này chưa. Bây giờ chỉ muốn nghe thôi.

Nàng ngồi dậy, bảo hễ tụng là ngồi, không dám nằm. Và nàng đọc nho nhỏ, rằng sắc bất dị không... Nàng ngưng lại một chút, hỏi tôi nhớ gì không.

Tôi nói là nhớ. Nhớ chứ, hồi đó, tên Sơn có một lần chặn lại chỗ này, nói sắc đây không phải nhan sắc, mà sắc chính là hình tướng. Thôi đọc tiếp đi, nhỏ ơi.

Nàng đọc lại, đọc trọn bài kinh, giọng như ca hát, giọng như mang theo sóng biển Đà Nẵng và gió rừng Bình Dương.

Tôi nằm xuống ngủ. Đêm đó, tôi nằm mơ thấy một đàn chim bay nương theo gió biển Huntington Beach.

Tỉnh dậy, tôi thấy nàng đã tỉnh dậy từ khi nào, hành lý đã sẵn sàng.

*

Trên xe lửa, tôi nói là tôi sẽ cần liên lạc với nàng.

Cô bé cười, bảo là nàng sẽ liên lạc. Tôi vẫn nhảm hoai, bé thế nào nữa nhỉ, vì tóc nàng có vài sợi bạc rồi.

Nàng nói thêm, như chim bay trên trời, không để lại dấu tích, giữa không gian vô định nhưng vẫn biết nơi cần đến.

Hiển nhiên, ngôn ngữ của nàng không còn là của cô bé ở sân chùa năm xưa nữa.

Tiếng xe lửa chạy âm vang, dĩ nhiên không ồn như xe lửa ở quê nhà. Tôi ngồi bên cạnh nàng, cùng nhìn ra cửa sổ về hướng biển xa.

Tôi không dám hỏi những chuyện đời, kiểu như nàng làm việc gì, lương bao nhiêu, và bà bạn đón về sở mới là ai, quen ra sao. Có vẻ như, tôi sợ những chuyện như thế làm rạn vỡ đi bầu không gian đầy sương khói giữa chúng tôi.

Tôi muốn nói một câu, nhưng rồi ghìm lại, rằng sẽ có lúc anh bật khóc vì nhớ em.

*

Xuống xe lửa, nàng bảo muốn đưa tôi ra nhìn biển Santa Barbara một chút, để rồi sẽ từ biệt. Nhà ga chỉ cách trăm bước là tới biển.

Đứng nhìn biển một chặp, nàng ho khúc khắc. Tôi bảo gió lạnh đó, coi chừng bệnh.

Nàng để mặc cho tóc bay theo chiều gió, mỉm cười nhìn thẳng vào mắt tôi. Một chặp.

Và rồi nàng bảo tôi, hãy ôm em từ biệt đi.

Tôi ôm nàng, choàng tay vòng qua vai, bàn tay tôi kinh ngạc và run rẩy khi cảm nhận lần dây nịt ngực qua lớp vải áo nơi lưng nàng. Một chặp. Và nàng đẩy nhẹ tôi ra, bước đi.

Tôi vẫn còn ngạc nhiên, tự hỏi tại sao mình không hôn nàng. Nhưng mùi hương tóc nàng vẫn còn theo tôi, về tới Little Saigon. Vào cả giấc ngủ đêm hôm đó. Bàn tay tôi run rẩy, cảm xúc khi ôm nàng nơi bờ biển Santa Barbara vẫn còn mãi, còn nơi hai bàn tay tôi kể cả khi tôi gõ email hỏi Sơn về chuyện các bạn ở quê nhà.

*

Sáng hôm sau, tôi đọc email trả lời từ Sơn, trong đó kể nhiều chuyện đời đời dâu biển. Từ chuyện ngôi chùa Tây Tạng Bình Dương, tới chuyện đất ruộng An Phú Đông bây giờ đã giao cho Sư Đăng cất chùa.

Sơn kể rằng bác Diệu Quang và bác Bảy Trụ đã từ trần cả rồi.

Còn nhỏ út Diệu My thì đã xuất gia từ lâu, bây giờ là một ni sư, trong hơn hai thập niên không hề bước xuống phố chợ.

Tôi kinh ngạc khi đọc như thế. Nhìn lại trên bàn, tôi thấy hai vé xe lửa, một của tôi, và một của nàng. Tôi còn nhớ, trên xe lửa, tôi đã nói với nàng là tôi sẽ giữ tờ vé đó để làm kỷ niệm.

Trong phòng vẫn còn thoảng hương tóc nàng, lẫn trong hương gió biển từ xa bay về.

Tôi vẫn nhớ như in rằng, nàng nói dịu dàng, “Su huynh ơi, bước ra hành lang giùm,” khi nàng sửa soạn tắm.

Tôi nhìn hai tay mình, cảm giác như điện chạy vẫn còn, kể cả cảm xúc rất lạ khi ôm nàng và cảm nhận lần dây nịt ngực dưới lưng áo nàng. Làm sao quên được, đó là lần đầu tiên trong đời, tôi được ôm một phụ nữ.

Bên tai tôi, vẫn còn âm vang bài Bát Nhã Tâm Kinh nàng tụng đêm qua...■

THIẾU NỮ TRONG NGÔI NHÀ BỆNH, tập truyện của PHAN TẤN HẢI, là tác phẩm thứ 64 trong Tủ Sách Điện Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn học:

T.Vấn & Bạn Hữu
(T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về Tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*





VỀ TÁC GIẢ

Nhà văn Phan Tấn Hải, pháp danh Nguyên Giác, sinh năm 1952 tại Việt Nam. Hiện định cư tại California, Hoa Kỳ. Từng cộng tác với Tập san Nghiên cứu Triết học (Đại học Văn Khoa, Sài Gòn), Tự Thức, Nhân Văn, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp chí Thơ, Việt Báo, Tạp chí Giao Điểm, Giác Ngộ, Văn Hóa Phật Giáo, và nhiều báo khác.

Các sách đã xuất bản:

- Cậu bé và hoa mai (tập truyện ngắn)
- Thiếu nữ trong ngôi nhà bệnh (tập truyện ngắn)
- Vài chú giải về thiền đốn ngộ
- Thiền tập (biên dịch)
- Ba thiền sư (dịch từ nguyên tác của John Stevens)
- Trần Nhân Tông, Đức Vua Sáng Tổ Một Dòng Thiền (song ngữ)
- The Wisdom Within, Teachings and Poetry of the Vietnamese Zen Master Tue Trung Thuong Sy (song ngữ)
- Teachings From Ancient Vietnamese Zen Masters (song ngữ)
- Thiền tập trong đời thường
- Thiền Tông Qua Bờ Kia
- Khoảnh Khắc Chiêm Bao
- Kinh Nhật Tụng Sơ Thời

Những Tác Phẩm của
NGUYỄN GIÁC PHAN TẤN HẢI
Đã Xuất bản
(trong Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu)

